

Số 111

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Kính mừng
Vu lan

Phật lịch 2554

Số đặc biệt



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

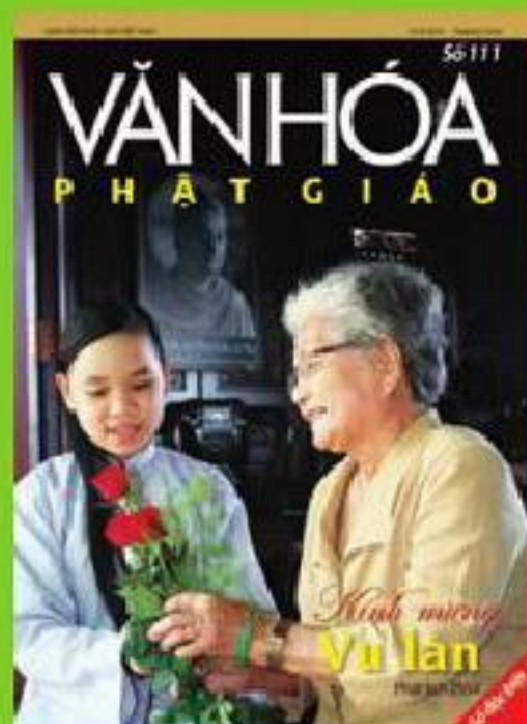
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Giữ tròn hiếu hạnh	3
Sương mai	4
Biết ơn và biết cách đền ơn (Phạm Chánh Cẩn)	5
Chữ hiếu xưa nay (Phan Minh Đức)	8
Có phải mẹ về (Phạm Thanh Chương)	11
Bông hồng trắng (Tịnh Hạnh)	12
Hoài niệm ân sư (Thanh Nhã)	14
Chọn lối ăn chay (Hoàng Thị Như Huy)	16
Tôi, đồng nghĩa với loài vật (Nhụy Nguyên)	18
Tám ngọn gió thế gian (Phổ Đức Hùng)	22
Nghiệp nặng và sự cứu độ của Đức Phật (Nguyễn Xuân Chiến)	25
Trần Thánh Tông, một ngôi sao sáng của Thiền học đời Trần (Nguyễn Thế Đăng)	29
Cái nhìn (Thích Chơn Thiên)	32
Vị đạo nhân không y cứ (Trần Tuấn Mẫn)	36
Đất khách quê mình (Cao Huy Hóa)	39
Hương sen màu nhiệm (Khánh Bảo)	42
15 ngày	44
Thơ	45
Mẹ và con (truyện ngắn của Guy de Maupassant)	47
Thiên thần vẽ ước mơ (Lam Khê)	50
Hai đứa trẻ (Nguyễn Đức Tùng)	53
Món chay: Cơm cháy - rau củ xào (Hoàng Anh - Phú Xuân)	56

Bìa 1: Về thăm mẹ. Ảnh: Kiều Nguyễn.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Chúng ta đang sống trong không khí của mùa Vu-lan Phật lịch 2554. Cùng với những chuẩn bị cho ngày lễ đầy ý nghĩa này, Phật tử chúng ta cũng lắng lòng tự nhủ và nhắc nhở nhau giữ tròn hiếu hạnh.

Là một lễ hội du nhập Việt Nam cùng với đạo Phật, lễ Vu-lan đã được các vị vua triều Lý đem vào chốn cung đình thay thế cho cỗ bàn xa hoa của ngày Tết Trung nguyên từ năm 1118 (năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 9), khi vua Lý Nhân Tông làm lễ cầu siêu cho Linh Nhân Hoàng thái hậu, tức Ý Lan Thái phi, để thể hiện lòng hiếu đối với mẹ. Từ đây, đại lễ Vu-lan đã là dịp để người Phật tử Việt Nam thể hiện lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, không những với cha mẹ hiện tiền mà còn với cha mẹ của nhiều đời trước.

Cùng với sự phổ biến của giáo lý nhà Phật, ý nghĩa lễ Vu-lan trong tâm hồn người Phật tử Việt Nam cũng dần dần được mở rộng, phù hợp với tâm từ và đức hiếu sinh, một trong những phẩm chất căn bản của người Phật tử. Trong mùa Vu-lan, chúng ta không chỉ bày tỏ lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, mà còn thể hiện sự quan tâm đến tất cả những người đã khuất, nhất là với những vị đã thực hiện các công hạnh giúp dân giúp nước, những chiến sĩ trận vong, những oan hồn uổng tử, và với mọi sinh linh. Nói chung, đối với người Phật tử Việt Nam, mùa Vu-lan là thời gian để chúng ta thể hiện lòng biết ơn với tất cả mọi thiện duyên trong quá khứ và trong hiện tại.

Trong ý thức ấy, Văn Hóa Phật Giáo phát hành số đặc biệt nhân mùa Vu-lan Phật lịch 2554 để nói lên công hạnh của người Phật tử Việt Nam trong thời hội nhập trên tinh thần biết ơn và biết cách đền ơn, mà theo lời Phật dạy thì cách đền ơn đầy đủ nhất là biết hướng những người ta chịu ơn an trú vào Tam bảo, được an bình trong tình thương và trí tuệ.

Với niềm tin vững chãi rằng nếu chúng ta thực hiện đúng lời Phật dạy, chúng ta luôn luôn thực hiện được tình độ ngay trong cõi đời này; nhân mùa Vu-lan, VHPG cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến quý độc giả, ân nhân, và thân hữu đã giúp VHPG tồn tại đến năm thứ sáu để góp phần nêu cao lời Phật dạy trong cộng đồng dân tộc.

Xin thành tâm ngưỡng cầu Tam bảo gia hộ để đạo Phật trường tồn, đất nước phồn vinh, thế giới hòa bình và tất cả chúng sinh đều đạt niềm vui tự nội.

Kính chúc quý độc giả một mùa Vu-lan hạnh lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Giữ tròn hiếu hạnh

Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha.

Kinh Tăng Chi, Chương Hai Pháp

Ví như có người trải trăm ngàn kiếp vì báo ơn cha mẹ, lấy thân mình đốt lên làm cây đèn thịt cúng dường chư Phật; như thế cũng là chưa báo đáp được công ơn kể trong muôn một.

Kinh Phật Thuyết Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân

Này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, an trú, hướng dẫn các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha.

Kinh Tăng Chi, Chương Hai Pháp

Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm Thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường.

Kinh Tăng Chi, Chương Ba Pháp

Chánh hạnh đối với mẹ, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Chánh hạnh đối với cha, này các Tỷ-kheo, là bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức.

Kinh Tăng Chi, Chương Bốn Pháp

Thành tựu với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, với biết ơn và biết trả ơn. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

Kinh Tăng Chi, Chương Bốn Pháp

Vui thay, hiếu kính mẹ,

Vui thay, hiếu kính cha,

Kinh Pháp Cú, kệ 332

Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

Kinh Phật Thuyết Như Vậy

Hiếu dưỡng mẹ và cha,

Nuôi dưỡng vợ và con,

Làm nghề không rắc rối,

Là điểm lành tối thượng.

Kinh Tập

Bà-la-môn Mataposaka hỏi: Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy; tôi có làm đúng trách nhiệm không? *Đức Thế Tôn đáp:* Này Bà-la-môn, Ông làm như vậy là đúng trách nhiệm. Này Bà-la-môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp; sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp lại nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức.

Người nào theo chánh pháp,

Nuôi dưỡng mẹ và cha.

Và tạo nhiều công hạnh,

Đối với cha và mẹ.

Nhờ vậy, bậc Hiền thánh,

Trong đời nầy tán thán,

Sau khi chết được sanh

Hưởng an lạc chư Thiên.

Kinh Tương Ưng Bộ

*Ví như có người vì cứu cha mẹ nuốt một hoàn sắt
nóng suốt trăm nghìn kiếp, khắp thân cháy rục cũng
không thể nào báo đáp ân đức của cha mẹ.*

Kinh Phật Thuyết Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân



Ảnh: Chí Giác Thông

Biết ơn và biết cách đền ơn

PHAM CHÍNH CẦN

Khi đạo Phật được truyền đến Trung Hoa vào thế kỷ thứ I Tây lịch, Nho gia đã giành được địa vị thống trị trong xã hội. Ban đầu, có thể do đố kỵ, Nho gia đã không ủng hộ Phật giáo. Dựa vào những hiểu biết ít ỏi có được lúc ấy về Phật giáo và vị giáo chủ của đạo Phật, Nho gia cho rằng đạo Phật không thích hợp với nhân luân. Điều quan trọng nhất, Nho gia cho rằng Phật giáo không biết về đạo hiếu; trong khi xã hội Trung Hoa rất chú trọng đến đạo hiếu. Quả thật, Nho gia thời Hán đã từng chỉ trích Đức Phật Thích Ca về việc Ngài bỏ gia đình để tìm đạo giải thoát và khuyến khích đệ tử của Ngài cũng rời bỏ gia đình để dễ dàng đạt tới sự giác ngộ tối thượng.

Từ đó, có quan điểm cho rằng để Phật giáo có thể có được chỗ đứng trong lòng người Trung Hoa, giáo lý đạo Phật đã phải nhấn mạnh thêm về đạo Hiếu. Học giả Nhật Bản Nakamura Hajime đã viết trong tác phẩm "Cách suy nghĩ của các dân tộc phương Đông: Ấn Độ, Trung Hoa, Tây Tạng và Nhật Bản" (*Ways of Thinking of Eastern Peoples: India, China, Tibet and Japan*) rằng, "Những người truyền bá đạo Phật đã buộc phải giảng dạy về đạo hiếu cho người bình dân Trung Hoa vì đức tính quan trọng nhất của Khổng giáo là lòng hiếu thảo, một đức tính đòi hỏi sự vâng lời một chiều từ con cái và người ít tuổi đối với cha mẹ và người lớn tuổi hơn. Ý niệm này không có trong Phật giáo Ấn Độ, như có thể thấy là trong các kinh điển gốc bằng tiếng Sanskrit hoàn toàn không có từ tương đương với khái niệm hiếu

đạo, thường thấy trong các kinh văn đã được dịch ra tiếng Trung Hoa. Hẳn là những dịch giả đã phải thêm thuật ngữ này vào bản dịch của họ. Quan điểm này được một số học giả đồng ý, thể hiện trong nhiều nghiên cứu liên quan đến đạo hiếu của người Phật tử. Chẳng hạn, John Strong, trong bài viết "Lòng hiếu thảo và đạo Phật: Những tiền lệ của Ấn Độ đối với một vấn đề của người Trung Hoa" (*Filial Piety and Buddhism: The Indian Antecedents to a 'Chinese' Problem*), còn đi xa hơn khi cho rằng việc thực hành lòng hiếu thảo của các tu sĩ Phật giáo Ấn Độ chỉ là một sự thỏa hiệp với nền đạo đức Bà-la-môn vẫn tồn tại ở mức độ đại chúng trong xã hội Ấn Độ cổ đại.

Thực ra, các học giả ủng hộ quan điểm nói trên có thể đã bỏ qua một số chi tiết được nêu trong kinh điển Pali. Sau này, khi các văn bản bằng tiếng Pali đã được dịch ra đầy đủ hơn, và khi được tụng đọc các bộ kinh như kinh *Tăng Chi bộ*, kinh *Tương Ưng bộ*... chúng ta bắt gặp rất nhiều lời do chính Đức Phật nói ra cho thấy Ngài rất quan tâm đến việc con cái phải biết ơn và biết cách đền ơn cha mẹ. Tất nhiên, khái niệm hiếu được thể hiện qua lời Đức Phật không giống với quan niệm hiếu của người Trung Hoa; nhưng không vì thế mà có thể nghĩ rằng đạo Phật không nói đến lòng hiếu thảo. Trong các đoạn dẫn sau, chúng ta thấy chẳng những Đức Phật dạy ta phải biết ơn cha mẹ mà Ngài còn chỉ ra cách đền ơn thích đáng. Hơn nữa, thực hiện hiếu hạnh là yếu tố quan trọng trong việc tạo công đức; và thực hiện hiếu hạnh còn được coi là một quy tắc xã hội.

I. Thực hành hiếu đạo và cách đền đáp công ơn cha mẹ

Kinh *Tăng Chi bộ* có nêu lời Phật dạy: "Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỷ-kheo, một bên vai công cha, làm vậy suốt một trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dù tại đấy, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, sinh thành, nuôi dưỡng, giới thiệu chúng vào đời".

Theo luật Ma-ha-tăng-kỳ, song thân của Tỷ-kheo Piliṇḍavatsa rất nghèo khổ, do đó, ngài muốn biếu song thân mình cả thượng y lẫn hạ y mà ngài đã được cúng dường nhưng không biết điều đó có hợp với luật hay không. Vì thế, ngài đã đến bạch Phật để xin được chỉ dạy. Đức Thế Tôn liền tập hợp Tăng chúng lại và giảng cho Tăng chúng đoạn kinh văn được trích dẫn ở trên. Nhân đó, Đức Thế Tôn cũng chế luật khuyên các Tỷ-kheo nên thành tâm phụng dưỡng cha mẹ trọn đời. Trong đoạn kinh văn trên, hiển nhiên Đức Phật đã giảng dạy về đạo hiếu. Nhưng cũng trong đoạn kinh văn đó, Đức Phật khẳng định rằng

mọi cố gắng phụng dưỡng cha mẹ bằng vật chất hoàn toàn không đủ để trả ơn cha mẹ. Theo Đức Phật, để có thể trả ơn cha mẹ một cách đầy đủ, người con phải biết hướng dẫn cha mẹ an trú vào chánh pháp. Kinh văn tiếp tục như sau: "Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, an trú, hướng dẫn các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha".

Như vậy, Đức Phật đã nói đến bốn công việc mà người con muốn đền đáp công ơn cha mẹ phải thực hiện được; cả bốn điều ấy đều vì sự tiến bộ về mặt tâm thức, bắt đầu từ xây dựng tín tâm, đến thực hành giới, thể hiện lòng từ, và phát triển tuệ giác. Ở đây, chúng ta thấy một người con hiếu phải là người tự mình cũng đã an trú trong Phật pháp; vì nếu tự thân mình chưa an trú trong Phật pháp thì làm thế nào có thể hướng dẫn để an trú cha mẹ trong Phật pháp được. Điều đó cũng khẳng định rằng khi một vị Tỷ-kheo đã xuất gia, vị ấy cũng nên tinh cần sống đúng giáo pháp, sau đó mới có thể đền đáp công ơn cha mẹ đúng chánh pháp.

Cũng trong kinh *Tăng Chi bộ* Đức Phật dạy, "Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, ở đấy, con cái kính lễ mẹ cha, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm Thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, ở đấy, con cái kính lễ mẹ cha, những gia đình ấy được chấp nhận như các đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, ở đấy, con cái kính lễ mẹ cha, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường. Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là tiếng để gọi cha và mẹ; các bậc đạo sư đời xưa, này các Tỷ-kheo, là tiếng để gọi cha và mẹ; xứng đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là tiếng để gọi cha và mẹ". Theo lời dạy này, một mặt, hiếu đạo của các người con làm tăng phẩm giá của một gia đình; mặt khác, mọi người con phải hiểu rằng cha mẹ của mình là bậc xứng đáng được phụng dưỡng đúng mức, với sự kính trọng.

Kinh *Tăng Chi bộ* còn nói rõ về ba nghĩa vụ nếu được thực hiện thì một người được ca ngợi là có trí và có thiện hạnh, đó là bố thí, xuất gia và phụng dưỡng cha mẹ.

II. Thực hành hiếu đạo là một nền tảng xây dựng công đức

Kinh *Tương Ưng bộ* có kể về Mataposaka, một vị Bà-la-môn vốn là con của một gia chủ giàu có, nhưng vào lúc ông này có ý định xuất gia thì cha mẹ của ông bị một kẻ người làm bắt lương lừa gạt lấy sạch tài sản đến nỗi cha mẹ của ông phải đi ăn mày. Biết tin, ông thưa thỉnh với Phật, "Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, làm như vậy, tôi có làm đúng trách nhiệm không?" Đức Phật

trả lời, “Này Bà-la-môn, Ông làm như vậy là đúng trách nhiệm. Này Bà-la-môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp; sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp lại nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức”.

Kinh *Tăng Chi bộ* cũng kể rằng phụng dưỡng cha mẹ từng là công hạnh đầu tiên trong số bảy công hạnh mà Phạm Thiên đã gìn giữ khi còn là người trong một kiếp trước; và chính nhờ có công đức như thế mà về sau ngài được sanh vào Tam thập tam thiên rồi trở thành vương chủ.

III. Thực hành hiếu đạo

được coi như quy tắc xã hội phải theo

Kinh *Tăng Chi bộ* có thuật lại việc trên cõi trời Tam thập tam, các vị đại thần cổ vấn và các vị hoàng tử của chư Thiên thường xuyên du hành trong thế giới loài người để xem trong thế giới loài người có nhiều người có hiếu với cha mẹ, kính lễ các Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng các vị gia trưởng, làm lễ Uposatha, có đức cao cảnh giác, có làm công đức... hay không. Nếu như các vị đại thần và các vị hoàng tử báo cáo tình hình xấu xa tiêu cực thì chư Thiên ở trời Tam thập tam không vui, nói rằng chúng Thiên sẽ tổn giảm và chúng A-tu-la sẽ được sung mãn. Ngược lại, với những báo cáo tích cực, tốt đẹp, thì chư Thiên sẽ hân hoan nói rằng chúng Thiên sẽ sung mãn trong khi chúng A-tu-la sẽ tổn giảm. Ở đây, chúng ta có thể hiểu rằng việc con cái không hiếu kính cha mẹ sẽ tác động xấu đến cuộc sống an bình của con người, vì sự tranh cãi, đổ kỵ sẽ tăng.

Trong kinh *Trường bộ* có đoạn khẳng định việc con cái có kính trọng và biết phụng dưỡng cha mẹ hay không là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của loài người. Kinh nói rằng vào lúc tuổi thọ của loài người chỉ còn 150 tuổi thì có sự tăng trưởng những hiện tượng như là thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với các bậc thánh, thiếu sự tôn trọng đối với các vị trưởng tộc; và vì thế mà tuổi thọ loài người trong thời kỳ ấy giảm xuống chỉ còn 100 tuổi.

Qua những dẫn chứng trên, chúng ta thấy rằng hiếu đạo đã là một trong những nền tảng đạo đức của giáo lý nhà Phật, không chỉ là một nội dung được thêm vào để thỏa hiệp với luân lý Bà-la-môn hay để dễ tìm được một chỗ đứng trong xã hội Trung Hoa.

Liên hệ đến trường hợp Việt Nam, chúng ta có thể thấy rằng đạo Phật đã truyền vào đất nước chúng ta cùng một lúc với Nho giáo. Thật vậy, sử cho biết những người đầu tiên “khai hóa” cho người Việt là các ông quan Trung Hoa như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp... Họ đều đến Việt Nam trong khoảng từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ III Tây lịch. Khi ấy, Trung Quốc cũng đang tiếp thu Phật giáo. Ta cũng có thể thấy Phật giáo đã tác động rất lớn đến văn hóa Việt, cho nên những vị vua mở đầu thời đại tự chủ của người Việt đều là các Phật tử chứ không phải Nho gia. Nghĩa là

trong thời kỳ xây dựng nền tự chủ của người Việt, nếu những dấu ấn của văn hóa Phật giáo không vượt thắng văn hóa Khổng giáo thì ít ra cũng song hành. Sử Việt có nêu trường hợp Mậu Tử viết *Lý học luận* trong thời gian ngài sống ở Giao Châu để phản bác những lời chỉ trích đạo Phật của Nho gia, trong đó Mậu Tử có nói về hiếu đạo của người Phật tử rộng lớn hơn hiếu đạo của Nho gia. Như vậy, có thể thấy nền hiếu hạnh của người Việt không hẳn là đã được làm phong phú thêm bởi quan niệm hiếu đạo của người Trung Hoa, mà chắc chắn đã chịu những ảnh hưởng sâu lắng của tư tưởng Phật giáo ngay từ thời kỳ đầu. Mở rộng quan niệm hiếu đạo ấy, người Việt luôn luôn biết ơn và biết cách đền ơn, bằng cách giới thiệu và an trú tất cả những ai mình mang ơn vào lòng tin Tam bảo. ■





Ảnh: Trần Thanh Vỹ

Chữ hiếu xưa nay

PHAN MINH ĐỨC

Hiếu thảo là một truyền thống đạo đức quý báu của người Việt Nam nói riêng và người Á Đông nói chung.

Chữ Hiếu trong dân gian Việt Nam

Người Việt Nam khi nói đến chữ Hiếu, liền nghĩ ngay đến việc “thờ cha, kính mẹ”, như bài ca dao vờ lòng mà ai ai cũng thuộc: “Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”; hoặc

trong *Quốc văn Giáo khoa thư* ngày trước: “Cha sinh mẹ dưỡng, đức cù lao lấy lượng nào đong. Thờ cha mẹ ở hết lòng, ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường”. Nhưng thờ kính cha mẹ như thế nào? Đó là: mến yêu, cung kính, đỡ đần cho cha mẹ, vui vẻ vâng lời (Làm con phải biết phận con, mến yêu cung kính mới tròn thảo ngay, việc làm nặng nhẹ đỡ tay, khi sai khi bảo mặt mày hân hoan, lời thưa tiếng nói dịu dàng, cứng đầu cứng cổ dọc ngang thì dừng. *Ca dao*), chăm sóc phụng dưỡng: sớm thăm tối viếng (Mẹ già ở túp lều tranh, sớm thăm



tối viếng mới đành dạ con. *Ca dao*), quạt nong ấp lạnh (Thức khuya dậy sớm cho cần, quạt nong ấp lạnh giữ phần đạo con. *Ca dao*), nuôi dưỡng cha mẹ (Dây bầu dây mướp cùng leo, sớm hôm nuôi mẹ, giàu nghèo sá chi. *Ca dao*)... Đó là quan niệm dân gian về chữ Hiếu.

Chữ Hiếu trong Nho giáo

Nho giáo, nền tảng luân lý đạo đức của người Việt Nam và Trung Quốc ngày xưa, có hẳn một quyển sách riêng dạy về đạo hiếu gọi là Hiếu kinh. Sau đây là một số lời dạy của các bậc hiền triết Nho gia về đạo hiếu: Đệ tử của Đức Khổng Tử, thầy Tăng Tử, nói: "Hiếu giả bách hạnh chi tiên" (Hiếu là nét đứng đầu trăm nét); thầy Mạnh Tử dạy về hành động hiếu: "Hiếu tử chi sự thân: cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm" (Việc phụng sự cha mẹ của người con hiếu là: cư xử hết lòng

kính trọng, dưỡng nuôi cố làm đẹp lòng, bệnh đau tận tâm lo lắng, tang ma hết sức xót thương, tế lễ nghiêm trang rất mực)... *Kinh Thi* cũng dạy: "Phụ hể sinh ngã, mẫu hể cúc ngã. Ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hạo thiên vong cực" (Cha sinh ta, mẹ nuôi ta. Hỡi ôi cha mẹ sinh ta khó nhọc, muốn báo ơn sâu, như vói lên trời cao chẳng đặng)...

Chữ Hiếu trong đạo Phật – chữ Hiếu siêu việt

Trong Phật giáo, hiếu đạo được đề cập đến một cách trọn vẹn và hoàn hảo. Đức Phật dạy: "Điều thiện tối cao không gì hơn hiếu, điều ác cùng cực không gì hơn bất hiếu" (*Kinh Nhãn nhục*), "Gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật" (*Kinh Đại tập*), "Quả đất người đời cho là nặng, mẹ hiền ơn nặng quá hơn nhiều; Núi Tu di người đời cho là cao, cha hiền ơn cao quá hơn nhiều" (*Kinh Tâm Địa Quán*), "Nếu có người vai trái công cha, vai phải công mẹ đến ngàn muôn năm, cha mẹ ăn uống, ngồi nằm, bệnh hoạn, cho đến đại tiểu tiện trên vai, người ấy vẫn không đến được ơn cha mẹ. Phải biết ơn nặng của cha mẹ: cư mang, sinh sản, bóng ẩm, nuôi nấng, dạy dỗ, tùy thời săn sóc, không sai thời tiết, không kể tháng ngày. Vì thế ơn cha mẹ rất khó đến đáp" (*Kinh Tăng Nhất A Hàm*)... Chữ Hiếu trong đạo Phật mang tính siêu việt hơn những quan niệm hiếu thảo thông thường, hành động hiếu thảo không chỉ là mến yêu, cung kính, vâng lời, phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống và thờ phụng, tưởng nhớ khi cha mẹ đã qua đời, mà còn là việc hướng cha mẹ đến với điều thiện điều lành, xa lánh điều xấu điều ác, và bản thân người con cũng phải sống tốt để cha mẹ vui lòng. Đức Phật đã dạy mỗi người con làm cách nào để đáp đền công ơn cha mẹ một cách đầy đủ, trọn vẹn: "Hãy khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành, thọ Tam quy, giữ Ngũ giới. Dù cha mẹ buổi sớm mai thọ trì Tam quy Ngũ giới, chiếu về cõi chết, đối với ơn nặng của cha mẹ cũng gọi là tạm đền" (*Kinh Hiếu Tử*), "Những ai đền ơn cha mẹ bằng cách nuôi dưỡng, cúng dường với của cải vật chất, tiền bạc thời không bao giờ đủ để trả ơn cha mẹ. Nhưng những ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ có lòng tin vào điều thiện, sống theo điều thiện; đối với cha mẹ xan tham, khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ bố thí, biết sốt chia sẻ; đối với cha mẹ có ác kiến, theo đường tà, giúp cha mẹ có chánh kiến, khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ trở về con đường lành, con đường chơn chánh, sáng suốt, như thế mới đủ trả ơn cho cha mẹ" (*Kinh Tăng Chi Bộ*). Đối với đạo Phật, những việc làm xuất phát từ lòng hiếu thảo mang lại lợi ích thiết thực cho cha mẹ trong hiện tại và tương lai mới chính là hành động hiếu. Theo Phật giáo, con người không chỉ có kiếp sống hiện tại mà còn có kiếp sống vị lai, do đó người con hiếu thảo cần phải chăm lo cho cha mẹ cả đời sống sau khi từ giã cõi đời này. Người con hiếu trong đạo Phật luôn ưu tư:

Sau khi chết cha mẹ sẽ đi về đâu? Làm sao để giúp cha mẹ có được niềm an lạc hạnh phúc trong đời sống hiện tại và đời sống sau khi chết? Việc hướng cha mẹ theo con đường chơn chánh, giúp cha mẹ gieo trồng những nhân duyên lành cho đời này và đời sau, chăm lo vun bồi công đức phước báu chính là việc làm thiết thực để đáp đền công ơn cha mẹ.

Truyền thống hiếu đạo lưu truyền đời đời. Ngày nay chữ Hiếu cũng không khác mấy so với ngày xưa, vì cũng xuất phát từ tấm lòng tri ân và báo ân (biết ơn và đền đáp ơn) cha mẹ. Tuy nhiên do điều kiện, hoàn cảnh xã hội ngày nay không giống như ngày xưa, cho nên cách thể hiện lòng hiếu thảo của người con thời nay có khác người xưa. Trong hoàn cảnh xã hội ngày nay, cuộc sống luôn vội vàng bận rộn, vì thế con cháu thường gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện bốn phận với ông bà cha mẹ, chẳng hạn như không có nhiều thời gian gần gũi chăm nom săn sóc ông bà cha mẹ, không trực tiếp nuôi dưỡng, phụng sự ông bà cha mẹ (có trường hợp phải thuê người chăm sóc, con cháu không có thời gian để thường xuyên tự tay chăm sóc, có trường hợp gởi ông bà cha mẹ vào viện dưỡng lão), vì hoàn cảnh sống, làm việc mà phải cách xa ông bà cha mẹ. Tuy nhiên, mỗi người nên cố gắng dành thời gian gần gũi ông bà cha mẹ để ông bà cha mẹ không cảm thấy cô đơn buồn tủi, cần nên để ông bà cha mẹ tham dự vào việc dạy dỗ con cháu làm cho ông bà cha mẹ cảm thấy mình còn là người hữu ích, và cũng để ông bà cha mẹ có niềm vui khi gần gũi con cháu. Khi ở xa ông bà cha mẹ, nên thường xuyên gởi thư hoặc gọi điện thoại thăm hỏi sức khỏe và đời sống của ông bà cha mẹ. Lúc về già có người thích sống với con cháu, có người thích sống ở viện dưỡng lão với những người già khác để sớm hôm bầu bạn, hoặc sống ở một cảnh chùa thanh tịnh nào đó, vì thế nên tùy tâm nguyện của ông bà cha mẹ mà con cháu làm theo để ông bà cha mẹ vui lòng.

Đó là hiếu khi cha mẹ còn sống. Sau khi cha mẹ qua đời, lòng hiếu thảo được thể hiện qua việc phụng thờ và tưởng nhớ. Tấm lòng người xưa đối với ông bà cha mẹ đã khuất thể hiện qua câu: "Kính như tại" có nghĩa là kính như đang còn sống. Phụng thờ để tưởng nhớ và nhắc nhở cho nhau công đức, ân nghĩa sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ. Hàng năm cúng giỗ để tưởng nhớ và để bày tỏ lòng biết ơn. Đối với xã hội ngày nay, có người cho rằng những việc làm này không thiết thực nhưng thật sự nó có giá trị rất lớn về mặt tinh thần.

Tóm lại, Hiếu là bốn phận làm con mà cũng là đạo làm người. Hành động hiếu thảo thể hiện qua hai phương diện: phương diện vật chất và phương diện tinh thần. Về phương diện vật chất, tùy điều kiện, hoàn cảnh mà nuôi dưỡng, chăm lo săn sóc cho cha mẹ: cơm nước, áo quần, thuốc men khi đau ốm... Về phương

diện tinh thần, luôn tỏ lòng kính yêu cha mẹ, sống tốt, biết lo cho bản thân và gia đình, trở thành người hữu ích cho xã hội để cha mẹ yên tâm và tự hào, không làm cho cha mẹ buồn lòng, không làm cho cha mẹ tủi hổ vì những việc sai trái, tội lỗi. Người con chí hiếu thực hành hiếu đạo theo lời Phật dạy, ngoài những việc làm trên còn cần phải biết hướng cha mẹ tu thân, hành thiện, quy y Phật pháp để xây dựng hạnh phúc cho đời này và đời sau.

Lòng hiếu thảo chẳng những có ý nghĩa về mặt văn hóa, đạo đức mà còn có tác dụng giáo dục. Người biết hiếu thảo với ông bà cha mẹ của mình là tấm gương sáng cho con cháu sau này noi theo, đó là truyền thống "uống nước nhớ nguồn" quý báu. Đức Phật còn dạy rằng, lòng hiếu thảo cũng chính là nhân lành, là hạnh của bậc Thánh: "Ta tự nhớ trong nhiều kiếp quá khứ, từ tâm hiếu thuận cúng dường cha mẹ, do công đức như vậy nên lên các tầng trời thì làm vị thiên đế, xuống trần gian thì làm vị thánh vương" (Kinh Hiền Ngụ). ■



Ảnh: Chí Giác Thông



Có phải mẹ về...

PHAM THANH CHUONG

Những cơn mưa vào lúc trời gần sáng bao giờ cũng êm ả và buồn, những hạt mưa rơi xuống mái tôn rì rạc, mơ hồ như tiếng lá khô lăn trên mặt đường trong một buổi trưa đầy nắng. Tôi thức giấc và nghe tiếng gió mênh mông ngoài đầu ngõ...

Mẹ tôi mất, căn nhà trở nên trống vắng và hiu quạnh, những chậu hoa ngày trước bố tôi trồng đã được ông bỏ nhiều thời gian còn lại của tuổi già để tỉa xén, nâng niu nay cũng tàn đi, xiêu vẹo. Mười năm rồi, tôi không còn nhìn thấy hình ảnh quen thuộc của mẹ tôi ngồi bên ngưỡng cửa chờ tôi với bữa cơm chiều như ngày nào lúc tôi còn bé. Mẹ tôi đã bỏ lại những ràng buộc, những yêu thương và biết bao kỷ niệm trong căn nhà này để đến một nơi mà tôi không thể hình dung ra được.

Người ta vẫn thường nói đó là "cõi đi về", một miền đầy cỏ hoa hay nơi yên nghỉ, mà ở đó, mẹ tôi sẽ ở lại đời đời? Nơi ấy có nắng vàng, có khói ấm vươn lên như căn nhà mẹ tôi đã sống?

Mười năm rồi, tôi không còn nghe tiếng bước chân nhẹ nhàng của mẹ tôi nữa, không còn nhìn thấy những đêm mưa gió mẹ ngồi bên ngọn đèn dầu leo lét vá lại những chiếc áo cho tôi. Lúc ấy nằm trong chăn, tôi nhìn thấy bóng mẹ in trên tường hiền lành, nhẫn nại, hắt hiu như một đời của mẹ. Những cái khi mất rồi tôi mới biết rằng mình đã có. Sự nhận biết muộn màng này làm tôi ray rứt khôn nguôi.

Ngày xưa, căn nhà ấm áp với tiếng nói sang sảng của bố và giọng cười dịu dàng của mẹ. Bây giờ cũng vẫn căn nhà ngày trước nhưng sao tôi có cảm giác như lạnh hơn, trống vắng và đầy bóng tối.

Mẹ tôi đến với cuộc đời này rồi lại ra đi, để lại cho tôi biết bao điều để nhớ. Cái giếng nước ngày nào mẹ ngồi giặt quần áo cho tôi nay vẫn còn đó với đám cỏ dại vây quanh, những buổi xế trưa tôi nhìn ra bờ giếng, thấy nắng vàng từng mảng loang lổ, tiếng còn

trùng râm ran trong bụi cây, tiếng gà gáy trưa vọng lại từ cuối xóm buồn bã như một lời từ biệt.

Tôi ngồi trên bậc cửa, nơi mà ngày xưa mẹ tôi vẫn ngồi chờ tôi vào những bữa cơm chiều, tôi nhìn vào khoảng trời xanh mênh mông tự hỏi: Ở một nơi xa xăm nào đó, có khi nào mẹ tôi chợt nhớ lại nơi này? Mẹ có trở về thăm lại căn nhà thân yêu mà một thời bố mẹ đã sống với những đam mê, hạnh phúc của kiếp làm người? Nhưng trước mắt tôi chỉ là một màn sương mờ lãng đãng.

Người ta thường nói thời gian sẽ làm cho ta nguôi ngoai, quên đi nhiều thứ, liệu có đúng như vậy hay không? Mười năm, tôi vẫn nhớ tiếng cười, giọng nói và bước chân nhẹ nhàng quen thuộc của mẹ tôi. Mười năm có ngắn lắm không? Hay phải thêm một khoảng thời gian nào nữa rồi tôi cũng sẽ quên đi như đã quên mọi chuyện trong cuộc đời này?

Những cơn mưa vào lúc trời gần sáng bao giờ cũng làm cho tôi có cảm giác êm ả và một nỗi buồn nhẹ nhàng len vào.

Trong giấc ngủ chợt chờn tôi thấy mẹ tôi trở về trong làn sương mỏng, mơ hồ như khói tan trên mặt nước. Mẹ cười với tôi trong giấc ngủ và, trong khoảnh khắc nào đó của giấc mơ, tôi nghe cả giọng hát mẹ ru tôi từ những ngày thơ ấu, tôi nghe cả tiếng vông đưa trong giấc ngủ và thấy ánh nắng lúa thừa, vàng nhạt trên bờ giếng sau hè.

Cơn mưa rồi đến lúc cũng phải tạnh và giấc mơ rồi cũng sẽ tàn phai.

Khi thức dậy nhìn đám rêu ướt sũng trước sân nhà, chiếc cổng vẫn còn đóng kín, không có bước chân nào đến hay đi.

Mẹ tôi đã sống một kiếp đời ngắn ngủi, nghèo khó với bao nhiêu cay đắng, cùng những ngọt ngào từ cuộc đời này mang lại. Tất cả rồi cũng chỉ là hư ảo. Từ trong sâu thẳm nhất của tâm hồn, tôi muốn nói với mẹ tôi một lời: "con thương yêu mẹ biết bao nhiêu!". ■



Bông hồng trắng

TINH HANH

*Độ nhỏ tôi không tin
Người thân tôi sẽ mất
Hôm ấy tôi sững sờ
Và nghi ngờ trời đất.
Từ nay tôi hết thấy
Trên trán mẹ hôn con
Những khi con phải đòn
Đau lòng mẹ la lấy.*

Một tâm trạng nghi ngờ đã theo con suốt mười mấy năm qua rằng con vẫn không tin sự thật mẹ đã mất. Con ngây thơ và khờ dại quá phải không mẹ? Đã biết bao mùa Vu lan trôi qua con vẫn không đủ can đảm để cài bông hồng trắng. Con luôn chối bỏ sự thật dù rằng con vẫn biết mẹ đã không còn nữa. Đến giờ này tim con vẫn còn đau nhói khi nhớ lại cái ngày mà anh chị em chúng con ngậm ngùi trong chiếc khăn tang đưa mẹ về lòng đất lạnh.

Mẹ ơi!!!

Đó là tiếng gọi duy nhất mà con có thể hét lên lần cuối cùng khi người ta đưa quan tài của mẹ xuống huyệt. Con đau lắm! Chưa bao giờ con có thể cảm nhận được một nỗi đau quá lớn như vậy. Suốt mười mấy năm qua con đã sống trong sự trầm cảm, nghi ngờ và chối bỏ những sự thật về vô thường. Con trách ông trời đã cướp đi người mẹ của con, con trách Trời Phật không thương những người lương thiện. Tại sao những người độc ác lại được sống lâu và giàu có? Tại sao mẹ con cả một đời lam lũ, vất vả đối chọi với cái khó cái nghèo, chắt chiu từng đồng để chúng con có được những bữa cơm ngon, có được bộ quần áo hàng hiệu để đến trường thì ông trời lại bắt mẹ con đi sớm?

*Mẹ cho con tất cả
Hết quãng đời tuổi xanh
Cả thương yêu dịu ngọt
Rộng hơn biển trời xanh.*

Muôn vàn khó khăn, đau thương là thế. Cái đói cái nghèo đã làm héo hon đời mẹ. Thương cho anh chị em chúng con ở nhà đang chờ mẹ về để có bữa cơm chiều ngon miệng, mẹ đã ráng hết sức mình chèo đò qua sông mua cho được những thứ mà chúng con thích ăn nhưng nào ngờ đâu đó lại là buổi chiều định mệnh để rồi mãi mãi con đã không còn những buổi đứng tựa cửa chờ mẹ về. Dòng nước chảy xiết đã vô tình cuốn mẹ đi, năm đó trời mưa tầm tã, không một ai nghe tiếng mẹ kêu cứu, chỉ có tiếng gió và tiếng nước chảy cuốn cuộn đáp lại lời mẹ. Trong khi đó lũ chúng con cứ ngơ ngác nhìn nhau thắc mắc "Sao lâu quá mẹ vẫn chưa về?". Nào ngờ khi người hàng xóm vội vàng chạy qua nhà báo xác mẹ mới được vớt từ dưới sông, báo tin cho anh Hai phải chạy ra gấp. Anh Hai vội chạy thật nhanh theo người hàng xóm, chân còn chưa kịp xỏ đôi dép, nước mắt ràn rụa chạy như điên như muốn níu kéo một điều gì đó. Nhưng đã muộn mất rồi... Mẹ đã xa chúng con thật rồi!

*Một chiều thu lạnh dăng bát cơm đầy
Tình nghĩa ấy mẹ ơi bao thấm thía
Phương trời này con ngậm ngùi rơi lệ
Đức cù lao muôn một trả chưa xong.*

Có phải là quá sớm không mẹ khi chúng con đang bắt đầu cảm nhận một nỗi đau về vô thường? Những giọt nước mắt mặn chát cứ tuôn chảy liên hồi, con muốn ngăn chúng lại mà không được. Thôi thì hãy cứ khóc. Hãy cứ hét lên cho đất trời biết rằng ông trời đã quá nhẫn tâm với chúng con. Nhưng rồi liệu mẹ có sống lại được không? Có về với chúng con được nữa không? Anh Hai cố nén cơn đau, cắn chặt môi cố ngăn đôi dòng lệ nhưng đầu có cứng rắn cỡ nào con biết trong lòng anh cũng đang rất đau. Chỉ tội nhất là Út, Út chẳng biết gì cả, cứ ngơ ngác nhìn mọi người rồi lại cười, sau đó lại khóc vì đòi mẹ.



Rồi năm tháng cũng dần trôi qua, chúng con đang tập cho mình phải đứng vững trước những nỗi đau của cuộc đời, tập cho mình cách sống khi không còn mẹ bên cạnh, khi lớn lên rồi mỗi đứa tụi con mới nhận ra rằng lưng mẹ còng theo năm tháng cũng là lúc con đứng thẳng người với thiên hạ. Cả cuộc đời mẹ đã hy sinh cho tất cả đến ngay lúc cuối đời mẹ cũng ra đi trong sự lạnh lẽo của đất trời vào ngày giông bão. Cuộc đời của anh chị em chúng con bắt đầu bước sang một trang mới kể từ cái ngày định mệnh ấy. Tất cả đều lấy những lời mẹ dạy để làm phương châm sống, phải sống cho thật tốt vì đó sẽ là cách trả hiếu cho mẹ. Và giờ đây khi con đã hiểu được thế nào là lễ vô thường, vô ngã, thế nào là khổ, thế nào là sự được mất, sự giả tạm trong cuộc đời, con đã không còn oán trách trời đất nữa. Con đã chấp nhận và mỉm cười với tất cả. Con đã thực tập những phút giây sống thật với chính mình, con đang tập cho mình những bước chân vững chãi và thanh thoi trong mỗi phút giây, con biết rằng mẹ vẫn luôn có mặt trong mỗi chúng con. Bao lâu nay con đã quá khờ khạo và ngốc nghếch, mọi khổ đau con đã không dám chấp nhận và đứng lên, con đã sống trong những ngày tháng dối lòng mình, con vẫn luôn mơ hồ tin rằng mẹ vẫn còn bằng xương bằng thịt ở với chúng con. Con đã luôn chấp cái thân giả tạm ấy chính là mẹ mà quên mất đi một người mẹ thật sự luôn ở trong chúng con. Con đã tự tạo cho mình những khổ đau, sống trong sự nghi ngờ, chấp trước, con đã tự buộc những phiền não vào trong mình để rồi mười mấy năm qua con vẫn luôn ngơ ngẩn trước cơn vô thường của cuộc đời. Con sai rồi. Con đã làm cho mẹ phải phiền lòng vì con. Mùa Vu lan năm nay con vẫn ngậm ngùi mỉm cười để cài bông hồng trắng, bông hồng cho những ai không còn mẹ, có những giọt nước mắt vô tình âm thầm rơi nhẹ lên

ngực áo ướt đầm cánh hoa hồng và những giọt nước mắt ấy sẽ mau được lau khô để con vững bước đi tiếp trên con đường phía trước.

Mẹ hãy cứ yên tâm, mẹ nhé! Chúng con cuối cùng rồi cũng đã thành công trong xã hội, đoạn đường đi qua với muôn vàn khó khăn nhưng con biết mẹ vẫn luôn ở bên cạnh. Thành công chúng con có được ngày hôm nay cũng là nhờ sự dạy dỗ của mẹ năm xưa. Những lời dạy ấy vẫn còn luôn theo mãi chúng con trên suốt mỗi chặng đường. Chiều nay, nhân dịp lễ Vu lan, anh chị em chúng con lại gặp nhau cùng đến thắp hương trên mộ của Người, chúng con ngồi kể chuyện cho nhau nghe về mẹ, mặc dù Út không có nhiều ký ức về hình ảnh của mẹ nhưng em đã có một khuôn mặt rất giống mẹ khi còn sống và đó cũng chính là gia tài lớn nhất mà em đã có được từ mẹ. Tụi con vẫn luôn sống tốt và mẹ vẫn luôn có mặt trong mỗi chúng con.

Tháng Bảy mùa thu lá rụng vàng

Ấy mùa nhân loại đón Vu lan

Bâng khuâng nhớ đến ân sinh dưỡng

Thốn thức tâm con ngẩn lệ tràn.

Con đang khóc và con cũng đã từng khóc rất nhiều, con luôn không giấu được nước mắt khi mỗi năm phải cài bông hồng trắng. Xin gửi đến những ai đang còn mẹ lời mong mỏi hãy luôn luôn đừng làm cho mẹ buồn, dù cho bạn có thức trọn đêm ngày để hát về mẹ, cũng không hát hết được công ơn sinh thành dưỡng dục của người đầu. Hãy trở về bên mẹ khi bạn đang còn có cơ hội được ở bên cạnh người. Đừng để rồi một mai khi bạn ngậm ngùi với vành tang trắng và thốt lên hai tiếng "Mẹ ơi!" thì cũng đã muộn rồi.

Con đang bước những bước chân thật vững chãi cho mẹ, cho con, cho anh Hai và cho Út. Chúng con sẽ cố gắng thực hiện những ước nguyện năm xưa của mẹ. Con yêu mẹ đến vô cùng! Mẹ ơi! ■



Ảnh: Phạm Bá Thịnh

Hoài niệm ân sư

THANH NHÀ

Tôi may mắn được xuất gia ở chùa Sắc tứ Linh Thửu, một ngôi Tổ đình lớn thuộc tỉnh Tiền Giang.

Không hiểu tự bao giờ, hình ảnh chú tiểu với cái chóp vén vắt vào bên mang tai đã để lại trong tôi một ấn tượng dịu dàng dễ thương và triu mến. Mặc dù thời kỳ để chóp là thời kỳ bị rầy la nhiều nhất, bị quý hương nhiều nhất, là thời kỳ ăn đòn nhiều nhất, nhưng vẫn là thời kỳ sống hồn nhiên, vô tư với tâm

hồn ngây thơ trong trắng, không biết suy tư đến chuyện ngày mai...

*Tôi đi tu tuổi đời còn thơ ấu
Lòng yên vui không gợn chút ưu phiền
Sống an nhàn bên tiếng mõ lời kinh
Và quên hết ngoài tai bao thế sự.*

Thật vậy, tôi cùng bảy chú tiểu khác đã sống rất êm đềm với những ngày tháng vô tư và hồn nhiên bên mái chùa Sắc tứ Linh Thửu cổ kính.

Những tưởng cuộc sống cứ êm đềm như thế, và Thầy sẽ sống mãi để dạy dỗ cho hàng tiểu chúng tôi nên người. Nào ngờ, cơn bệnh ập đến và Thầy vội vã lìa xa chúng tôi khi chúng tôi còn rất nhỏ, rất ngây thơ chưa hiểu biết bao nhiêu. Thầy viên tịch chưa bao lâu thì thấy Sư chú Nguyên cũng lần lượt qua đời. Những cuộc ra đi không trở về ấy đã để lại trong lòng hàng đệ tử cũng như Phật tử thuộc đạo tràng chùa Linh Thúu Sắc Tứ niềm kính tiếc khôn nguôi. Đau lòng nhất là người mà chúng tôi vẫn gọi là Sư Nội (vâng, chúng tôi đã quen gọi Sư bà trụ trì và là thầy của thầy chúng tôi như thế), vì Sư Nội vẫn còn đây mà ba người đệ tử đã vội vã bỏ thầy.

Vẫn biết tâm của người xuất gia là tâm bình đẳng, nhưng tôi biết Sư Nội đau lòng nhất về Thầy của chúng tôi. Chẳng những Thầy là người đệ tử xuất sắc nhất mà lại là người thị giả trung kiên của Sư Nội, là người thường hay san sẻ những niềm vui nỗi buồn với Sư Nội mỗi khi đi làm Phật sự về, là người mà Sư Nội rất kỳ vọng cho tương lai Phật pháp sau này... Thế mà chỉ một thoáng đã hạc nội mây ngàn, bỏ lại tương lai sự nghiệp rạng ngời, bỏ lại hàng đệ tử mấy chục người – trong đó có hàng tiểu chúng tôi còn thơ dại, Thầy mãi mãi từ biệt người Thầy kính yêu, người Sư Nội của chúng tôi. Còn nỗi đau nào hơn trước sự mất mát lớn lao ấy, thế nhưng Sư Nội của chúng tôi đã nén đau thương, thay thế Thầy để lo lắng và dạy dỗ cho hàng tiểu chúng tôi. Người vừa là Sư Nội, vừa là người Thầy, vừa là cha mẹ của chúng tôi.

Tôi nhớ có lần hàng tiểu chúng tôi đi học, được nghỉ tiết bèn trốn theo các bạn đi chơi. Trên đường đi gặp mấy sư tỷ đi ruộng về. Thế là vào buổi chiều, chúng tôi bị một trận đòn khó quên. Sư Nội kêu chúng tôi mặc áo tràng lên lạy Phật “sám hối tội tình”, sau đó cúi dài trước bệ Phật để nhận sự trách phạt của người. Người đánh mỗi đứa năm roi. Riêng chị Khánh Đức bị người phạt mười lăm roi về tội “cầm đầu”. Người hiểu rõ cái tánh “con nít” của chúng tôi, “nếu đánh mà để cho chúng nó nằm im thì chúng sẽ khóc to lên cho mà thấy”. Vì thế người bảo, khi người đánh tới roi nào thì đứa đang thọ phạt phải đếm to lên roi đó. “Bộp” một, “bộp” hai... Không biết đếm như thế nào mà tôi chỉ bị đánh có bốn roi còn chị Viên lại phải chịu tới sáu roi. Khi về liều, chị Viên cứ khiếu nại hoài: “Sư Nội nói là phạt mỗi đứa năm roi mà em chịu tới sáu roi, còn chị Nhã chỉ chịu có bốn roi hà. Sư Nội nghe đếm lộn rồi, em không chịu đâu, em không chịu đâu...”.

Giờ đây nghĩ lại, tôi mới thấy người nào được Sư Nội đánh nhiều mới là có điểm phúc. Vì bây giờ có muốn Sư Nội đánh cho vài roi cũng đâu còn được nữa. Muốn nói: “Nội ơi! Cứ đánh con chục roi đi chứ đừng đánh bốn roi” cũng có được đâu.

Khi lớn lên, hàng tiểu chúng tôi mỗi người đi mỗi ngả. Người sang định cư bên Mỹ, người lên thành phố học, người hoàn tục... Chỉ có tôi là gắn bó với ngôi

chùa Sắc tứ Linh Thúu này nhiều nhất. Thế mà trong khoảng thời gian ấy, cũng đã bao lần tôi làm cho Sư Nội buồn chỉ vì tính hiếu thắng bông bột của thời tuổi trẻ. Giờ hối hận muốn nói Nội ơi con ngàn lần xin sám hối thì Người đã đi xa rồi. Thật là, cái gì lúc còn hiện hữu thì ta cảm thấy bình thường, nhưng khi mất mát ta mới cảm thấy cả khung trời trống vắng. Lúc ở bên Sư Nội, người là cả một kho tàng pháp quý báu mà tôi không biết để tận hưởng, cứ mãi dong ruổi chạy theo tìm kiếm một cái gì đó cao xa mà quên rằng bên mình có sẵn một kho báu... Những tưởng Sư Nội luôn là bóng cây đại thọ để che mát cho chúng tôi, nào ngờ vô thường chợt đến, Người vội vã báo thân để trở về với cát bụi ngàn thu...

Hơn mười năm tôi bôn ba đi học, nay trở về thăm lại chùa xưa. Dù trải qua bao thăng trầm nhưng cảnh vật vẫn không hề thay đổi. Đây cổng tam quan, ngay phía sau là cây bồ đề che rợp bóng râm, kia là tượng Đức Quan Âm lộ thiên, dù trải qua phong sương bão táp, mưa nắng dãi dẫu, nhưng lúc nào trên môi Ngài cũng nở nụ cười hiền dịu. Các bồn hoa và lan can chùa tuy có phủ rêu xanh nhưng vẫn không thay đổi và làm mất đi vẻ uy nghi cổ kính của ngôi chùa. Cảnh vật vẫn còn đây mà Sư Nội, Sư Thầy còn đâu nữa. Có còn chăng chỉ là kỷ niệm mà thôi. Giờ đây:

*Đứng ngắm chùa xưa một buổi chiều
Lặng nhìn cảnh vật mất dần chiều
Đây hình thị hiện Quan Âm đứng
Nọ khóm tùng xanh gió hắt hiu.*

*Đào mắt với trông trời âm đạm
Thoảng nghe nhịp mõ với lời kinh
Long Tuyền vắng bóng hàng Sư trưởng
Để ngập lòng ai nặng nghĩa tình.*

Hôm nay là ngày Đại tường của Sư Nội, tiết trời cuối hạ sắp chuyển sang thu. Vì mùa thu nên vạn vật thay đổi và lá trên cành rơi rụng. Mùa thu để những chiếc lá ở chùa Sắc tứ Linh Thúu cũng rơi rụng. Thuở xưa, “lá vàng còn ở trên cây mà lá xanh kia đã vội rụng xuống”. Còn giờ đây thì “lá vàng và lá xanh đều rụng cả”, để cho cây Phật pháp phải trơ cành. Sư Nội, Sư Thầy ơi! Người đã ra đi để lại biết bao di bảo tinh thần, để lại biết bao nỗi nhớ khó phai phai trong thâm tâm của người hiểu đạo, tất cả đều hướng về Người khởi lên niềm tôn kính vô biên.

*Vẫn biết già thân huyễn mộng này
Có gì vĩnh viễn đến ngày mai
Nhưng sao lòng cứ bồi hồi mãi
Bóng dáng hình dung khó nhạt phai.*

Một lần nữa con thành tâm thấp nén hương lòng kính dâng lên Sư Nội trong ngày Đại tường, ngưỡng mong Người ở phương trời Tây hoan hỷ tha thứ và chứng giám cho con. ■



Chọn lối ăn chay

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Ăn chay theo quan niệm của đạo Phật là ăn thuần rau củ, được hình thành từ lời giáo huấn của Đức Phật: *cấm sát sinh*.

Tu sĩ ăn chay để hành đạo; vua chúa ăn chay để mưu cầu thái bình thịnh trị cho giang san; dân chúng ăn chay vì lòng từ bi, muốn tránh điều tội lỗi sát sinh, tích đức cho kiếp sau của mình... Vì thế, nhất nhất họ đã không vì nhu cầu ham muốn khoái khẩu của bản thân mà sát hại những sinh linh vô tội.

Kể từ khi đạo Phật du nhập vào Việt Nam, đến vùng châu thổ sông Hồng rồi theo quá trình mở cõi, lan tỏa xuống phương Nam, dòng chảy văn hóa Phật giáo đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tâm linh của những cộng đồng dân cư theo đạo Phật. Họ đã chọn ăn chay theo các thời biểu nhị trai (mỗi tháng hai ngày), tứ trai (mỗi tháng bốn ngày), lục trai (mỗi tháng sáu ngày),

thập trai (mỗi tháng mười ngày), nhất nguyệt trai (một tháng trong năm, thường là tháng Bảy âm lịch), tam nguyệt trai (ba tháng từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy) hay trường trai (ăn chay quanh năm kể từ lúc đã phát nguyện)... tùy tâm nguyện và mức chịu đựng sự kham khổ trong nhu cầu ẩm thực.

Nhưng bữa cơm chay đơn thuần của kẻ chân tu luôn chỉ là cơm, rau, tương, muối, rất đạm bạc nhưng thanh khiết tinh tế và không thiếu các chất dinh dưỡng từ những thực vật được dùng phổ biến như đậu tương, vừng, đậu lạc, nấm các loại, rau xanh, củ quả các loại... Nếu người nấu biết thường xuyên thay đổi thực phẩm và nấu nhiều kiểu khác nhau, sẽ tạo nên nhiều món ăn rất ngon miệng và đẹp mắt. Những món cơ bản để làm nên mâm cỗ chay gồm: *nước tương, thối mì căn, giò lụa phủ chúc, khuôn đậu phụ*. Rau gia vị gồm cây *poa-rô, sả,*

kiểu... từ đó, người đầu bếp khéo sẽ chế biến thành ra hàng hà sa số món khác tùy lúc, tùy mùa, tùy sở thích người ăn.

Gần đây, trên thị trường thực phẩm chay ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng, Hải Phòng... xuất hiện nhiều thực phẩm chay đóng gói đông lạnh nhập từ Đài Loan, Hồng Kông... là sản phẩm hàng loạt do ngành công nghệ thực phẩm sản xuất. Mẫu mã thực phẩm do máy móc làm ra nên rất tinh xảo. Chỉ từ khối gluten của tinh bột, cái khuôn máy ép đã tạo hàng loạt hình thù con cá, tôm, ốc, mực, vịt, gà... rất đẹp mắt và giống thật. Người nấu chay chỉ biết đi mua để nhanh chóng biến thành món ăn trên mâm cỗ chay của mình. Vào tiệc, kẻ tấm tắc khen đẹp, kẻ lại chê bai, đàm tiếu: *"Ăn chay gì mà cứ tơ tưỡng tôm cua gà vịt..."*.

Nếu muốn có cái đẹp trong món ăn, không nhất thiết phải bày biện những con cá, con tôm giả, mà sự tinh tế vốn không do chính bàn tay khéo léo của người chế biến nặn nên. Cái đẹp thanh thoát của món ăn chay thuần Việt bao đời qua đã biểu hiện ngay trong *đĩa rau luộc xanh rì, miếng đậu phụ rán vàng mơ, quả cà chua nhồi màu đỏ thắm, đĩa nấm xào trắng bóc...* mỗi thứ mỗi ít bày biện trong đĩa bát sạch tinh, tạo nên mâm cơm đầy hương sắc tự nhiên của đất trời.

Riêng tôi, mỗi khi được mời đi hướng dẫn các đại tiệc chay phục vụ chư tôn đức quốc tế, các lễ hội chùa... tôi luôn cảm thấy dị ứng khó chịu khi có ai đó yêu cầu mua những thức ấy. Bởi lòng tôi vẫn luôn mong muốn làm những điều thật giản dị mà thiết thực cho những người quanh tôi. Từ lợn rau, bó cải mua về để nấu cỗ chay, ít nhiều tôi cũng góp phần giúp được người trồng trọt bán ra những sản phẩm mà họ trồng trên những luống đất thấm mồ hôi chính họ; rồi thực khách ăn những món chay do tôi hướng dẫn nấu nướng sẽ được ăn những thực vật tươi sống hàng ngày rất dễ tiêu hóa, giàu sinh tố mà không bị nhiễm độc bởi những hóa chất bảo quản. Và trên tất cả là thuận lời Phật dạy: *ăn chay là tâm thực, ý thực*. Ta nghĩ đến cái gì khi ăn, tức ta đang ăn cái ấy. Lễ nào ngồi vào mâm cỗ, người tu hành lại đưa đũa gắp con cá, con ốc... dẫu cho chỉ là ốc chay, cá chay?

Từ những tâm nguyện ấy mà nhiều năm qua dù chưa là Phật tử, chưa vào chùa phát nguyện quy y tôi đã nhiều lần được chọn làm sứ giả đi phổ biến văn hóa ẩm thực chay của Phật giáo Việt Nam khắp mọi vùng đất nước. Những lần như thế, dù phải tất bật vất vả bên bếp lửa nóng hừng hực làm ấm mồ hôi, nhưng để nấu nên những món ăn chay thuần Việt, bày ra mâm tiệc chỉ toàn hương vị cây lành trái ngọt quê hương, lòng tôi cảm thấy hạnh phúc vì mình đã làm được điều Phật dạy, góp phần giúp bạn hữu khắp nơi chọn lối ăn chay thuần khiết cỏ cây, có lợi cho sức khỏe và giảm đi những hành vi sát sinh thô bạo trong đời. ■



Tôi, đồng nghĩa với loài vật

Bài & ảnh: NHUY NGUYỄN

Ví như tôi muốn bàn về vấn đề ăn chay, là cũ lắm, cũ rích cũ rơ. Sở dĩ phải bàn tiếp, bởi từ sát sinh (dẫu là bất khả kháng) đi tới ăn chay, “sự kiện” đó, theo văn hào David Thoreau, “can dự một cách quan trọng vào vấn đề vận số của con người”.

Cùng là động vật

Do nghiệp lực mà con người khác con vật. Nhưng ai cũng phải công nhận rằng loài vật cũng có cảm xúc, tình cảm và trí nhớ.

Loài cá hồi cứ năm năm một lần, bất kể đang ở nơi đâu trên đại dương, không hiểu đã dùng tín hiệu gì gọi nhau để rồi cùng nhau lũ lượt hành hương về nơi chúng sinh ra, bất chấp chặng đường dài, bất chấp sự thiệt hại lớn về số lượng trên hành trình. Lũ chó biết được sẽ có động đất rồi chạy nháo nhào, bằng những sủa, trong khi máy dò tín hiệu - một trong những phát minh ưu việt của con người - chưa phát hiện ra. Có một loài tinh tinh mà “gien” của chúng được khoa học hiện đại nhất phân tích cho thấy giống đến 99% so với con người. 1% sai biệt còn lại có cách lý giải nào khác nếu không phải là do “quy định” của nghiệp.

Chắc cũng có ai đó từng nghe kể về một người thợ săn, rằng khi anh ta bóp cò súng thì điều bất ngờ xảy ra: khi mẹ vươn mình lãnh đạn thay khi con. Khi, loài chúng ta vẫn thường gọi là tổ tiên của người nhưng sau bao nhiêu quá trình tiến hóa đến nay vẫn chưa rụng đuôi, hề thấy người chủ cầm dao làm thịt thì quỳ xuống lạy lục van xin tha mạng. Nhiều con trâu mới chỉ được dắt đến buộc ngoài lò mổ, mắt đã đỏ ngầu và nước mắt chảy ròng. Éch nhái chàng hương ở các quán nhậu, khi bị đề lên thớt thì cố dùng hai chân trước trì lại vì chúng biết sắp bị lưỡi dao “xử trảm”. Con chó lạc chủ, sau vài năm gặp lại vẫn vẫy đuôi rồi rít mừng “tái ngộ”. Con chó khác khi chủ chết, đã “tuyệt thực”, lên mộ nằm “tưởng niệm” cho đến chết!

Ngược lại, con người, là anh em ruột thịt vẫn xách dao chém giết nhau. Con người đái bố mẹ như với tù nhân. Không ít những con người đường bệ, ăn mặc gọn gàng, dùng toàn những tính từ mỹ miều để bổ trợ cho danh từ đạo đức, song luôn có những hành động “bạc thầy” của loài vật, sử dụng những chiêu thức mà loài vật chưa nghĩ ra. Loài vật ăn thịt theo bản năng của cái đói. Còn con người thì sao? Văn học có nói tới việc một toán quân mổ người làm thức ăn như được mô tả ở các truyện *Thủy hử*, *Tam quốc*. Ở một góc nào đó của thế giới chúng ta không cần biết địa chỉ rõ ràng, từng có một nhà hàng chuyên phục vụ món lẩu “bào thai trẻ em”.

Những hành động như vậy lại vẫn mang danh động vật bậc cao? Thánh Mohanda Gandhi thẳng thắn đến lạnh lùng: “Chúng ta không nên sai lầm chạy theo lối sống của các loài cầm thú, nếu chúng ta tự coi mình cao thượng hơn các loài cầm thú đó”.

Thịt duy trì sự sống?

Tôi không có ý dẫn lời các nhân vật tiêu biểu của nhân loại để cho đây là những kết luận đáng tin cậy; cũng không có ý hù dọa những ai còn dùng xác thân của động vật bậc thấp nuôi sống sự ích kỷ của xác thân loài động vật bậc cao - là bản thân mình. Nhưng quả đã

có rất nhiều lời khuyên “chiết” ra từ các công trình khoa học uy tín bậc nhất nằm trong chương trình phát triển của xã hội loài người trên thế giới, rằng ăn thịt là một sai lầm nghiêm trọng. Sữa động vật, theo góc nhìn nào đó thì cũng như một dạng hoa quả, chúng ta hái đi cây có đau, có buồn song không ảnh hưởng đến sự sống của cây; cũng như con gà đẻ trứng thì vui mừng cực tặc, chúng ta dùng quả trứng có chẳng chỉ mang tội... ăn cắp. Đã có nguyên một công trình so sánh giữa ly sữa động vật với ly sữa đậu nành. Kết quả, hàm lượng dinh dưỡng cần cho cơ thể con người của ly sữa đậu nành cao gấp ba lần ly sữa động vật.

Mặt khác, khi một con vật bị giết, nỗi sợ hãi tột cùng khiến cơ thể chúng tiết ra một loại độc tố. Hơn thế, khi đến tay người tiêu dùng, có nhiều trường hợp thịt động vật đã luân lưu cả vài tháng kể từ lúc con vật bị giết, đây là chưa nói chuyện chất độc hóa học nhằm giữ cho thịt được tươi. Cho nên, con người luôn ở trong tình trạng ăn xác chết. Ở đây tôi không bàn đến tác hại từ việc ăn thịt. Điều tôi muốn nói là hành xử của chúng ta mang lại nỗi đau đớn cho loài vật. Bạn hãy thử làm một so sánh. Tới nhà thương, thấy nhiều người quần quai, kêu rên, đau đớn, chúng ta chỉ xót xa trên bề mặt cảm xúc, chứ ta đâu có đau như họ. Chỉ những bậc đã đắc đạo đắc công mới có thể đau nguyên nỗi đau của người bệnh. Trở lại với chuyện chó, loài vật gần gũi nhất với người. Con chó vô tình làm vỡ một cái bình quý chẳng hạn, bạn tức đến sôi tiết, mắt đỏ ngầu, vẫn làm bộ, nài chó, lại đây, lại đây... Con chó dẫn đứ nhưng cũng ngoắc đuôi tới. Bạn co chân làm một cú cực mạnh. *Ầng...đ...ng*. Con chó lao ra ngoài giữ một khoảng cách an toàn tương đối và bắt đầu “cảm nhận” sự đau. *Ầ...ng*. Khi đó, tại sao bạn không đặt câu hỏi: A, con chó cũng biết đau ư? Nó cũng đau như người. Vậy, khi chúng ta nện búa vào đầu nó để làm món cáy, hoặc ác hơn thì treo lên, chọc tiết, cho nó giãy giụa, chết từ từ, liệu nó có đau đớn từ từ không nhỉ? Ồ, câu trả lời khó quá. Phải có một công trình khoa học để



chứng minh sự đau của nó mình mới tin cơ. Rồi, khi ta cắt tiết gà, lột da rắn, đánh đến mướt mỗ hoi loài dê, cọt chặt rồi đâm đến chết con trâu..., tất cả cần phải được chứng minh.

Phật từng khuyên nhắc: "Hết thầy chúng sinh đều sợ hình phạt, sợ tử vong và đều yêu quý mạng sống; hãy lấy mình làm ví dụ để không giết hại hay khiến người khác giết hại".

Điều quái hơn, nhiều người thích chứng kiến nỗi đau làm vui. Khi, bị bịt miệng cạo trọc đầu, trói vào dưới một cái bàn, chỉ lòi cái "đầu hói" lên trên. Lưỡi dao sắc bén lia ngang, "éo!". Khi nhắm mắt, và nhắm mắt vĩnh viễn dưới bàn, còn trên bàn nhậu thì con người hả hê tay muống tay nĩa múc óc khi còn nóng ăn trong niềm phấn khích, sảng khoái tột cùng. Khi con khi sắp bị giết quỳ lạy, người đồ tể cầm dao chỉ nó và cười: xem kia, mọi người đến xem con khi lạy kia, hay chưa, vui chưa... Có một nhân vật trong tổ chức chống ngược đãi thú vật đã đưa ra sáng kiến, tất cả các lò giết mổ gia súc nên được che bằng kính, để mọi người đi ngang thấy cảnh rùng rợn bị thương lúc con vật bị giết mổ mà bớt ăn thịt. Tôi nghĩ ngược lại, khi ấy không khéo người kéo tới vòng trong vòng ngoài xem cảnh máu me. Tệ nhất là trẻ em chưa nhận thức đầy đủ sẽ hân hoan trước những cú giật điện khiến hàng loạt trâu bò lợn đồ nhào xuống như loài không xương, hay cảnh một người lực lưỡng giơ cao búa tạ nện xuống đầu con trâu đã bị trói, con trâu gục xuống, đầu đang lắc lư vô thức, quai hai chân trước đứng dậy lung chùng thì, "bụp" nhát búa thứ hai giáng chính đầu, mắt tóe ra... Riêng trường hợp nhà vô địch quần vợt Peter Burwash là hiếm: *"Khi tôi rời khỏi lò sát sanh, sự tội nghiệp đã giày vò lương tâm tôi. Tôi thề nhủ sẽ không bao giờ có đủ can đảm đi sát hại một con vật dù lớn dù nhỏ. Tôi hiểu rằng có những nhân vật lỗi lạc trên thế giới họp nhau để bàn cãi về các vấn đề vật lý, kinh tế và môi trường. Cũng có một số người tán đồng với chủ thuyết ăn chay. Song điều làm cho tôi chọn lấy con đường chay lạt không phải chạy theo chủ thuyết này hay chạy theo chủ thuyết nọ mà chính vì những cảnh dã man mà con người đã đối xử một cách tối tệ với các loài vật không phương tự vệ".*

Thỉnh thoảng giới truyền thông tìm ra một vài trường hợp không cần ăn uống mà vẫn sống một cách khỏe mạnh; việc ấy đối với người tu chẳng có gì lạ. Những người không ăn vẫn sống đếm không xuể ở trên dãy Himalaya, ở trong các hang động mà họ đã tự bịt cửa để tu luyện; những người ấy không cần ăn. Trong không gian này, năng lượng tồn tại còn có thể hiểu là "thức ăn". Chỉ những trường hợp đặc biệt và với những người tu luyện đạt đến tầng cao mới mở được "kênh" sử dụng loại năng lượng ấy để mà sống. Khoa học thường đưa ra một thực đơn, trong mỗi bữa mỗi ngày phải thịt này cá này... mới đầy đủ dinh dưỡng. Nếu vậy thì chỉ cần lấy vài người tu ăn rau cỏ ở mức "bần nông" cũng đủ để "cải" lại công trình dinh dưỡng

trên; tất nhiên họ gắn liền với sự thiên định để tiếp nhận thêm năng lượng thiên nhiên.

Nhà Nobel vật lý năm 1921 Albert Einstein nhắn gửi: "Không gì có lợi cho sức khỏe của con người để có cơ hội sống lâu trên quả địa cầu này bằng cách ăn chay". Điều này hoàn toàn đúng. Song nếu chỉ vì sức khỏe mà ăn chay, thì đây chưa phải là Chân Tu.

Ăn mặn công nghiệp

Ở đây không dám bàn đến vấn đề nghiệp mà con người sẽ phải trả khi nào, chỉ xin kể ra vài chuyện về quả báo nhỡn tiền. Chuyện Tàu: tại gia đình nọ, một chú lợn bị mổ, anh hàng xóm vô tình đi qua và phát hiện hai chữ Tào Tháo khắc trên lá gan lợn còn nóng; anh ta phát nguyện tu luôn. Chuyện Việt: một cô bán cháo gà, đêm nằm mơ mới hay mình đang giết chính ông nội mình đã đầu thai làm gà... Ở làng tôi, có anh Thủy chuyên mổ lợn, đứa con trai đầu lòng được trông mong hy vọng đã chào đời với bộ mặt của... lợn; anh bỏ nghề từ đấy. Chuyện tương tự thì vô vàn, kể xuyên đêm thẩu sáng chẳng hết, dù chỉ mới là con số phần trăm ít ỏi so với số nghiệp phải trả ở những kiếp khác, hay "truyền" lại cho con cháu, anh em, họ hàng...

Người trực tiếp giết hại động vật phải gánh nghiệp nặng đến nhường ấy, khổ não đến nhường ấy, hỏi tại sao người ăn thịt không phải chịu phần trăm? Quy luật vũ trụ là cực tinh vi và phân minh. Một tòa nhà sụp đổ lúc có hàng trăm ngàn người đang làm việc, vẫn có người được Nghiệp "lập trình" cho sống, việc ấy cho kỹ thuật hiện đại phát triển tột cùng cũng khó thực hiện.

Lại lấy thí dụ. Một người giàu có, mặt mày sáng sủa lịch thiệp, buổi chợ nọ dẫn người đầu bếp đi, ra đến thì chỉ chỗ mua con này, con này còn giẫy còn tươi, xong thì trả tiền, phui tay. Về giao cho đầu bếp làm thịt con động vật và lên giữa móng tay, tự hào mình không sát sinh, mình còn tốt chán khi trả thêm tiền cho mụ kia. Nhắm cơ bản. Nghiệp lãnh từ con động vật bị giết, phần lớn người chủ gánh. Từ đó mà suy, những người ăn thịt đều mang trong mình nghiệp lực rất lớn. Nghiệp ấy sẽ "cản trở" những điều may mắn lẽ ra đáng được hưởng, nghiệp ấy sẽ "điều khiển" họ nhảy vào những cuộc chơi vô bổ, những cuộc nhậu nhẹt, những cuộc "thăng hoa" mà hậu quả chắc chắn nhận lãnh rõ nét nhất là bệnh tật, tâm đen tối, lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau của loài vật và của loài người. Sự sống của họ dựa trên "nền tảng" đó cho tới khi nhắm mắt mà cũng là mở mắt ở thế giới bên kia.

Ăn chay như làm một việc tốt

Có thể nói, trong vô vàn những điều kiện cần của một người tu, phải kể đến ăn chay. Ở đây không hẳn là luật lệ, mà chính là tâm. Đạo Jainism được thành lập cách đây hơn 2.000 năm do Mahavira, một vị hoàng tử đã từ bỏ cung vàng điện ngọc vào rừng tu hành và

đắc đạo; giáo lý: mở rộng lòng thương và không gây hại (Ahimsa). Giáo lý Ahimsa dạy các tín đồ phái này không được sát sinh, ăn thịt cá mà ngay trong nhà cũng không được chứa một thứ gì do sự giết chóc. Các giáo sĩ đạo Jain mặc toàn đồ trắng trên mặt bịt một miếng vải thưa chỉ chừa đôi mắt. Họ làm thế để tránh loài ruồi, muỗi khỏi bay lọt vào mũi, miệng. Vì hạnh không gây hại Ahimsa bao trùm tất cả, lỡ có sâu bọ nào vô phúc bay lọt vào rồi nằm trong đó thì phạm tội sát sinh. Không những thế, các giáo sĩ đạo Jain mỗi năm phải nhập thất một lần trong suốt ba tháng hè vì thời gian đó còn trùng sinh sản nhiều sợ giảm lên chúng.

Nguyên sơ Đức Phật không quan tâm vấn đề chay mặn mà chỉ cấm sát sinh, là giới cấm đầu tiên trong những điều một người theo Phật phải tuân giữ, từ đó, các Tỷ-kheo tránh ăn thịt. Nếu ai đó không được sinh ra ở chùa, hoặc không được cha mẹ đưa gửi chùa từ nhỏ, ăn mặn đã quen thói, thì ăn chay là một việc vô cùng nan giải, trừ số người có căn cơ tốt, nói ăn chay là ăn được liền, trường chay liền. Nhưng để tiến đến tu tập một cách chân chính, một cách “chuyên nghiệp”, thì đích phải là ăn chay trường.

Người không tu nhưng có tâm ý hướng đến cõi thuần tịnh của Phật, nói chung, nên cố gắng ăn chay ngày mồng một và ngày rằm. Chỉ hai ngày trong tháng này thôi song là trở ngại của không ít người thuộc “đồng đội” Phật. Rất nhiều gia đình theo Phật, đến ngày chay tịnh thì ra chợ sắm đủ thứ ngon lành để làm một mâm chay thịnh soạn tốn kém hơn cả thịt cá tiệc tùng. Họ xem đó như là một sự đổi món, để dễ dàng chấp nhận. Không ít gia đình lúc tang ma, húy kỵ, dọn chay, đến giờ mời cơm thì “vắng tanh vắng ngắt”, người được mời bỏ về quá nửa, hoặc ngồi vung đũa sơ sài sợ mất lòng khổ chủ. Một ông chồng, biết ngày mai là rằm, nên cả ngày và tối hôm đó đeo vợ đi ăn đồ mặn cho thỏa thuê chê chán, mai đỡ thèm. Ngược lại, có trường hợp suốt đêm chờ đồng hồ điểm qua ngày để đi ăn mặn. Tôi biết dẫn ví dụ ra như trên đã là mang tội, nói chi đến dám bịa ra mà viết. Ăn chay là nghĩa cử, nếu ăn chay trong trạng thái bức bối, coi rẻ đồ chay, tâm vọng động thịt cá thì thà không ăn chay sẽ ít nghiệp hơn.

Tôi từng nghe một đại gia, trong một cuộc nhậu đã nói với người ăn chay: “*Tao ở nhà lâu lâu vẫn ăn chay...*”. Nếu hiểu “đổi món” như vậy là ăn chay, thì những người nông dân nghèo khổ ở một số các vùng quê hẻo lánh, là người “trường chay” đáng nể. Một người bạn ở Hà Nội bảo tôi ở ngoài này quán chay hiếm lắm. Chay là đặc sản. Người ta đi ăn chay như một thú vui, lạ miệng. Còn khen ngon lắm. Ngon hơn đồ mặn. Lại nhớ trường hợp khác, mấy cô học sinh một lần sà vào gánh sắn, vừa ăn vừa khen sao mà sắn ngon thế, ăn mấy không nhàm. Trộm nghĩ, nếu đám học sinh kia chỉ ăn thêm một ngày sắn nữa thì thè lưỡi ra, van sắn đắng, sắn chất, sắn khô khan khó nuốt.

Người Việt chúng ta, đa phần nuôi chó. Có chú chó được tắm rửa hàng ngày bằng xà bông thơm, được ngủ giường nệm với chủ, được ăn uống sung sướng hơn một công chức trung lưu, ốm đau có thú y. Một ngày, chú chó bị bỏ thuốc, người chủ đã khóc sưng húp cả mắt lên. Trong xã hội còn có rất nhiều chú chó được chủ thương như vậy. Chó chết, khóc lóc rồi đưa đi chôn cất tử tế. Một ngày nọ, bạn người chủ con chó cưng trên mới nhắc đến thịt chó thì người chủ ấy liền nhều nước miếng, cùng ừ tới quán Cờ tây. Nếu con chó của chủ nọ không chết bệnh, tôi nghĩ có thể họ sẽ không ăn thịt con chó cưng của mình nếu nó vô tình bị ai đó giết thịt. Nhưng họ sẽ sẵn sàng ăn thịt những con chó cưng khác của những người chủ thương chó khác nếu có.

Nói vậy để biết rằng, ăn chay là một việc không đơn giản. Chỉ ăn chay một tháng vài ngày thôi để tỏ lòng thương cảm đối với loài vật rất gần với con người, cũng đã mấy ai tròn nghĩa vụ? Ngày rằm lắm người ăn chay được hai bữa, tối đến đã thèm đồ mặn. Ăn chay, xét ở góc độ nào cũng là việc tốt nhất trong các việc tốt mà hễ ai là con người cần thực hiện ít nhất mỗi tháng một ngày. Một việc tốt đến thế, nhưng thử hỏi mấy ai giữ trọn? Mỗi tháng, chúng ta vẫn không làm nổi vài việc tốt, nói chi đến làm những việc vĩ đại. Cái gọi là công việc “vĩ đại” kia có phải chỉ vì lợi ích cá nhân, vì lợi ích trong bốn bức tường vây bọc gia đình hay vì lợi ích của người thân nào đó mới quen?

Đức Gôtama một lần ngang qua khu rừng, thấy mẹ con nhà hổ đói quá liền nảy sinh ý nghĩ hiến thân mình để chúng có “một bữa no”.

Tôi, một ngày thuần chay, không hẳn sẽ hạn chế được việc trái đất này giết thêm một con vật đáng thương, mà chính là đang tự nhắc nhở: tôi, đồng nghĩa với loài vật. ■



TÁM NGỌN GIÓ THẾ GIAN

PHỔ ĐỨC HÙNG

Đức Phật nói cho chúng ta biết rằng có tám pháp hay “tám ngọn gió thế gian” làm khuấy động lòng người, lay chuyển thế giới, khiến loài người quay cuồng chao đảo, rơi vào vòng xoáy của tư duy nhị nguyên đi đôi với các phản ứng tâm lý - thuận ứng và nghịch ứng - liên tục nảy sinh không dứt. Đó là các ngọn gió lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, chỉ trích và tán thán, vui sướng và đau khổ.

Phật cũng nói cho chúng ta biết mọi thứ trên thế gian này đều thay đổi, vô thường, cần phải khéo nhận diện, khéo suy tư tác ý thường xuyên để thoát khỏi cái họa khổ đau vì tâm tham ái dính mắc. Ngài dạy rằng hết thảy những gì mà con người nhận được trong cuộc đời, dù tốt hay xấu, thích ý hay không thích ý, đều thay đổi, biến hoại, không đáng cho ta lưu luyến nắm giữ ở trong tâm. Bởi vì, nếu cứ tham luyến ôm ấp mọi thứ thì con người sẽ phải đau khổ triền miên do tâm cứ thuận ứng (thích thú luyến ái đối với cái tốt, cái có lợi) và nghịch ứng (chán ghét bức phiền đối với cái không tốt, cái không có lợi). Thái độ thuận ứng và nghịch ứng tức là biểu hiện của tâm dao động mê mờ, không tỉnh táo sáng suốt, bị ám ảnh và kích động bởi các ý tưởng phù phiếm của cuộc đời. Chúng là nguyên nhân của những việc làm không sáng suốt, thiếu cân nhắc gắn liền với các hậu quả đầy phiền toái khổ đau.

Sự đời có hay không, được hay mất, tốt hay xấu chỉ là hiện tượng tương đối, diễn ra hoàn toàn không như ý mình muốn, vì thế mà con người nên học cách “biết đủ” (đối với cái có được và cả cái không có được) để cho tâm hồn được thanh thoi và cần nhận ra cái bản chất giới hạn, vô thường, bất toại của hiện hữu để bớt phản ứng quay cuồng. Còn phản ứng quay cuồng - thuận ứng và nghịch ứng - tức là còn nô lệ cho dục vọng khổ đau. Đức Phật gọi thái độ thuận ứng và nghịch ứng đối với thực tại sinh diệt biến đổi vô thường của dòng đời là vô minh, thất niệm, biểu hiện của cái tâm nhỏ mọn¹. Thuận ứng đối với cái tốt, cái có lợi thì tham có cơ hội dấy khởi, đi đến tăng trưởng. Trái lại, nghịch ứng đối với cái không tốt, không có lợi thì sân có lý do sinh khởi, đi đến tăng trưởng. Tham và sân là con đẻ của si hay vô minh, tức sự mê mờ, không thấy rõ bản chất vô thường bất toại của hiện hữu nên tâm cứ phản ứng quay cuồng - thuận ứng và nghịch ứng - trước

mọi sự kiện sinh diệt vô thường của cuộc đời. Như vậy, do si hay vô minh nên tâm cứ thuận ứng đối với cái tốt, cái có lợi khiến tham dấy khởi đi đến tăng trưởng. Tương tự, do si hay vô minh nên tâm cứ nghịch ứng đối với cái không tốt, không có lợi khiến sân dấy khởi đi đến tăng trưởng. Tham, sân, si là ba độc tố tàn hại sức khỏe và tâm trí của con người, khiến con người trở thành mù lòa, rơi vào điên đảo, quay cuồng trong vòng xoáy của dục vọng hão huyền, gây tạo nên mọi ác nghiệp dẫn đến hậu quả khổ đau - khổ cho mình, khổ cho người, khổ cho cuộc đời. Do đó, tham, sân, si mà dấy khởi và lớn mạnh trong con người thì cuộc đời rơi vào chao đảo bất an. Trái lại, vô tham, vô sân, vô si được nuôi dưỡng và phát triển thì đời sống trở nên hài hòa an lạc.

Để giúp cho mọi người nhận diện hậu quả phiền toái khổ đau do tâm cứ thuận ứng và nghịch ứng đối với muôn sự muôn việc ở đời, Phật nêu hình ảnh một kẻ vô văn phạm phu chưa có nhân duyên học hiểu Phật pháp nên bị tám ngọn gió thế gian quấy rối phải chịu khổ đau liên tục và một vị đa văn thánh đệ tử nhờ hiểu rõ và thực hành lời Phật dạy nên không còn bị tám ngọn gió thế gian làm cho điên đảo. Nói khác đi, Phật khuyên nhắc chúng ta rằng sự đời thực hư biến đổi khôn lường, như gió thoảng mây bay, nên mỗi người hãy giữ tâm bình thản hay tập buông xả đối với mọi thứ, thích ý cũng như không thích ý, để thoát khỏi cái tâm phản ứng vung vẩy mệt mỏi mà sống thanh thoi an lạc trên cuộc đời, vì sớm muộn tất cả đều ra đi. Sau đây² là toàn văn lời giảng dạy của Phật:

“Tám thế gian pháp này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Thế nào là tám?”

Lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, chỉ trích và tán thán, an lạc và đau khổ.

Với kẻ phàm phu không nghe pháp, này các Tỷ-kheo, sanh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, không danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ. Với vị Thánh đệ tử nghe pháp, cũng sanh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, không danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có đặc thù gì, thù thắng gì, có sai khác gì giữa vị Thánh có nghe pháp và kẻ phàm phu có không nghe pháp?

- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy

Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn giảng cho ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe và suy niệm kỹ, ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

Với kẻ phàm phu không nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng, vị ấy không có suy tư: "Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, biến hoại". Vị ấy không như thật rõ biết: "Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, biến hoại"; khởi lên không lợi dưỡng, vị ấy không có suy tư: "Không lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, không lợi dưỡng ấy vô thường, biến hoại". Vị ấy không như thật rõ biết: "Không lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, không lợi dưỡng ấy vô thường, biến hoại", [Tương tự đối với các cặp khởi lên danh vọng và khởi lên không danh vọng, khởi lên chỉ trích và khởi lên tán thán, khởi lên an lạc và khởi lên khổ đau, vị ấy đều không có suy tư rằng các pháp ấy khởi lên đều là các pháp vô thường, biến hoại; vị ấy cũng không như thật rõ biết rằng các pháp ấy khởi lên đều là các pháp vô thường, biến hoại]. Vì vậy, lợi dưỡng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không lợi dưỡng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, danh vọng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không danh vọng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, chỉ trích xâm nhập tâm của người ấy và an trú, tán thán xâm nhập tâm của người ấy và an trú, an lạc xâm nhập tâm của người ấy và an trú, đau khổ xâm nhập tâm của người ấy và an trú". Người ấy thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và nghịch ứng với không lợi dưỡng; thuận ứng với danh vọng được khởi lên và nghịch ứng với không danh vọng; thuận ứng với tán thán được khởi lên và nghịch ứng với chỉ trích; thuận ứng với an lạc được khởi lên và nghịch ứng với đau khổ. Người ấy đầy đủ thuận ứng, nghịch ứng như vậy, nên không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, người ấy không thoát khỏi khổ.

Với vị Thánh đệ tử có nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng, vị ấy có suy tư: "Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, biến hoại". Vị ấy như thật rõ biết:

"Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy là vô thường, biến hoại"; khởi lên không lợi dưỡng vị ấy có suy tư: "Không lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, không lợi dưỡng ấy vô thường, biến hoại". Vị ấy như thật rõ biết: "Không lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, không lợi dưỡng ấy là vô thường, biến hoại", [Tương tự đối với các cặp khởi lên danh vọng và khởi lên không danh vọng, khởi lên chỉ trích và khởi lên tán thán, khởi lên an lạc và khởi lên khổ đau, vị ấy đều có suy tư rằng các pháp ấy khởi lên đều là các pháp vô thường, biến hoại; vị ấy cũng như thật rõ biết rằng các pháp ấy khởi lên đều là các pháp vô thường, biến hoại]. Do vậy, lợi dưỡng không xâm nhập tâm của vị ấy và an trú, không lợi dưỡng không xâm nhập tâm của người ấy và an trú, danh vọng không xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không danh vọng không xâm nhập tâm của người ấy và an trú, chỉ trích không xâm nhập tâm của người ấy và an trú, tán thán không xâm nhập tâm của người ấy và an trú, an lạc không xâm nhập tâm của người ấy và an trú, đau khổ không xâm nhập tâm của người ấy và an trú". Người ấy không thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và không



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tīb, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiến & Tâm Hoa	
(California - USA)	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông,	
Trường TCPH Đồng Nai	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **499 cuốn**

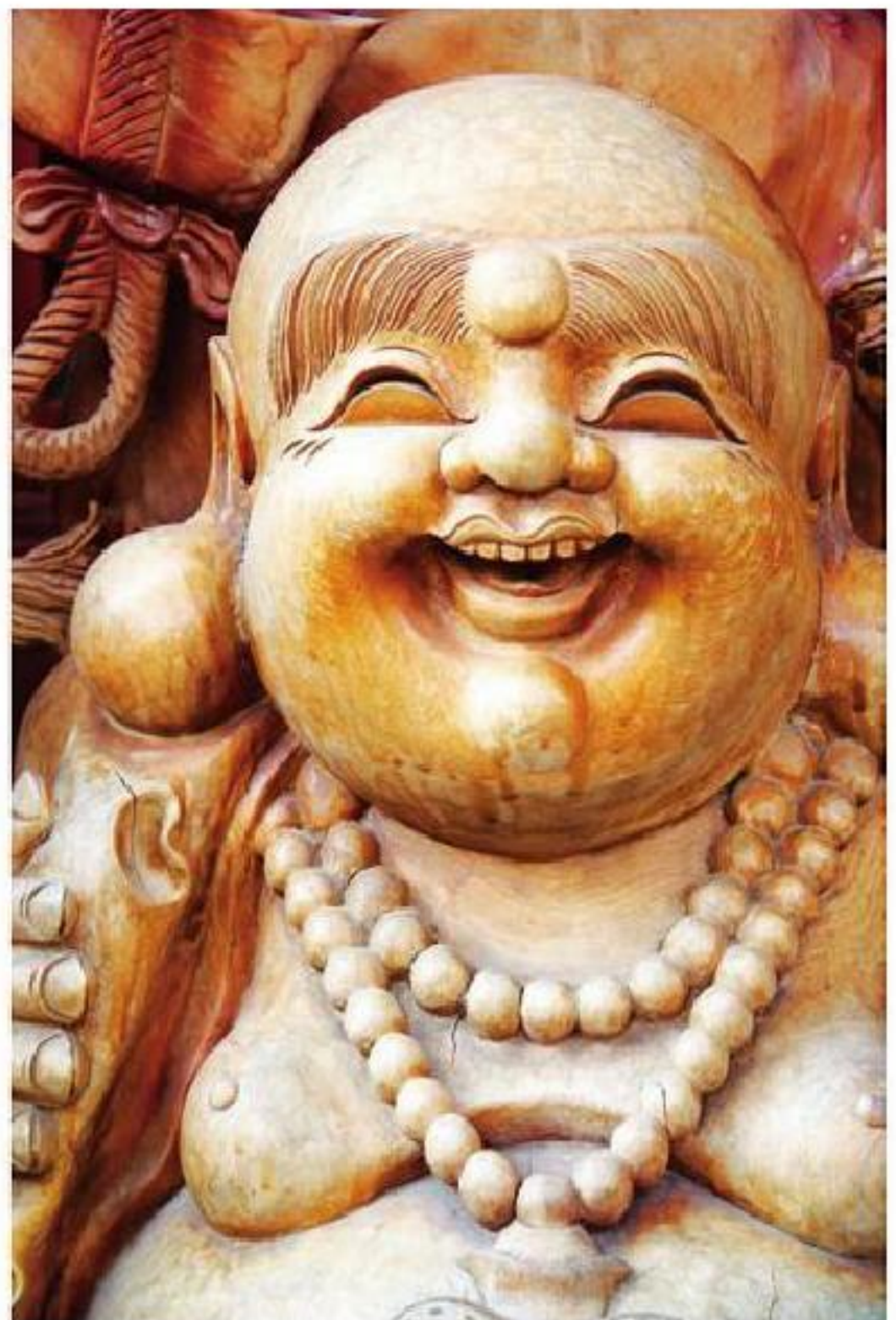
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn



Ban Biên tập



ngịch ứng với không lợi dưỡng; không thuận ứng với danh vọng được khởi lên và không nghịch ứng với không danh vọng; không thuận ứng với tán thán được khởi lên và không nghịch ứng với chỉ trích; không thuận ứng với an lạc được khởi lên và không nghịch ứng với đau khổ. Vì ấy do đoạn tận thuận ứng, nghịch ứng như vậy, nên giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, vị ấy thoát khỏi khổ.

Đây là đặc thù, này các Tỷ-kheo, đây là thù thắng, đây là sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp.

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
Danh vọng, không danh vọng,
Chỉ trích và tán thán,
An lạc và đau khổ,
Những pháp này vô thường,
Không thường hằng, biến diệt.
Biết chúng, giữ chánh niệm,
Bậc trí quán biến diệt,
Pháp khả ái, không động,
Không khả ái, không sân,
Các pháp thuận hay nghịch,
Được tiêu tan không còn.
Sau khi biết con đường,
Không trần cấu, không sầu,
Chơn chánh biết sanh hữu,
Đi đến bờ bên kia”.

Chú thích:

1. Đại kinh Đoạn tận ái, Trung Bộ.
2. Kinh Tùy chuyển thế giới, Tăng Chi Bộ. ■



“NGHIỆP NẶNG”

và sự cứu độ của Phật

NGUYỄN XUÂN CHIẾN

1. Một bậc trưởng lão, thọ giới Tỳ-kheo và tu hạnh đầu-đà (khổ hạnh) đã hơn 50 năm. Ngài là niềm tin và là tấm gương sáng cho nhiều Phật tử. Tuy đã lớn tuổi, nhưng Ngài vẫn thường xuyên giữ chánh mạng, chưa hề bỏ quên khát thực hóa duyên, dù chỉ một ngày. Hôm nọ, tin dữ loan truyền khắp thành phố khiến mọi

người sững sốt: Khi đi hóa duyên trở về, ngài đã gặp tai nạn bất ngờ, một chiếc xe gắn máy đụng phải. Ngài đã thâu thần nhập diệt ngay tại hiện trường. Chúng tôi nghe rất nhiều Phật tử xì xào to nhỏ: “Ngài tu hành tinh tấn và nghiêm túc, tại sao lại chết thảm như vậy? Chắc là nghiệp của Ngài quá nặng?”. Nghiệp nặng?

Một vị Ni sư tuổi gần 60, xuất gia từ nhỏ, giới hạnh nghiêm túc, luôn phát tâm hoằng pháp, bố thí, cúng dường. Hôm nọ ngồi sau xe gắn máy, té xuống, bị xe hơi cán dập nửa thân mình. Tuy vậy Ni sư vẫn còn tỉnh táo, chấp tay niệm Phật và căn dặn đệ tử nên tha thứ cho người tài xế vừa gây án. Xong, mới nhẹ nhàng tắt hơi. Người bạn tôi vô cùng bức xúc, vội vã về tường thuật mọi sự và gào to: “Không thể chịu nổi! Một người tu hành như vậy tại sao nhận lấy nghiệp nặng như thế?”. Tôi chờ anh ta hết xúc động, mới thưa: “Anh còn nhớ không, trong kinh sách Phật đã dạy rõ: ‘Chết như thế nào và chết trong hoàn cảnh nào đều là do quả báo quá khứ từ vô lượng kiếp, chúng ta phàm phu không thể can dự được. Không phải chết trên giường là tốt hơn trên hiện trường tai nạn, tất cả chỉ là lý do để ta rời bỏ thân xác này để đi tới kiếp sống khác’. Anh là người Phật tử có hành trì, tất nhiên không nên đặt tâm vào chuyện được chết trong tình trạng ưng ý, mà tốt nhất là được chết khi ‘nhất tâm bất loạn’, khi tâm định tĩnh, khi làm chủ tâm thức lúc lâm chung - Phải thế chứ?”

Còn nữa, một nữ Phật tử gần như trọn đời tu tại gia, thọ giới Bồ-tát, ăn chay trường, ngoài ra luôn luôn tham gia từ thiện không bao giờ tiếc lẫn tài sản và công sức. Thế nhưng khi về già, thân thì mang trọng bệnh, gia cảnh nghèo túng, mà đạo hữu càng lúc càng thưa dần. Đã thế, con cái đứa thì bị tai nạn, đứa thì làm ăn thất bại, phải bỏ xứ mà đi, khiến bà ta chỉ còn chiếc bóng lủi thui, sớm chiều chỉ biết vui với xâu chuỗi hạt. Nhiều người chép miệng dè bĩu: “Nghiệp nặng!”.

Trong cuộc sống, và cả trong những buổi đàm luận chuyện đạo, chúng ta thường nghe những người xung quanh hay thốt lên hai chữ “nghiệp nặng”. Từ ngữ này được sử dụng để kết thúc một câu chuyện đời, một mẩu tin thời sự, hoặc để phê phán hành vi kém cỏi của một cá nhân nào đó.

Ở đây, chúng tôi không đánh giá việc làm ấy là đúng hay sai, mà chỉ đơn giản thảo luận đến ý nghĩa của từ

ngữ *Nghiệp nặng* theo quan điểm Phật giáo mà chúng tôi đã được học mà thôi. Còn những ai muốn tìm hiểu sâu xa về Nghiệp thì xin kiếm tìm trong kho tàng kinh sách Phật giáo, hoặc có thể tham vấn các bậc tôn túc.

2. Phải chăng, có một thực thể gọi là “Nghiệp nặng” hay là không?

“Nghiệp” là một danh từ triết học Ấn Độ có trước khi Đức Thích-ca xuất hiện. Ý nghĩa cơ bản của nó là “hành động” hoặc “thói quen”.

Nhưng khi được Đức Thích-ca sử dụng để trình bày giáo lý do Ngài giác ngộ dưới gốc cây bồ đề, thì từ ngữ này đã mang nhiều ý nghĩa khác biệt, phong phú hơn và thâm áo hơn. Hôm nay, chúng tôi chỉ hạn chế bài viết này trong hai từ ngữ “Nghiệp nặng” mà chúng ta hay sử dụng một cách tùy tiện, dễ dãi!

“Nghiệp nặng” cũng là một từ ngữ hết sức hàm hồ, đa nghĩa, vì luôn lệ thuộc vào văn cảnh, hoặc tùy thuộc hệ thống triết học, tư tưởng mà nó phải diễn giải. Thói thường, người ta chỉ hiểu “nghiệp nặng” nghĩa là *nghiệp chướng nặng nề, hoặc là: gặp phải quả báo tệ hại, xấu xa, khốn khổ*.

Theo quan điểm thế gian (của những người chưa tin Phật và học Phật) thì: kẻ nào nghèo nàn túng thiếu, bệnh hoạn tật ách, tai nạn cấp kỳ, gia đạo bất an, nghịch cảnh đau đớn, đời sống khó khăn, tình cảm rối loạn, sinh hoạt đời thường không được ổn định, vân vân... thì bị thiên hạ gọi là “kẻ có nghiệp chướng nặng nề” hoặc là “kẻ bị nghiệp nặng”.

Phật giáo không hề nhìn nhận một cách thiên cận và thiếu sót như vậy.

3. Nhưng Phật giáo lại có rất nhiều loại nhận thức tùy thuộc vào nhiều nền giáo lý, tư tưởng khác biệt. Xin được trình bày lần lượt như sau:

Theo quan điểm Nguyên thủy, một chúng sanh được gọi là *nghiệp nặng* khi kẻ ấy không có điều kiện để thực hiện một nếp sống giải thoát. Mà mục tiêu của giải thoát

là chúng đắc thánh quả A-la-hán (đạt tâm vô ngã), chấm dứt sự thọ nghiệp.

Vậy ta có thể kết luận rằng: ngoài A-la-hán ra, tất cả chúng sanh chưa giải thoát đều là nghiệp nặng cả, vì còn sinh tồn bởi nghiệp lực chứ không phải bằng tâm thái vô ngã. (Ngay cả những bậc đã đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm cũng vẫn còn sống bằng nghiệp lực nói chung, và chưa đạt Vô ngã).

Trên đây là giáo lý dành cho bậc xuất gia, còn người tại gia (những người đã được thọ Tam quy và trì Ngũ giới) thì ngoài việc bố thí cúng dường và đặt bát cho chư Tăng Ni, thì phải nỗ lực thọ trì Bát quan trai để được sanh Thiên (sanh lên cõi Trời). Vậy, ai không thường xuyên thọ trì Bát quan trai, sẽ không được “sanh Thiên”, như vậy có thể bị gọi là nghiệp nặng.

4. Còn quan điểm Đại thừa thì sao?

Đại thừa Phật giáo luôn luôn đặt trọng tâm nơi việc phát khởi Vô thượng Bồ-đề-tâm để giải thoát luân hồi sanh tử cho bản thân và để cứu độ tất cả chúng sanh khác, giúp mọi chúng sanh thành Phật như mình.

Vậy, kẻ nào không thể liên tục phát khởi Vô-thượng Bồ-đề tâm hoặc không tạo điều kiện để mình cùng mọi chúng sanh thành tựu trí giác Phật-đà, thì kẻ ấy vẫn là người còn đa mang nhiều nghiệp chướng nặng nề.

Đó là ý nghĩa tạm thời của hai chữ “Nghiệp nặng” được trình bày tổng quát qua giáo lý Đại thừa.

Ngoài ra, tùy theo pháp môn tu hành mà người ta có thể diễn giải từ ngữ Nghiệp nặng theo nhiều ý nghĩa khác nhau, có thể sử dụng trong những văn cảnh khác nhau.

5. Ví dụ, Thiền tông chủ trương: “*Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*” là tiêu chí cho tất cả môn đồ, đệ tử, không loại trừ bất cứ ai. Vậy, kẻ nào chưa “thấy tánh”, nghĩa là chưa bắt gặp “cái mặt mày của mình trước khi cha mẹ sanh ra”, (ngôn ngữ nhà Thiền gọi là: chưa nhận chân được cái bản lai diện mục của mình), và chưa thành tựu khả năng thành Phật - thì là một kẻ nghiệp

nặng. Dẫu là hòa thượng, đại đức, thiền sư, tổ sư, nếu người nào còn lẩn quẩn bên ngoài cửa Đốn Ngộ thì còn trầm luân sanh tử, nên gọi người ấy là kẻ có nghiệp chướng nặng nề, đáng thương đáng trách!

Hoa Nghiêm tông lấy “*Ly thế gian, nhập pháp giới*” làm yếu chỉ tu hành. Người nào còn bị vướng mắc bởi dầy trôi ngũ dục, bị ràng buộc bởi phiền não chướng và sở tri chướng, còn dính líu đến những lợi ích thế gian và ngay cả những hiệu quả xuất thế gian, mà chưa nhập vào thể tánh siêu việt bình đẳng bất khả tư nghị của pháp giới thì... Hoa Nghiêm tông gọi kẻ ấy còn nghiệp chướng nặng nề.

Thiền Thai giáo tức Pháp Hoa tông thì lấy “*Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến*” làm mục tiêu và cơ sở tu hành cho tất cả tín đồ. Vậy, kẻ nào chưa ngộ nhập Phật tri kiến mà còn đang sống với những quan điểm thế gian, nhìn mọi sự vật bằng con mắt phàm tục, đầy ý thức phân biệt, tách bạch thiện ác tốt xấu chỉ vì thiếu thốn chất liệu từ bi, chưa phát huy năng lực trí tuệ của Phật, thì vẫn là kẻ nghiệp chướng nặng nề, chưa liễu ngộ được tông chỉ của Thiền Thai giáo nói riêng và chưa cảm nhận diệu nghĩa của nhà Phật nói chung.

Pháp Tướng môn tức là Duy Thức tông thì lấy “*Nhiếp vạn pháp quy về Chân Duy Thức Tánh*” (Tất cả không ngoài Thức) làm cốt lõi cho sự hành trì, đồng thời làm cứu cánh tối hậu cho cuộc sống. Người nào chưa có khả năng thực hiện Chân Duy Thức Tánh, thì gọi kẻ ấy còn nghiệp chướng nặng nề.

Luật tông lấy “*Nhiếp thân ngữ ý vào Thi-la tánh*” làm tông chỉ. Nghĩa là đi đứng nằm ngồi, tất cả mọi sinh hoạt, cử động, lời nói, tư tưởng, đều an trú trong Giới Tánh. Nếu chưa biểu hiện được như thế, thì Luật Tông gọi kẻ ấy còn nghiệp chướng nặng nề.

Tam Luận tông lấy “*Lìa Có và Không, thẳng vào Trung đạo*” làm tông chỉ, rồi tiến tới “*siêu Tứ Cú, tuyệt Bách Phi*” làm cứu cánh tối hậu. Ai biểu hiện trái ngược lại, nghĩa là còn vướng víu cái Có của phàm phu, hoặc cái Không của thánh nhân, thì ta có thể gọi kẻ ấy còn nghiệp chướng nặng nề.

6. Pháp môn Tịnh-độ thì sao?

Người theo pháp môn Tịnh-độ, niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực lạc thì phải lấy "Tín Nguyện Hạnh" làm điều kiện chính yếu cho việc tu hành, và chấp nhận "Một đời vãng sanh, được bất thối chuyển" làm mục tiêu cuối cùng cho việc niệm Phật. Dù là tăng, tục, nam, nữ, đều không có biệt lệ. (Tín là, lòng tin chuyên nhất về sự cứu độ của chư Phật. Nguyện là, ý nguyện mong muốn được trở về sinh sống tại cõi tịnh độ. Hạnh là, thường xuyên xưng niệm nam mô A-di-đà Phật liên tục, không gián đoạn). Ai không có khả năng thực hiện được Tín Nguyện Hạnh và khi lâm chung không được vãng sanh Cực lạc, thì tông phái này sẽ gọi kẻ ấy là nghiệp chướng nặng nề vì "còn vương lụy", phải ở lại thế gian, lăn lộn trong ba cõi, sáu đường.

7. Đặc biệt, ở Tịnh độ Nhật Bản, chư vị Tổ sư như Ngài Nhất Biến, Pháp Nhiên và Thân Loan, đều cực lực tuyên dương 2 phần:

I. Danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật là phương tiện thù thắng, vừa là cứu cánh tối thượng vừa là chỗ quy túc cho mọi hành vi, tư tưởng, và lời nói của hành giả.

II. Bản Nguyện A-di-đà có khả năng vĩ đại là cứu vớt tất cả kẻ "nghiệp nặng, phước khinh, chướng sâu, huệ cạn". Hết thảy chúng sanh tội khổ, mê đắm, xấu ác đều là đối tượng chân chánh của Bản Nguyện, và Đức Phật A-di-đà sẵn sàng cứu độ tất cả, không loại trừ một ai, không bỏ rơi chúng sanh nào.

Nhờ vậy mà Bản Nguyện được tồn tại vì nhu cầu của chúng sanh thì không bao giờ cùng tận, và danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật vẫn luôn luôn là thực phẩm tâm linh cần thiết cho mọi chúng sanh không phân biệt. Do đó, chúng ta chớ quên rằng, trong pháp môn Tịnh độ, các tổ sư vô cùng hân hoan, thích thú khi che chở những kẻ thường bị thế gian miệt thị là nghiệp chướng nặng nề, là độn căn hạ trí, là ươn hèn yếu đuối. Vì Đức Phật A-di-đà luôn ưu ái những người tội lỗi, nghiệp nặng, và luôn luôn đối xử với họ bằng lòng bi mẫn đặc biệt.

Nhưng, thật ra, ngoại trừ những bậc thánh vào ra sanh tử cốt thị hiện để cứu độ chúng sanh, thì... tất cả chúng sanh đều là kẻ nghiệp nặng hết thảy.

8. Tóm lại: từ ngữ "nghiệp nặng" không có chỗ đứng trong lòng những người Phật tử, (vì ai cũng là kẻ nghiệp nặng, dưới những hình thức khác nhau, trong những lột vỏ khác nhau, trong những vị thế khác nhau - thì cần chi phải luận bàn vô ích đến một sự kiện rất ư là hiển nhiên như vậy?), hoặc nói cách khác:

Đạo Phật không có sự phân biệt "nghiệp nặng" hay là "nghiệp nhẹ". Vì trái lại, kẻ nào nghiệp càng nặng, càng được Phật cứu độ một cách khẩn trương, càng được ưu ái bởi Bản Nguyện A-di-đà một cách triệt để, hoàn mẫn.

Hòa thượng Quảng Khâm, một cao tăng trong thiền môn thời nay, đã dạy rằng: *Danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật chứa đựng vô biên năng lực bất khả tư nghì, há không thể tẩy rửa mọi nghiệp chướng của chúng sanh dẫu sâu nặng tới đâu chẳng nữa hay sao? Vậy chúng ta chớ e sợ mình nghiệp chướng nặng nề, mà hãy tự hỏi: chúng ta hành trì sáu chữ hồng danh đã thực thà, chân thật hay chưa?*

Lại nữa, Đức Phật A-di-đà tựa như Bà Mẹ tràn đầy yêu thương, thế nên đứa con nào gặp phải nguy nan, khốn cùng, tai họa thê thảm, mà lớn tiếng kêu cứu, thì Bà Mẹ ấy đương nhiên phải quan tâm ngay lập tức, phải bày tỏ lòng xót xa và cứu trợ cấp kỳ. Và điều này cũng không phải là khó hiểu! Cho nên chúng ta đừng ngại rằng mình nghiệp nặng, mà cũng đứng miệt thị kẻ khác là "nghiệp nặng", vì nếu chủ trương như vậy, e rằng chúng ta dường như chưa hiểu và chưa tin vào Bản Nguyện A-di-đà! Ngài Thân Loan lại bảo:

May mắn thay cho những kẻ chất chứa nhiều ác nghiệp, bởi vì họ sẽ được Đức Phật cứu độ khẩn cấp!

Bởi vì tôi là một chúng sanh chất chứa nhiều ác nghiệp, tôi còn biết ơn sâu xa hơn đối với Bản Nguyện, nó đích thực được thiết lập ra để cứu độ tôi.

(Trích *Sông Lửa Sông Nước* của Taitetsu Unno, bản dịch An Cư)

Vâng, phải có một giáo lý như vậy, thì cuộc nhân sinh của chúng ta mới có nhiều thăng hoa, hứa hẹn, mới được gọi là đáng sống chứ?

Phải có một danh hiệu thù thắng nhiệm mầu như vậy, mới thừa khả năng cải biến tâm linh chúng ta, chuyển hóa cái tâm dơ bẩn xấu ác này trở thành niết-bàn vi diệu, bằng cách vận chuyển những kẻ u mê ám chướng tội lỗi nghiệp nặng sang định cư tại cõi Cực lạc chứ?

9. Chúng ta cần khẳng định rằng đạo Phật không những chỉ dành cho những người thông minh, đạo đức, (hạng này rất ít, không mấy người), mà là đặc biệt dành cho những con người yếu đuối trước cám dỗ của tội lỗi, cư mang lắm nghiệp nặng, hành vi xấu ác, tâm lý mê đắm. Nhờ vậy, mới làm sáng tỏ đức từ bi vô hạn của chư Phật, chư Bồ-tát.

Như Angulimala từng giết 999 người, còn âm mưu sát hại Đức Phật Thích-ca, thế mà còn được Phật khai ngộ và dạy dỗ cho đến khi chứng đạo. Như Yasa, một công tử giàu có đam mê dục lạc, vẫn được Ngài thấu nhận làm đệ tử, rồi chẳng bao lâu đã chứng quả. Như Châu-lợi Bàn-đà-già là người u mê, si độn, vẫn được Phật đưa vào giáo đoàn. Sau này trở thành người có tài biện luận sắc sảo, nổi tiếng là bậc Nhớ Nghĩa Hay đệ nhất.

Cho nên chúng ta nên lạc quan, không cần biết nghiệp mình nhẹ hay nặng, hãy hành trì chắc thật và luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự cứu độ không giới hạn của chư Phật. ■

Cái nhìn

THÍCH CHON THIÊN

I. Khái quát

Nhìn là cái gì quen thuộc với chúng ta, mà cũng rất là xa lạ. Cái gần nhất có khi lại là cái xa lạ nhất. Có lúc nó hiện ra như dòng thác lũ khiến não nhận chìm con người. Có lúc nó khơi dậy những nét đẹp của cuộc sống, sự thật, và hạnh phúc. Nó trở nên bí mật. Nó gây kinh ngạc, và chính nó là sự kinh ngạc.

Thông thường, nhìn có nghĩa là mắt nhìn với sự có mặt của hoạt động ý thức, hay có thể nói, tâm nhìn sự vật qua mắt. Tương tự, tâm nhìn sự vật qua tai, mũi, lưỡi, thân, và ý.

Nói đến nhìn là nói đến nội dung của cái thấy và tác dụng của cái thấy. Tác dụng này tác động đến người nhìn, vật bị nhìn, và lan rộng ra ngoài như một làn sóng. Hầu như thế giới ta đang sống chỉ là hiện hữu của cái nhìn, mà không phải là thế giới chính nó.

II. Những cái nhìn quen thuộc

Cái nhìn chụp phủ lên sự vật những gì của nó, và nó mãi mãi chỉ thấy sự vật bị chụp phủ, mà không phải là sự vật như thật. Ca dao nói,

Đêm qua ra đứng bờ ao

*Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai.*

Cái nhìn này chờ theo nó một tâm trạng mong chờ trong thất vọng.

Hay:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Cái nhìn này lại phơi bày một niềm đau, một nỗi thất vọng khác.

Nguyễn Du, qua *Truyện Kiều*, nhìn xã hội Việt Nam ly loạn của thế kỷ 18 với cái nhìn rất hiện triết và rất là ngậm ngùi rằng:

*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Ôn Như Hầu thì nhìn xã hội Việt Nam của thế kỷ 18 với tâm trạng oái oăm, cay đắng:

*Trải vách quế gió vàng hiu hắt
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng
Oán chi những khách tiêu phòng
Mà xui phận bạc nằm trong má đào.*

Vạn Hạnh thiền sư đời Lý nhìn cuộc đời một cách trí tuệ, thấy rõ nó là mỏng manh, vô thường; với thái độ nhìn thanh thản, tự tại:

*Thân như điện ảnh, hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy, vô bổ úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Tạm dịch:

*Thân như bóng chớp hữu rồi vô
Cây cỏ xuân tươi thu lại khô
Tùy vận thịnh suy lòng chẳng sợ
Thịnh suy đầu cỏ hạt sương phô*

Vua Trần Nhân Tông, Điều Ngự Giác Hoàng, thể nghiệm giải thoát sâu xa giữa đời nên cái nhìn trở nên rất thiện, rất tự nhiên:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề, khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*
(Cư trần lạc đạo phú)

Tạm dịch:

*Sống đời vui đạo cứ tùy duyên
Hễ đói thì ăn, mệt nghỉ liền
Có báu trong nhà đừng chạy kiếm
"Vô tâm" trước cảnh, hỏi chi thiền.*

Mỗi cái nhìn cuộc đời chuyên chở một nội dung khác nhau tùy theo điều kiện, khả năng, và vị trí của người nhìn.

III. Triết lý về cái nhìn

Cái nhìn không đơn thuần là một quá trình vật lý, mà là một chuỗi những quá trình vật lý và tâm lý tiếp nối nhau. Trong chuỗi quá trình tâm vật lý ấy xuất hiện những thái độ tâm lý buồn, vui, ưa, ghét...

Carl Jung, một nhà phân tâm học của thế kỷ 20, đã

nói, "*Bao giờ cái nhìn của bạn cũng bị giới hạn bởi những gì bạn đang có và đang là*".

Quả thực, trước cùng một sự vật, mỗi người có một cái nhìn riêng và bị đóng khung trong các điều kiện vật lý, tâm lý, sinh lý, kiến thức, tập quán, thành kiến... của mình. Văn hóa của thời đại cũng góp phần vào giới hạn đó. Vì thế, trước cuộc đời, trước con người khổ đau hay hạnh phúc, đã phát sinh nhiều cái nhìn giới hạn, nghiêng lệch, dẫn đến những hệ lụy khác nhau.

IV. Hệ lụy của cái nhìn – Giáo dục và cái nhìn

Nếu không nhìn ra bản chất của cái nhìn, nếu không thấy tính hư cấu và tương đối của nó, con người sẽ rơi ngay vào các hệ lụy, cạm bẫy của nó và trở thành nạn nhân khốn đốn của chính nó.

Kinh nghiệm sống cho thấy rằng cái đẹp không trói buộc – nói đúng là không thực sự trói buộc – người nhìn nó, mà chính cái nhìn của người nhìn trói buộc mình; chính lòng ham muốn, sân hận, hay si mê khởi lên từ cái nhìn trói buộc mình.

Có những cái nhìn gây thiện cảm với tha nhân. Có những cái nhìn gây ác cảm. Cũng có những cái nhìn khiến mình và người bình an hay lúng túng...

Các nhà tâm lý giáo dục ghi nhận rằng phần lớn các rối loạn tâm lý của một con người là do cái nhìn sai lệch của người ấy, mà không thực sự do tha nhân hay hoàn cảnh. Hầu như người đời thường đánh mất 90% năng lượng đời sống do những rối loạn gây ra bởi những cái nhìn sai lệch ấy. Thật đáng suy gẫm.

Thế nên, để sống vui mình vui người, người ta phải biết nhìn như thế nào để tránh các phiền não hệ lụy. Cái nhìn, cách nhìn là một nghệ thuật sống cần được nghiên cứu, học hỏi, và truyền đạt.

Trong một tập thể, xã hội, cái nhìn của đa số cũng quyết định sự hưng suy của tập thể, xã hội ấy. Vì thế, cái

nhìn càng được trân trọng và cẩn trọng quan tâm. Đổi mới tư duy là đổi mới cái nhìn. Nói ngược lại cũng thế.

Cái nhìn tốt đẹp đòi hỏi một trình độ văn hóa, trí thức, tình người, và trí tuệ của người nhìn. Nó cần được huấn luyện, giáo dục, và cần thời gian. Phật giáo đã nói rất nhiều về cái nhìn và đã giới thiệu với đời con đường chuyển đổi cái nhìn thành cái nhìn đầy tình người, trí tuệ, an lạc, và giải thoát.

V. Phật giáo và cái nhìn

1. Cái nhìn duyên khởi, vô ngã

Nếu đem cuối cùng dưới cội Bồ đề, Đức Phật không phát hiện ra cái nhìn duyên khởi thì sự thật về Tứ đế, Nhân quả và Duyên khởi của cuộc đời chưa được phát hiện, và đạo Phật chưa có mặt ở đời. Vì thế, cái nhìn duyên khởi, vô ngã là cái nhìn Phật giáo giải thoát con người ra khỏi các hệ lụy khổ đau của cuộc đời.

Con người xưa nay chịu khổ đau vì tự giam hãm mình trong cái nhìn hữu ngã, cho rằng mọi hiện hữu đều có tự ngã, rồi cái nhìn hữu ngã ấy đẩy khởi lên tham lam, sân hận, tà kiến, sợ hãi, kiêu căng, thị phi... làm nên dòng cuồng lưu của tâm lý và cuồng lưu của cuộc đời nhận chìm mình trong sanh tử. Sau ngày giác ngộ đạo vàng, Đức Phật suốt 45 năm giáo hóa đã giới thiệu với đời cái nhìn duyên khởi, vô ngã ấy để dập tắt các samsara, khổ, ưu não ngay trong hiện tại. Con đường xây dựng cái nhìn này là đạo đế hay gọi là con đường thiền định Phật giáo:

2. Kinh Pháp Cú

Bài kệ 170, kinh *Pháp Cú*, ghi:

Hãy nhìn đời như bọt nước

Nhìn đời như ảo cảnh

Hãy nhìn đời như thế

Thần chết không bắt gặp.

(bản dịch của HT. Minh Châu)

Do vì biết hết thấy hiện hữu là do nhân duyên sinh nên hết thấy hiện hữu là không có tự ngã, là vô thường và dẫn đến khổ đau. Bài kệ trên đã giới thiệu một cái nhìn về hiện hữu, thấy nó mỏng manh, vô thường, không thật như bọt nước, ảo cảnh như chúng đang là. Thấy như vậy, người nhìn sẽ thức tỉnh ra khỏi cái tâm lý tham lam, sân hận, ngã mạn... và từ đó xuất hiện tâm lý giải thoát, trí tuệ giải thoát.

3. Kinh Kim Cang Bát Nhã

Tương tự với bài kệ *Pháp Cú* trên, bài kệ kết thúc kinh *Kim Cương* dạy:

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn, bào ảnh

Như lộ diệt như điện

Ưng tác như thị quán.

Dịch nghĩa toàn kệ:

Nên khởi lên cái nhìn thấy hết thấy mọi hiện hữu (các pháp bị duyên tác thành) là như sương, như chớp, là huyễn hư, là bọt nước.

Cứ nuôi dưỡng cái nhìn đó thì dần dần tất cả các

tướng về các tự ngã sẽ bị dập tắt. Từ đó cái gốc để làm dấy lên tham, sân, si không còn. Cái nhìn đó sẽ đưa chúng ta đến giải thoát sau cùng: giáp mặt với sự thật và hạnh phúc.

4. Kinh Pháp Hoa

Kinh *Pháp Hoa* thì nhằm chỉ cho thấy sự thật duyên sinh, vô ngã, ngộ và nhập sự thật ấy.

Phẩm *Phổ Môn* đã giới thiệu sự tu tập, huấn luyện cái nhìn như sau:

Chơn quán thanh tịnh quán

Quảng đại trí tuệ quán

Bì quán cập từ quán

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng

Vô cấu thanh tịnh quang

Huệ nhật phá chư ám

Năng phục tai phong hỏa

Phổ minh chiếu thế gian

Bì thế, giới lỗi chấn

Từ ý, diệu đại vân

Chú cam lồ pháp vũ

Diệt trừ phiền não diễm.

Dịch nghĩa:

Hãy nhìn sự thật, hãy nhìn với cái nhìn trong sáng

Hãy nhìn với trí tuệ rộng lớn

Hãy nhìn với lòng từ bi

Ánh sáng (trí tuệ) không cấu uế của cái nhìn ấy

Sẽ như mặt trời phá tan các hôn ám (vô minh)

Làm tiêu tan các tai nạn

Chiếu sáng khắp thế gian

Lòng bi như là sấm kéo lại

Tâm từ như đám mây lớn (bủa ra)

Rơi xuống cơn mưa Pháp

Dập tắt lửa phiền não.

Huấn luyện cái nhìn như phẩm kinh *Phổ Môn* giới thiệu ở đây thì người đời sẽ nhận ra cái Nhìn xuất hiện như là một phép lạ tạo thành cơn mưa Pháp trong tâm và dập tắt hết phiền não khổ đau từ tâm.

Cái nhìn rất từ bi và trí tuệ ấy là cái nhìn giải thoát khổ đau của Phật giáo.

5. Tứ thánh đế: Giáo lý Tứ thánh đế là giáo lý căn bản của các bộ phái Phật giáo, vừa nói lên sự thật vừa giới thiệu phương pháp nhìn sự thật của các hiện hữu

- Các hiện hữu vốn là không thật, vô thường và dẫn đến khổ đau.

- Nguyên nhân của khổ đau ấy là lòng tham ái mọi hiện hữu và vô hữu.

- Lòng tham ái bị dập tắt là khổ đau hết, Niết-bàn xuất hiện.

- Con đường dập tắt khổ đau.

Nhìn cuộc đời thế nào để dập tắt lòng tham ái kia. Cái nhìn ấy thường được lặp đi lặp lại mãi cho đến khi khổ đau diệt. Nuôi dưỡng cái nhìn ấy là thực hiện con đường, hay gọi là tu tập Tứ niệm xứ (hoặc tu tập đạo đế).

VI. Cái nhìn thiền định Phật giáo

Tứ niệm xứ là pháp môn thiền định của Phật giáo, cơ sở của sự thực hiện 37 phẩm trợ đạo (đạo đế). Đây là phần công phu huấn luyện cái nhìn đơn thuần và tỉnh giác.

Niệm là sự tập trung sự chú ý vào cái Nhìn, theo dõi một trong bốn đối tượng: hơi thở, cảm xúc, tâm lý và các đối tượng của nhận thức.

Đại để có thể giới thiệu công phu giáo dục, huấn luyện này qua bảy bước đi chính.

1. Bước đi làm ổn định thân, lời và hơi thở; thuộc giới học.

2. Bước đi làm tịch lặng năm thứ ngăn che tâm (trạo cử, hôn trầm, dục, sân, nghi) và các tạp tưởng khác, sao cho cái nhìn dán chặt vào đối tượng được theo dõi; gọi là bước đi thanh tịnh tâm.

3. Bước đi thấy rõ, hiện rõ ràng và đúng đối tượng theo dõi đó là một chuỗi quá trình vật lý và tâm lý do nhân duyên sinh, chúng rỗng không không có tự ngã, và không có mặt cái ta ở đó hay ở nơi nào khác cả. Con người và thế giới chỉ là những quá trình tâm lý duyên sinh ấy; đây là bước đi “thanh tịnh kiến” (thanh tịnh cái thấy).

4. Tiếp tục bước đi thứ ba với cái thấy suy diễn rộng hơn lan ra mọi hiện hữu và thấy rõ tất cả là duyên sinh, vô ngã. Tại đây, một nguồn hạnh phúc vô biên tuôn trào ra từ cái nhìn và cái thấy ấy; đây là bước đi qua khỏi các nghi ngờ.

5. Nhưng tại đây, cái nhìn trí tuệ cần được an trú để nhận rõ cái nguồn hạnh phúc đang tuôn trào ra ấy là chương ngại cho công phu phát triển cái nhìn trí tuệ, và để giữ tâm an tịnh tiếp tục huấn luyện cái nhìn trên; đây là bước đi thứ năm thấy rõ những gì là đạo, những gì là không phải đạo.

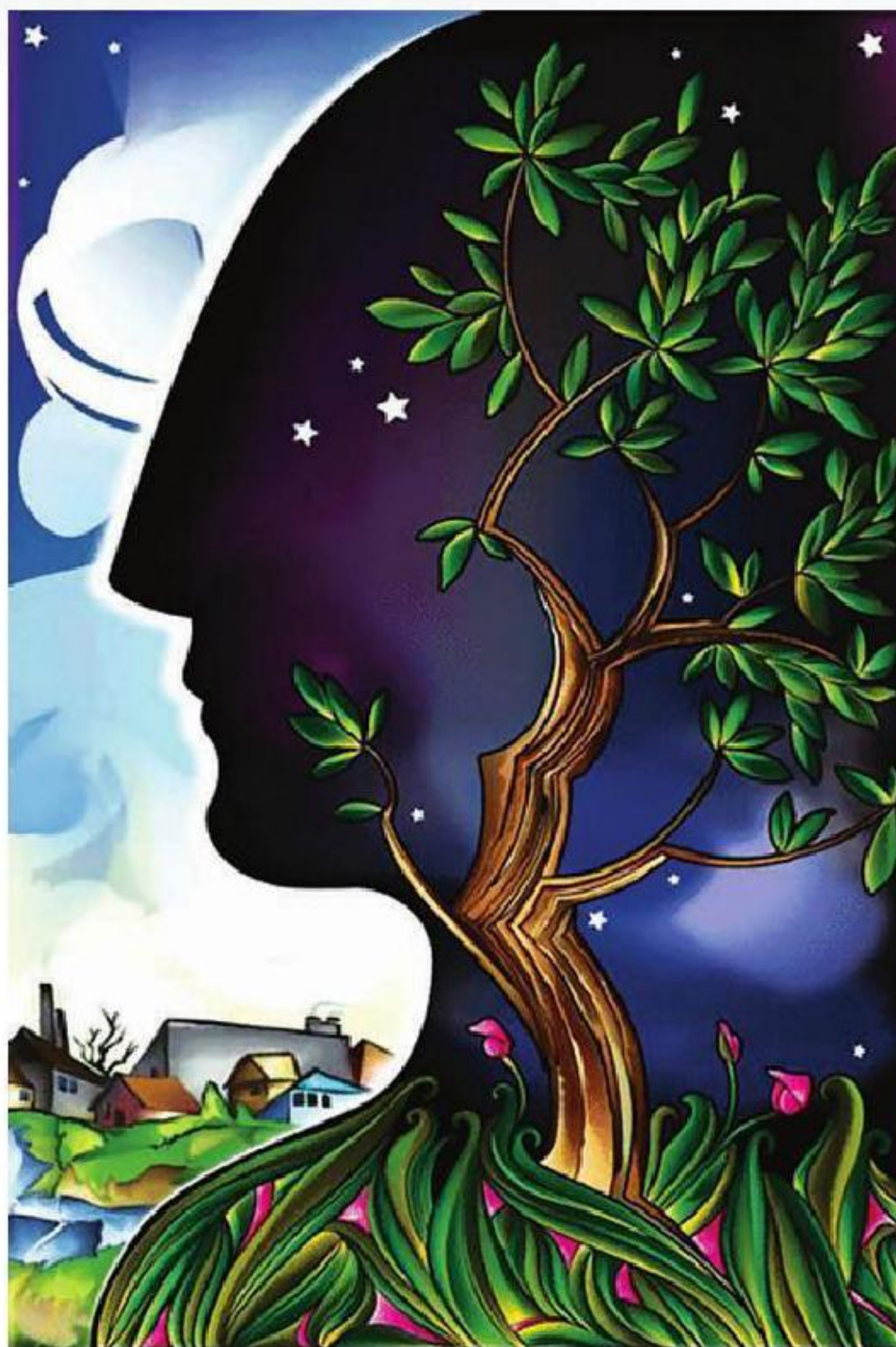
6. Tiếp tục công phu huấn luyện cái nhìn theo hướng tiến triển ấy, mọi hiện hữu sẽ tan biến tự ngã ngay trước cái nhìn của ta đến nỗi ta có cảm nhận tất cả hầu như không có hiện hữu nữa. Cứ tiếp tục nhìn rồi dần dần các hiện hữu sẽ hiện rõ trở lại với sự thật duyên sinh của nó. Hành giả tại đây sẽ có kinh nghiệm loại bỏ các sợi dây tâm lý trói buộc trí tuệ giải thoát (loại bỏ các kiết sử), lần lượt đi vào kết quả trí tuệ giải thoát của các bậc Thánh; đây là bước đi thấy các đạo, các quả.

7. Tiếp tục an trú trong công phu nhìn kia cho đến kết quả thấy và biết hoàn toàn thanh tịnh, an ổn, thì hành giả đi vào các sức mạnh của tâm lý giải thoát (năm căn và năm lực) cho đến quả vị A-la-hán chặt đứt hoàn toàn mọi nhân tố tâm lý đưa vào sinh tử, khổ đau.

Cái nhìn được giáo dục và huấn luyện trên đây gọi là cái nhìn của sự chú ý thuần túy. Nó là cái nhìn vừa đầu tiên vừa cuối cùng của công phu thiền định. Nó là chánh niệm, tỉnh giác. Có thể gọi nó là cái nhìn trí tuệ giải thoát. Bám chặt công phu nhìn này, các tạp tưởng, vọng tưởng sẽ lần lượt ra đi, và đối tượng nhìn (trong tâm và ngoài cảnh) sẽ tự phơi bày sự thật như thật của nó. Bây giờ những gì mà trước đó được gọi là ảo hóa, hư huyền đều tiêu biến.

Từ bước đi thứ sáu, hành giả đã nhìn sự vật với tâm tự tại không vướng mắc, cái điều mà Điều Ngự Giác Hoàng gọi là “đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (vô tâm trước cảnh hỏi chi thiền). Có thể nói rằng cái nhìn “vô tâm” của Điều Ngự là cái nhìn trí tuệ của bước đi thứ sáu và thứ bảy của công phu thiền định kia. Tại đây, vắng mặt các phiền não hệ lụy.

Bí mật của cuộc sống là ở chỗ giữa khi hiện hữu là một dòng duyên sinh trôi chảy thì con người và tư duy ngã tính của con người đi tìm một cái ngã không bao giờ thực sự có mặt. Sự thật của khổ đau và hạnh phúc không phải ở trong tay một đấng quyền năng thiêng liêng nào cả, cũng không phải ở ngoại cảnh, mà là ở trong chính ta, trong chính cái nhìn của ta vậy. ■



Vị đạo nhân không y cứ

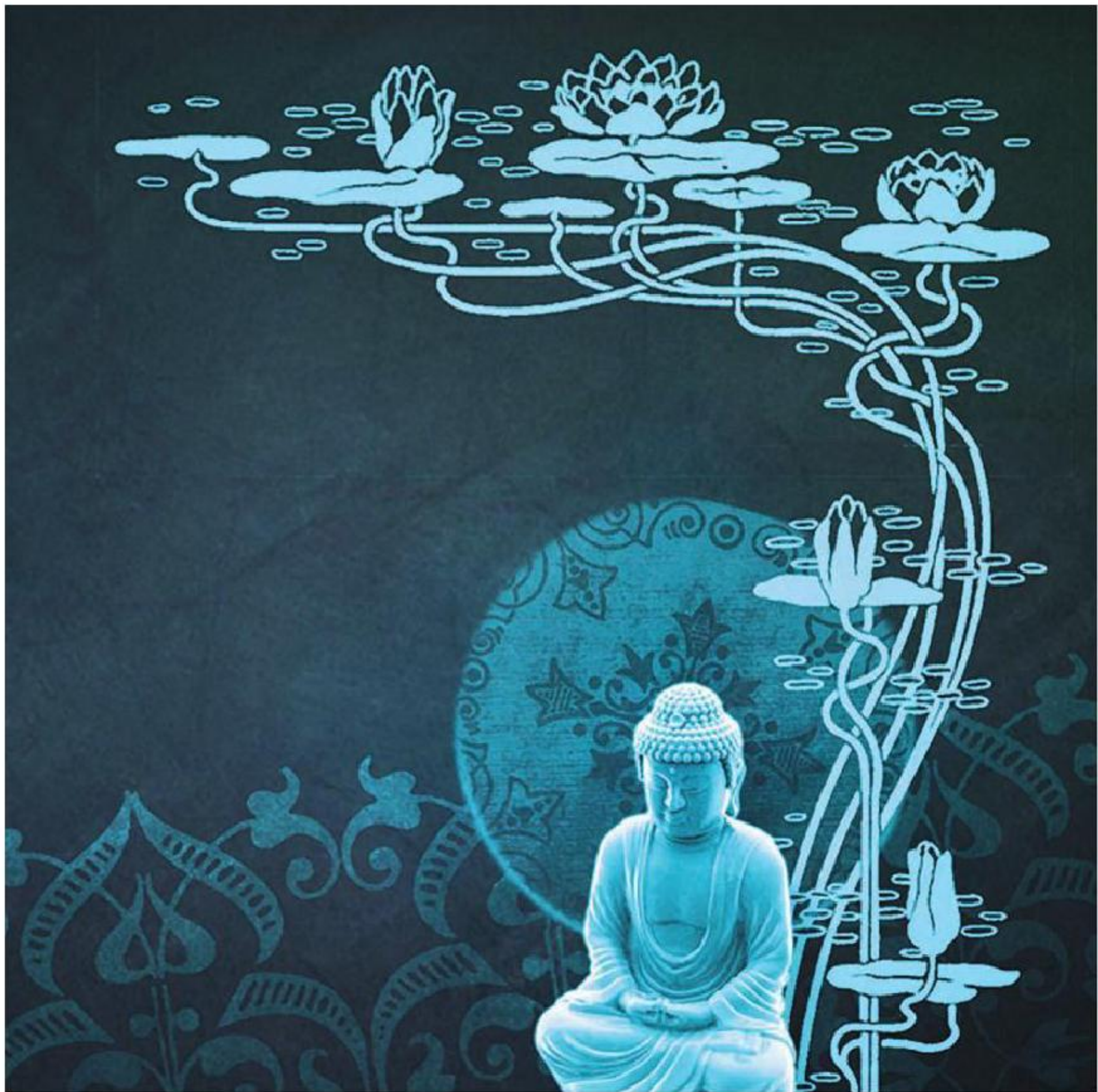
TRẦN TUẤN MẢN

Sau Lục tổ Huệ Năng (638-713), Thiền tông phương Nam của ngài chia làm hai hệ phái do hai đại đệ tử của ngài đứng đầu là Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744) và Thanh Nguyên Hành Tư (?-740). Về sau, hệ phái Thanh Nguyên gồm ba dòng là Tào Động, Pháp Nhãn và Vân Môn, còn hệ phái Nam Nhạc truyền ra hai dòng là Lâm Tế và Quy Ngưỡng. Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-867) đã mở ra một dòng thiền lớn kéo dài cho đến ngày nay, có ảnh hưởng lớn đến Phật giáo Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly và Nhật Bản. Riêng tại Việt Nam, Thiền Lâm Tế có mặt và phát triển liên tục đến nay kể cũng đã hơn bảy thế kỷ.

Tổ Lâm Tế nổi danh với cách ứng cơ tiếp vật, giáo hóa đồ chúng thật hóc hiểm kỳ khôi. Ngài đã sử dụng những nghịch lý, những phép biện chứng siêu việt. Ngọn hèo, tiếng quát vẫn như còn sống động, rung chuyển khi ta đọc đến những hành trạng, pháp ngữ của ngài qua các

Thiền lục như *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục*, *Ngũ Đăng Hội Nguyên*, *Cao Tăng Truyện*, *Thiền Nhân Nhân Mục*, *Thung Dung Lục*, *Bích Nham Lục*, *Viên Ngộ Tâm Yếu*, *Truyền Pháp Chánh Tông Ký*, *Tổ Đình Sự Uyển*... Nhưng tác phẩm quan trọng nhất hẳn là tập "*Lâm Tế Ngữ Lục*" do đệ tử thọ pháp của ngài là Bảo Thọ Diên Chiêu ghi chép.

Thiền lục này gồm hai phần, Thị chúng và Khám biện. Theo cách phân chia của người sau thì mở đầu phần Thị chúng là mười bài ngắn nói về những cách ứng cơ của ngài, còn toàn bộ phần Khám biện là những giai thoại và công án miêu tả lối ứng đối, dạy dỗ của ngài, thường rất khó hiểu và đầy những nét kỳ đặc trong phương pháp và hành trạng. Riêng phần lớn của phần Thị chúng là những lời dạy thâm thiết, đậm đà, ân cần và lắm khi mạnh mẽ, khốc liệt. Nội dung chủ yếu là nói về cái tâm vô phân biệt, sự phá chấp, thực hiện tính bình đẳng, thâm nhập cái không, cái vô tướng



của vạn pháp. Thái độ vô chấp của một cái tâm bình thường nhưng vô cùng diệu dụng chính là thái độ của người hành đạo không thiên chấp, không vướng vào các hình tướng, ý niệm. Tổ Lâm Tế gọi con người ấy là vị đạo nhân không y cứ (vô y đạo nhân).

Trong *Lâm Tế Ngữ Lục* có bốn chỗ nhắc đến vị đạo nhân không y cứ, đều thuộc phần Thị chúng:

1. Khi nói về kiến giải chân chánh, Tổ Lâm Tế nhấn mạnh đến sự vô phân biệt, vô chấp trước để thấy rõ cái không tướng của các pháp:

“Phật ra đời chuyển đại pháp luân rồi nhập Niết-bàn, chẳng thấy tướng mạo đi đến chi cả, tìm cái sinh tử rốt ráo không thể được, bèn vào pháp giới vô sanh, đi khắp các quốc độ và thế giới Hoa tạng, thấy rõ hết cái không tướng của các pháp, tất cả đều không phải thực pháp. Chỉ có vị đạo nhân không y cứ là mẹ của chư Phật mà thôi. Cho nên Phật từ chỗ không y cứ mà sanh; nếu ngộ

sự không y cứ thì Phật cũng không có sự đặc. Nếu thấy như vậy thì gọi là kiến giải chân chánh” (bài 15).

2. Vì không y cứ, không nương tựa vào đâu, nên vị đạo nhân không y cứ không chấp cảnh, không nghi ngờ, chỉ một mực vượt lên, đập lên, hay cười lên trên cảnh:

“Thấy được cái người cười lên trên cảnh thì đó là huyền chỉ của chư Phật. Cảnh của Phật không tự nói rằng nó là cảnh của Phật, chính là vị đạo nhân không y cứ cười lên trên cảnh mà ra thôi” (bài 17).

3. Phá chấp đến triệt để, phủ nhận mọi hình tướng, ý niệm, ngôn cú, văn tự, chỉ một mực nhận rõ cái không của vạn vật là thái độ của con người hành đạo bình thường mà cũng là của con người siêu việt:

“Cho nên đạt được sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là không tướng thì chúng không thể trói buộc vị đạo nhân không y cứ này được. Tuy là vật chất năm uẩn mà cũng là địa hành thần thông” (bài 19).

4. Giải thích rõ hơn vị đạo nhân không y cứ là thế nào, là ai, ngài Lâm Tế nói đây là cái tâm bình thường, không phân biệt; bao giờ cũng thế, không khác; đây là bản lai diện mục; tâm ấy hay vị đạo nhân không y cứ ấy là Phật, là Tổ, là cái Tâm bình đẳng tuyệt đối, viên mãn, nhưng lại rất bình thường, chính là tâm của mỗi con người; cái tâm đang đối diện với mọi sự nhưng không hề chấp trước, phân biệt; cái tâm đang nghe pháp ngay đây:

"Cho nên người xưa nói, "Tâm bình thường là đạo". Nay các Đại đức, các ông tìm cái chi? Vị đạo nhân không y cứ nghe pháp ngay trước mặt các ông đây, rõ ràng mồn một chưa từng khiếm khuyết. Nếu các ông muốn cùng với Phật và Tổ không khác thì hãy thấy như vậy, chẳng nên nghi ngờ. Các thứ tâm của các ông mà không khác thì gọi là vị Tổ sống; tâm mà có khác thì tánh và tướng khác nhau. Do tâm không khác nên tánh và tướng không khác nhau (bài 18).

Suốt phần Thị chúng, Tổ Lâm Tế chỉ nhằm phá cái ý niệm phân biệt tâm, cảnh; phân biệt tánh, tướng, ngôn từ, ý niệm... Tổ luôn trở cái ngay ở đây, bây giờ đây, cái người đang hiện diện đây mà không có niệm nào phân biệt thì đây là vị đạo nhân không y cứ, là Tổ, là Phật, là thần thông diệu dụng, là tự tại, giải thoát, Niết-bàn. Tổ tha thiết dặn dò:

"Các ông có muốn hiểu được Phật và Tổ chăng? Kề nghe pháp trước mặt các ông đây là đây vậy. Người học tin chưa tới mà cầu tìm bên ngoài, dù cho tìm được thì cũng đều là mặt nổi của văn tự, rốt lại chẳng được cái ý linh hoạt kia của Tổ. Chớ lắm, này các Thiền đức, giờ đây không gặp thì trăm kiếp ngàn đời, luân hồi ba cõi, cứ theo cảnh dẫn thì sanh vào bụng của bò, lừa" (bài 11).

Thì ra vị đạo nhân không y cứ cũng chính là chúng ta đây, kẻ đang nghe pháp, học Phật, và cũng chính là đồng bạn với chư Phật, chư Tổ nếu chúng ta vứt bỏ sự chấp trước, trói buộc, nếu chúng ta từ bỏ ý niệm phân biệt, cầu tìm:

"Này các Đạo lưu, người đang nghe rõ mồn một trước mắt đây, người ấy không bị chìm đắm vào đâu cả, thông suốt mười phương, tự tại ba cõi; và trong mọi sai biệt của cảnh mà không bị chuyển đổi trong một sát-na, suốt nhập pháp giới; gặp Phật nói chuyện với Phật; gặp Tổ nói chuyện với Tổ; gặp A-la-hán nói chuyện với A-la-hán; gặp Nga quý nói chuyện với Nga quý; hướng đến khắp nơi, rong khắp quốc độ, giáo hóa chúng sanh, chưa từng rời một niệm; khắp nơi đều thanh tịnh, soi suốt mười phương, vạn pháp như một (bài 14).

Đạo nhân không y cứ còn được Tổ gọi là bậc Chân nhân không ngôi vị (vô vị chân nhân), bậc trượng phu, hoặc một cách bình thường nhưng đầy ý nghĩa, là "người đang nghe pháp đây", "người đang nghe pháp trước mặt các ông đây"... Trong phần Thị chúng, Tổ đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần về sự phá bỏ chấp trước, thực hiện vô tâm. Lời dạy ân cần, tha thiết, tỉ mỉ, kỹ càng như tình lão bà thương cháu, từ mẫu thương con. Sự trùng lặp về ý này được tô điểm bằng những sắc thái linh động của văn từ, hình ảnh, khiến người đọc được dẫn dắt từng bước một, chuẩn bị một chuyển biến lớn trong tâm. Ta hãy lấy một đoạn làm thí dụ:

"Này các Đạo lưu, Phật chân thật không có hình, pháp chân thật không có tướng. Các ông cứ vin vào cái huyền hóa là làm này làm nọ thì dù có cầu được cũng đều là bọn chồn hoang tinh mị, đều chẳng phải là Phật chân chánh, mà đây chỉ là kiến giải của ngoại đạo. Hễ là kẻ học đạo chân chánh thì không chấp vào Phật, không chấp vào Bồ-tát, La-hán, không chấp vào sự thù thắng của ba cõi, riêng mình giải thoát, không bị trói buộc vào vật. Trời đất nghiêng ngả ta cũng chẳng nghi; chư Phật mười phương dù có hiện ra trước mắt ta cũng chẳng có một thoáng vui mừng; ba đường địa ngục bỗng mở ra ta cũng chẳng có một chút sợ hãi. Có sao vậy? Đây là vì ta thấy cái không tướng của các pháp, biến thì có, không biến thì không có. Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Cho nên hoa đốm giữa hư không mống huyền thì hơi đâu mà nắm bắt" (bài 19).

Những lời khuyên dạy từ ái, nhẹ nhàng không thiếu chi trong những lần thuyết pháp của Tổ. Nhưng phương pháp dạy dỗ không chỉ như thế, Tổ vẫn nổi tiếng với những phương pháp mạnh mẽ, hùng hồn; bằng hèo vung, bằng miệng quát, bằng những từ ngữ thô tháo. Tất cả chỉ nhằm làm cho người học tỉnh ngộ, phá chấp; chỉ nhằm dẫn cái vô minh vào chân tường để đập vỡ nó. Tổ vạch ra những tai hại của kiến chấp, điều này không phải là mới trong Thiền học. Con đường đi đến chứng ngộ đầy gian lao, cần một năng lực mạnh mẽ, một sự tự tin tuyệt đối để phá vỡ vô minh, tình chấp. Tổ ví năng lực ấy như guơm trí của ngài Văn Thù để "một đao vô thắng, dù Na Tra tám tay cũng không can nổi, hai mươi tám Tổ ở Tây Thiên, sáu Tổ ở Đông Độ cũng chỉ phải nép mình xin tha mạng". (Vô Môn Quan). Ở đây, ngôn ngữ văn tự dùng để chuyển chở ý tưởng, chính ý tưởng, và dĩ nhiên là cả ngôn ngữ văn tự, phải bị xóa bỏ, phải được vượt qua:

"Này các Đạo lưu, chớ đem Phật ra mà làm cứu cánh; ta xem Phật như hổ xí, Bồ-tát, La-hán đều là gông cùm, là vật trói người. Cho nên Văn-thù mang kiếm giết Cổ-Đàm, Ương-quạt cầm đao hại họ Thích". (bài 23).

Thái độ của vị đạo nhân không y cứ vẫn phải dứt khoát, triệt để:

"Này các Đạo lưu, nếu các ông muốn có kiến giải chân chính thì đừng sợ người ta mê hoặc; quay vào bên trong, quay ra bên ngoài, gặp gì giết đó: gặp Phật giết Phật; gặp Tổ giết Tổ; gặp La-hán giết La-hán; gặp cha mẹ giết cha mẹ; gặp người thân giết người thân. Như thế mới được giải thoát, mới không bị câu thúc, mới thấu thoát, tự tại" (bài 19).

Đây là sự không y cứ, sự phá chấp bằng trí mà một Thiền giả phải thực hiện cho được để trở thành bậc Chân nhân không ngôi vị hay vị Đạo nhân không y cứ. Con đường tu phải lắm gian lao, không có một năng lực mạnh mẽ, một ý chí cương quyết trong một công phu hàm dưỡng lâu dài thì mọi lời khuyên dạy của chư Phật, chư Tổ chỉ là những ngôn từ trống rỗng!

Ghi chú: Những chỗ trích dẫn đều do người viết dịch từ nguyên bản chữ Hán. ■



Đất khách quê mình

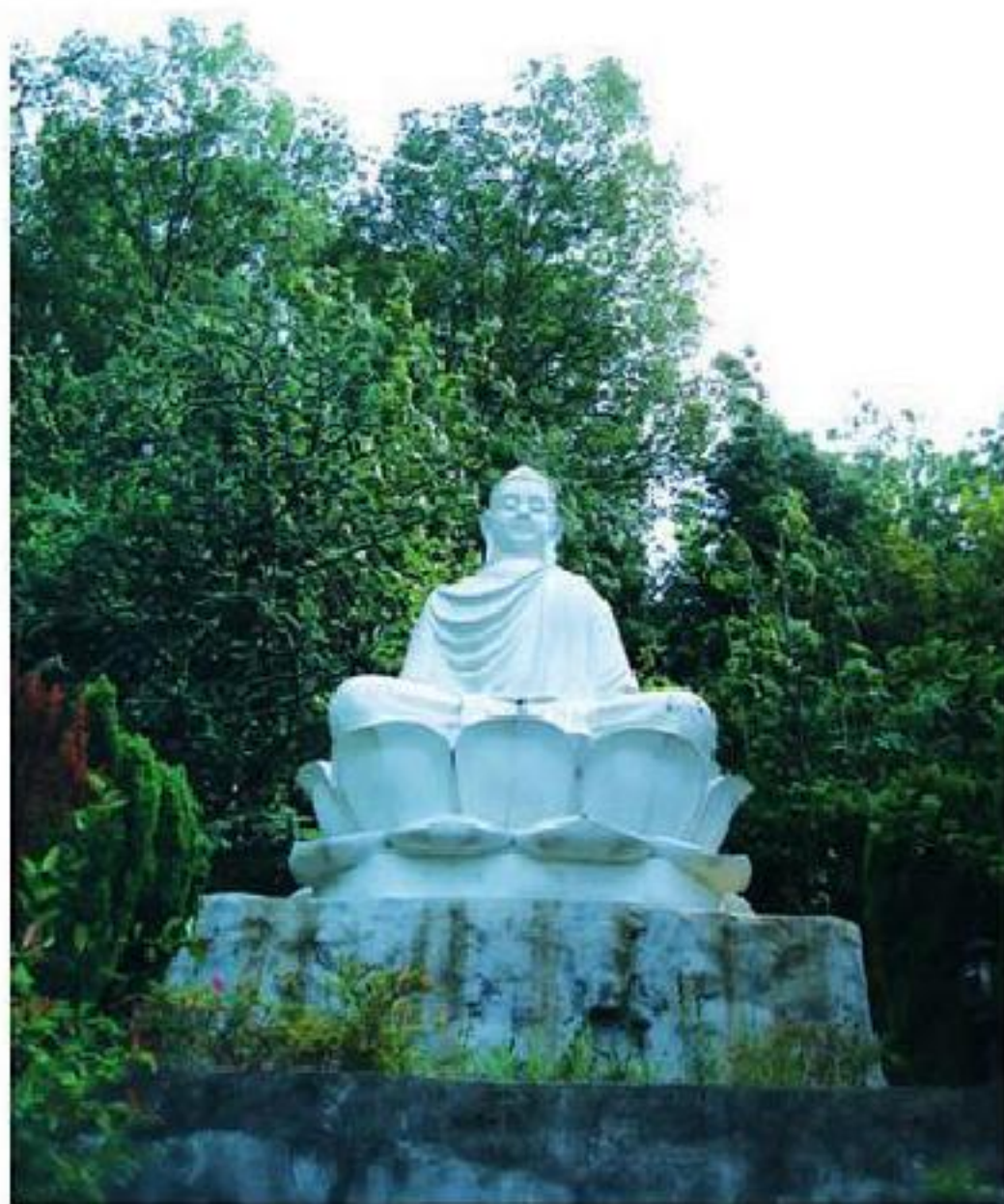
Bài & ảnh: CAO HUY HÓA

Thấy chúng tôi vừa đến chùa, thầy Thiện Niệm niềm nở tiếp và nói vui: “*Hôm nay là lễ đầy tháng ...*”, sau đó thấy tất bật lo công việc. Chúng tôi, những lữ khách từ quê nhà, lần đầu tiên đến thăm chùa Khuông Việt sau khi đã dự lễ Phật đản tại Huế, cười vui với thầy, và vô cùng hoan hỷ dự lễ Phật đản một lần nữa tại ngôi chùa thân thương của người Việt tại thủ đô Paris của Pháp.

Chẳng mấy ai nghĩ rằng, ngày lễ trọng đại, thiêng liêng nhất của một tôn giáo, chính là lễ giáng sinh của đấng giáo chủ, lại được cử hành chệch ngày, lùi lại về sau. Chỉ có Phật giáo, ít nhất là tại nơi tôi đứng đây, và trong năm 2010 này, Đại lễ Phật đản được cử hành chậm

chín ngày so với ngày rằm tháng Tư âm lịch, ngày thống nhất kỷ niệm Đản sanh của Đức Phật trên thế giới. Tôi cũng được biết thêm: không chỉ có chùa Khuông Việt, mà chùa Trúc Lâm ở Paris đã tổ chức Đại lễ Phật đản chậm hai ngày, và chùa Vincennes của Hội Phật tử Pháp cử hành Đại lễ sau chùa Khuông Việt một tuần.

Vì sao có chuyện làm lễ không đúng ngày như thế? Đó chẳng qua là vì, nếu chùa tổ chức đúng ngày rằm tháng Tư âm lịch, và ngày đó lại không phải là thứ Bảy hoặc Chủ nhật, thì đa số Phật tử bận làm việc, không thể đến chùa dự lễ. Cho nên, hàng năm, nhà chùa phải coi ngày, không phải chọn ngày lành tháng tốt như kiểu bên ta, mà chọn ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật



hoặc ngày lễ có nghi) kế cận ngày lễ chính thống để tổ chức lễ cho Phật tử tại chùa mình; và riêng hai chùa Trúc Lâm và Khuông Việt, thì hai chùa chọn ngày tránh nhau để Phật tử có thể dự lễ ở hai nơi. Với cách như thế, Đại lễ Vu lan sắp đến sẽ tổ chức tại Khuông Việt vào một ngày Chủ nhật, chậm hơn so với ngày rằm tháng Bảy âm lịch. Phật tử không ai là không hưởng ứng lối chọn ngày như thế; tuy nhiên, Tăng chúng trong chùa, ngoài việc tổ chức Đại lễ cho Phật tử, vẫn cử hành lễ nội bộ theo đúng ngày chính thống.

Không ngờ mùa Phật đản đối với chúng tôi được kéo dài đến vậy. Vừa mới rộn rã niềm vui với bảy đóa sen hồng trên sông Hương, với con đường quê nào bí nào bầu tươi xanh quả lủng lẳng, nào ớt rực đỏ, mồng tơi khiếm tốn, đu đủ trĩu quả, chuối trổ bông, nào mảnh ao con thuyền, độn rơm,... quá đổi thân thương; vừa mới dự một Tuần văn hóa Phật giáo đầy ấn tượng với nội dung phong phú; nhất là vừa mới dự Đại lễ Phật đản trang nghiêm tại ngôi Tổ đình Từ Đàm cũng như thành kính đi trong đoàn rước Phật,... tôi lại gặp cảnh chùa Trúc Lâm và Khuông Việt trên vùng ngoại ô của Paris, cũng trong niềm thành kính và dạt dào tình cảm mùa Phật đản.

Con đường đèo đưa đến *Trúc Lâm thiền viện* thật tuyệt đẹp; hai bên đường cây cối xanh um, lẩn khuất trong đó các ngôi biệt thự thanh lịch. Chùa nằm lưng chừng trên một ngọn đồi của thành phố Villebon sur Yvette, phía Nam cách Paris khoảng 20km, tựa lưng vào vách núi, giữa trời mây bao la. Càng đi vào chùa, tính cách chùa Việt Nam càng thấy rõ: cũng chánh điện thờ đầy đủ các tượng Phật, Bồ-tát, các vị La-hán, sau

chánh điện thờ Tổ, rồi cũng gian thờ vong, cũng câu đối, cũng hai bên chánh điện có trống, chuông, khánh, hầu như tất cả tượng và pháp khí đều xuất xứ từ quê nhà; bên ngoài tượng Đức Quán Thế Âm tôn trí trong vòm núi, tọa lạc trên dòng nước uốn lượn qua các tầng đá cạnh hoa thềm cỏ biếc; tháp Tổ - thờ cổ Hòa thượng Thiện Châu khai sơn chùa -, với màu xanh trắng nhẹ nhàng; đặc biệt con đường lên núi thật ngoạn mục, với hàng trúc vươn thẳng thân quen và trên cao là Thích Ca Phật Đài lồng lộng mây trời.

Trong không gian vắng lặng của một vùng đồi núi, chùa như là một nơi chốn ẩn tu, bình thường xao xác tiếng gió, lá reo, chim hót, nào mấy khi nghe tiếng người. Tuy thế, vào cuối tuần, Phật tử về thăm chùa, lạy Phật, nghe kinh, dâng lễ hòa thượng trụ trì, làm sống dậy một không gian Việt, âm thanh giọng nói Việt giữa lòng thủ đô nước Pháp. Đặc biệt, những ngày quan trọng như Tết Nguyên đán, Phật đản, Vu-lan, chùa là nơi tụ hội của những người Việt Nam, không những để dự lễ và lạy Phật, mà còn tìm hơi ấm quê nhà qua câu kinh tiếng kệ, qua gặp gỡ mừng vui, qua trò chuyện với tình quê hương và đồng đạo.

Không có được cảnh thiên nhiên bao la thơ mộng như chùa Trúc Lâm, *Phật đường Khuông Việt* (vùng Orsay, phía Nam Paris) ở trên ngọn đồi nhỏ, gần với khu dân cư. Nhưng Khuông Việt lại ở vào vị trí thuận lợi cho mọi người đến chùa, do rất gần với trạm tàu nhanh. Nếu đến chùa lần đầu, chắc ai cũng bất ngờ: Ô hay, mới ra khỏi tàu, đi bộ ít phút mà mình đã đến chùa? Ô hay, cổng chùa "to" như thế sao? Ngó lên, phía trên mươi bậc cấp với lối đi hẹp là cái cổng kiểu như tranh tre nứa lá, đứng vững nhờ hai cây tre. Thế mà quen mà lạ, mà có duyên. Cái duyên đó đưa khách vào giang sơn của chùa. Cũng vẫn ngạc nhiên: đất đai chẳng có bao nhiêu mà sao phong phú quá chừng: chánh điện, nhà khách, trai đường, thư phòng, nhà bếp, nhà nghỉ vắng lại,... rồi tượng đài Quán Thế Âm với vườn cỏ, suối róc rách, cây cao bóng cả hài hòa với hàng rào cây xanh, cây tạo thế bên cạnh cây hoa nở rộ mùa xuân, rồi giàn bí giàn bầu,...

Tất cả giang sơn thật khéo xếp đặt trên thế đất nhấp nhô, bình dị, nhẹ nhàng, nhất là kiến trúc chẳng có nhiều bê tông, và ai cũng thấy rõ những vật liệu cỡ như tre nứa, gỗ, vật liệu nhẹ, kể cả những thứ tận dụng. Tất nhiên, đất đai ít nên bên trong chánh điện chỉ được vài chục mét vuông, không đủ chỗ cho Phật tử dự Đại lễ. Nhưng chẳng sao, Phật tử tự sắp đặt lấy, và chẳng trong những ngày Đại lễ như Phật đản, Vu lan, thời tiết Paris thuận lợi cho tổ chức ngoài trời, khung cảnh trang nghiêm được đầm ấm hơn với hoa nắng trên đầu, trên vai mỗi người.

Trong khung cảnh như thế, tôi đã dự Phật đản cùng với vài trăm người, già trẻ lớn bé, có người đi riêng, có người đi cả gia đình, có người thuần Việt, có người Việt

“một nửa”, “một phần tư”, lại có dâu Tây, rể Tây, có người lững thững trầm tư bên cạnh người chào đón tay bắt mặt mừng, có người lại đem theo bạn Pháp đến chung vui,... Vẫn áo lam quen thuộc, vẫn áo tràng như Phật tử bên nhà, vẫn áo dài truyền thống, bên cạnh những bộ âu phục đứng đắn, và không hiếm những thời trang quen thuộc nhưng không lỗi lạng. Giọng nói thì đủ cả ba miền, kể cả giọng nói có phần ngượng nghịu của những người cả đời sinh trưởng bên Tây. Đúng là một ngày lễ hội. Phần lễ đã qua, phần hội là phần của mọi người thăm hỏi nhau. Chuyện thăm hỏi trong những dịp lễ như thế này là chuyện rất quan trọng vì bình thường mỗi người một nơi, xa nhau về địa lý, nếu có thăm hỏi chẳng là trên điện thoại, qua thư điện tử. Phần hội cũng thêm phần đậm đà vì mọi người được dự cơm chay. Thực đơn phong phú và ngon đáo để, nấu theo kiểu Huế, lại còn được tráng miệng bằng chè sâm bổ lượng, một loại chè miền Nam mà quá lâu tôi mới được thưởng thức.

May mắn tôi đi đến thủ đô Paris mới thấy chùa là vô vàn thân thiết đối với người Việt xa quê. Những người Việt ở Pháp mà tôi quen biết, tất cả đều có đời sống ổn định, không những thế, còn có địa vị khá quan trọng xã hội người ta, nhà cửa rất đàng hoàng, phòng khách thanh lịch với tranh tượng nghệ thuật, với đàn piano, có nơi treo đàn tranh và các loại đàn khác trong hệ thống nhạc cụ dân tộc, vườn cây, ghế bàn ngoài trời, đám cỏ xanh tươi,... nhưng chẳng mấy dịp khách đến chia sẻ vui buồn, uống trà, ngắm hoa. Đời sống tự do cá nhân bên Tây là như vậy, công việc bận rộn, khoảng cách địa lý bắt buộc như vậy. Nhu cầu gặp nhau tay bắt mặt mừng, nhu cầu về tình cảm không phải là không có, nhưng phải nuốt vào tâm can. Vậy thì, còn gì quý hơn được gặp nhau ở chùa? Ngoài ra, dạy con phải biết về quê hương, về tiếng nói, về văn hóa,... thì cha mẹ chọn môi trường ở đâu cho bằng ở chùa? Tôi được biết mới đây, mấy gia đình có con đậu BAC (tú tài Pháp) loại giỏi, đã họp mặt tại chùa, làm lễ tạ, và tất cả cha mẹ con cái được dự cơm chay vui vẻ, đầm ấm. Một trường hợp đặc biệt mà Thầy Tịnh Quang cho tôi biết: một người Pháp lấy vợ Việt, có năm người con, chẳng may chị mất đi; trong niềm đau tưởng nhớ vợ hiền, ông vẫn tiếp tục học tiếng Việt, dạy con tiếng Việt, và đưa con đến chùa hàng tuần để con thấm nhuần đạo Phật và văn hóa Việt theo gương mẹ chúng.

Cuộc sống của người Việt trong xã hội phương Tây cũng phải nhanh, trong đi lại, trong công việc, cho nên có nhu cầu tìm về nơi chốn thanh thoi, và xa hơn, một không gian tâm linh, nơi có thấy hướng dẫn, nơi có người đã gặp duyên may đến với Phật trước mình, để chính mình nhận ra ý nghĩa của cuộc sống và con đường tu tập. Không ít người đã về chùa, đã tìm thấy thanh thoát nhẹ nhàng trong câu kinh tiếng kệ, với chấp tay A-di-đà-phật, trong hạnh lắng nghe của Bồ-

tát Quán Thế Âm, trong đó có những Phật tử, bằng cấp có thừa, nghề nghiệp từng trải, đã gắn bó với chùa bằng công quả, và không từ nan công việc gì. Vui thay, trước khi cử hành Đại lễ mừng Phật đản, một buổi lễ quy y rất cảm động được tổ chức tại chùa Khuông Việt cho những Phật tử đã chín chắn đường đời và thấm nhuần đường đạo.

Chùa Khuông Việt luôn luôn gắn bó với quê hương, với Phật giáo bên nhà, đặc biệt qua những dịp đón tiếp quý bậc tôn túc: Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Hòa thượng Thích Trung Hậu, Hòa thượng Thích Hải Ấn. Chùa không những là nơi tu tập, nơi thường xuyên tổ chức những buổi lễ đáp ứng nguyện vọng tâm linh của Phật tử, mà còn là địa chỉ văn hóa cho đồng bào mình. Nơi đây đã từng diễn ra các hoạt động văn hóa, văn nghệ, một số nhà trí thức đã đến nói chuyện, trong đó có các giáo sư: Trần Văn Khê, Nguyễn Quang Riệu, Phạm Xuân Yêm, Vĩnh Sính; Tiến sĩ Nguyễn Tường Bách, đạo diễn Đặng Nhật Minh, nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn, biên đạo múa Ea Sola... Chùa tổ chức lớp khí công vào mỗi sáng Chủ nhật cho mọi người (có cả người Pháp tham dự). Chùa không quên làm từ thiện, cứu trợ đồng bào trong nước bị thiên tai. Trong niềm kính trọng và biết ơn sâu xa Bác sĩ Erich Wulff, ân nhân của Phật giáo Việt Nam trong Pháp nạn 1963, chùa Khuông Việt đã làm lễ tưởng niệm và cầu siêu nhân kỷ niệm 49 ngày mất cố Bác sĩ, với sự hiện diện của bà Wulff và gia đình.

Được đến thăm Trúc Lâm thiền viện và Phật đường Khuông Việt, tôi càng cảm nhận câu thơ của cố Hòa thượng Mãn Giác: *“Mái chùa che chở hồn dân tộc”*. Không những mái chùa trên khắp mọi miền của Tổ quốc, mà hơn thế nữa: tại nơi đất khách xa xôi, quê mình là đây, dưới mái chùa này! ■





Hương sen màu nhiệm

KHÁNH BẢO

“Liên chủng ô đàm khí dũ hương”

Cầu nói của Tổ Tổ Liên về ý nghĩa hoa sen còn vang vọng mãi trong trái tim mỗi chúng ta. Sự tinh khiết, thanh cao và thánh thiện vươn lên từ bùn lầy đã từ lâu luôn là biểu tượng của sự giác ngộ - giải thoát của Phật giáo.

Đồng hành cùng dân tộc, trải qua biết bao thăng trầm trong suốt hàng ngàn năm lịch sử, Phật giáo Việt Nam luôn gắn bó với đời sống văn hóa của đất nước, góp phần tu dưỡng tâm hồn bao thế hệ con Rồng cháu Tiên vươn tới ánh sáng chân lý của lòng yêu nước, lòng từ bi bao la, của tình yêu thương nhân loại mênh mông. Ngày nay, hơn lúc nào hết, Phật giáo Việt Nam trên đà hưng long và đóng góp không ngừng vào công cuộc kiến thiết đất nước, góp phần xây dựng thủ đô ngày càng văn minh, tươi sáng, xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh, giàu đẹp - khẳng định vị thế

của Việt Nam trên trường quốc tế và hội nhập với sự phát triển của nhân loại.

Nhân dịp chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Phật giáo Thăng Long – Hà Nội, tối 31-7 tại Cung Văn hóa Hữu nghị Hà Nội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội Phật giáo Hà Nội, dưới sự chỉ đạo nghệ thuật của Thượng tọa Thích Minh Hiền, đã tổ chức thành công chương trình Ca múa nhạc Phật giáo “Hương Sen màu nhiệm” với những tiết mục đặc sắc mang đậm dấu ấn thời gian và âm hưởng Phật giáo đương đại. Thanh cao, thánh thiện như bản chất vốn có của âm nhạc, trước chương trình không một lời quảng cáo phô trương, cũng không bán vé với những giá cao ngất ngưỡng như một số chương trình mang tính chất thương mại, mỗi nhạc sĩ, nghệ sĩ, Tăng Ni, Phật tử tham dự chương trình không có gì ngoài tâm nguyện là đưa những giá trị âm nhạc đích thực đến với



công chúng nhằm góp phần xây dựng một cuộc sống tươi đẹp, hài hoà và có ý nghĩa.

Với hơn mười tiết mục ở các hình thức biểu diễn phong phú dành cho đơn ca nam, nữ, song ca, hợp xướng, hòa tấu nhạc và múa, khán giả thủ đô đã được thưởng thức một chương trình ca múa nhạc với giá trị nghệ thuật và chuyên môn cao. Chúng ta dễ dàng lĩnh hội được sức truyền cảm của những giai điệu thanh cao, thánh thiện và thiêng liêng nhưng cũng rất trữ tình, đa diết; biểu hiện khát vọng của mỗi chúng ta hướng tới niềm hạnh phúc và an lạc; nơi chỉ còn sự cảm thông sâu sắc và tình yêu thương giữa con người với con người.

Trong bản hợp xướng *"Thế Tôn ca"* của nhạc sĩ - Phật tử Trần Mạnh Hùng (pháp danh Khải Vĩ), với những giai điệu mang màu sắc âm nhạc dân gian Việt Nam hòa quyện với âm hưởng nhạc đương đại, màn trình diễn công phu này đã truyền tải được sự uy nghi, ngời sáng của hình ảnh Đức Thế Tôn và lòng tôn kính đối với Người: *"Phật là ánh sáng bao dung muôn loài. Là bậc Chính giác thiêng liêng đời đời. Phật là thương yêu từ bi giải thoát. Mãi mãi Thế Tôn trên cao ngời sáng"*. Còn với tác phẩm *"Sám hối mười phương"*, được anh khai thác kỹ thuật hát thính phòng châu Âu hòa quyện với những âm luyến láy, nhấn nhá của âm nhạc cổ truyền, cộng hưởng với phần thể hiện của nghệ sĩ Lan Anh, đã đưa chúng ta đến với những hình ảnh sinh động từ tiếng khóc chào đời bé bỏng, thơ ngây cho đến những phút biệt ly giữa trần thế, những vòng quay ngán ngùi của một kiếp người biết bao mê lầm đã trôi lặn trong bể khổ nhân gian. Tiếng mõ trì tụng xuyên suốt

toàn bộ bài hát dường như muốn trả lại cho cuộc sống nhịp điệu bình yên, dẫn dắt những con người *"Từng giờ lạc lối, từng ngày dục tham, ngục nào u tối. Ai ơi sám hối tìm đường về mau quỳ nghe kinh mầu. Lạy Phật từ bi gạt sạch mọi lỗi người người thương nhau"*.

Cùng với những tác phẩm mang đậm chất hàn lâm kinh viện, *"Xưng tán Tam Bảo"*, chỉ với tám ca từ, đã tạo nên một đoàn khúc đầy sức tích, dịu êm như một bài đồng dao qua giọng hát trong trẻo, tự nhiên của Phật tử Anna (pháp danh Diệu Hòa). Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến sự đóng góp của hai ca sĩ hàng đầu dòng nhạc pop Việt Nam hiện nay là Phật tử Mỹ Linh và Đức Tuấn. Với tác phẩm *"Nam-mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật"* của nhạc sĩ Thẩm Oánh, Đức Tuấn đã thể hiện bản lĩnh nghệ thuật của anh ở chất giọng khỏe khoắn, sang trọng mà ấm áp, truyền cảm. Thật là một sự kết hợp hoàn hảo giữa Đức Tuấn và Mỹ Linh trong ca khúc *"Vang vọng ngàn năm"* của nhạc sĩ - Phật tử Anh Quân. Còn mãi trong ta tiếng *"Chuông linh thiêng vang động, một ngàn năm Thăng Long, ngút trời cao đất rộng, linh khí dòng Lạc Hồng"*.

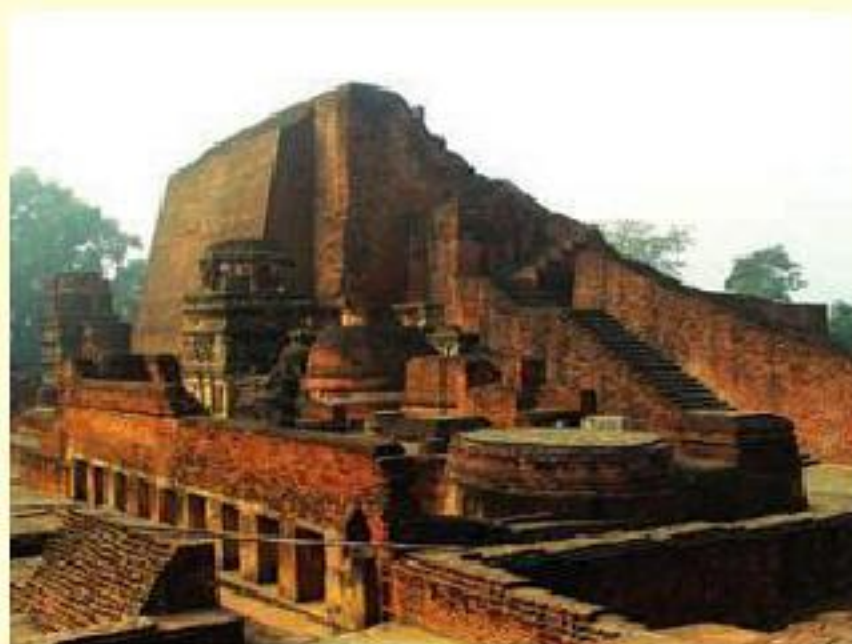
Quả thật, sẽ là không cường điệu nếu như nói rằng *"Âm - Sắc"* của Sen đã làm công chúng thủ đô 'ngợp' cả mắt, 'ngập' cả tai trong đại tiệc nghệ thuật của Đại lễ mừng Phật giáo Hà Thành tròn một thiên niên kỷ.

Chú thích:

* Âm - Sắc: âm nhạc của "Hương Sen mầu nhiệm" và sắc màu của Triển lãm Mỹ thuật Phật giáo "Sen đầu hạ" của nhóm Phật tử - họa sĩ Mặc Hương. ■

Đại học Phật giáo Nalanda sẽ sớm được xây dựng lại

Ngày 3-8-2010, phát biểu tại Delhi, thành phố lớn thứ hai ở Ấn Độ sau Mumbai, nhà kinh tế học từng đoạt giải Nobel về kinh tế năm 1998, giáo sư Amartya Kuma Sen, khẳng định dự án khôi phục Đại học Nalanda trong địa phận bang Bihar sẽ được triển khai ngay khi đạo luật liên quan đến dự án này được Quốc hội Ấn thông qua. Đại học Nalanda đã từng là một trường đại học quốc tế cổ nhất trên thế giới được xây dựng từ những thập niên đầu của thế kỷ thứ V sau Tây lịch và bị triệt hạ hoàn toàn bởi cuộc xâm lăng của người Hồi giáo vào đất Ấn Độ hồi thế kỷ XII. Việc khôi phục Đại học Nalanda có thể đòi hỏi một kinh phí lên tới 1 tỷ đô la. Dự án đã từng được nêu lên từ thập niên 1990 nhưng chỉ thu hút sự chú ý của công luận từ 2006 khi một ủy ban bảo trợ dự án này được thành lập, do giáo sư Amartya Sen là chủ tịch. Giáo sư Sen cho biết Chính phủ Ấn Độ và Chính phủ Singapore đã có những cam kết tài trợ đối với dự án này. Cũng theo Giáo sư Sen, dự án đang nằm trên bàn của các nhà lập pháp Ấn-Độ. (PV)



Ảnh: Nguyễn Thịnh

Tưng bừng Đại lễ Phật giáo Việt Nam mừng ngàn năm Thăng Long-Hà Nội

Sáng 28-7-2010, tại Hoàng thành Thăng Long, thủ đô Hà Nội, hơn 10 ngàn Tăng Ni, Phật tử và quan khách đã tham dự buổi khai mạc Đại lễ Phật giáo Việt Nam mừng ngàn năm Thăng Long-Hà Nội do Trung ương GHPGVN phối hợp với Bộ Ngoại giao và UBND thành phố Hà Nội tổ chức. Đại lễ đã diễn ra theo đúng chương trình đã định. Trước đó, từ rạng sáng 27-7, long vị của các vua nhà Lý và chư vị lịch đại Tổ sư đã được trang nghiêm cung rước từ Bắc Ninh về Hoàng thành Thăng Long; được an vị tại điện Quốc sư và điện Hoàng Đế. Chiều cùng ngày, lãnh đạo Giáo hội và lãnh đạo Nhà nước đã đến dâng hương trước lễ đài chính đặt ở điện Kính Thiên. Trong lễ khai mạc ngày 28-7, sau phần phát biểu của đại diện Bộ Ngoại giao và diễn văn khai mạc của đại diện Trung ương GHPGVN, đã có chúc văn được đọc để tưởng niệm công trạng đức vua Lý Thái Tổ và các bậc tiền nhân hữu công. Chiều cùng ngày, các phòng triển lãm về di sản Phật giáo và nhiếp ảnh nghệ thuật Phật giáo cũng được mở cửa cho khách vào tham quan. Cuộc hội thảo "Phật giáo thời Lý với ngàn năm Thăng Long-Hà Nội" diễn ra ngày 29-7 đã có mặt khoảng 400 đại biểu và nhận được gần 100 bài tham luận gửi về, trong đó có tham luận của ba

tác giả ngoại quốc. Chiều cùng ngày, phòng triển lãm mỹ thuật Phật giáo đương đại cũng được khai mạc. Buổi tối ngày 31-7, một cầu truyền hình trực tiếp Hà Nội-Viên Chăn-Paris có chủ đề "Hòa điệu văn hóa-Khát vọng hòa bình" đã được thực hiện; về phía Hà Nội, đầu cầu đặt tại chùa Trấn Quốc. Có mặt tại các đầu cầu Viêng-Chăn và Paris, các đại biểu đã dành cho Hà Nội sự trân trọng hướng tới nghìn năm tuổi. Ngoài ra, trong bảy ngày đại lễ, đã có nhiều buổi thuyết pháp, nhiều buổi lễ tưởng niệm anh hùng liệt sĩ, lễ cầu siêu, lễ cầu an, các lễ hội hoa đăng, các buổi trình diễn ca nhạc và nhạc giao hưởng. Đại lễ được bế mạc vào lúc 20 giờ ngày 2-8-2010. Phát biểu trong lễ bế mạc, đại diện Bộ Ngoại giao cho biết hoạt động của Đại lễ đã tác động đến việc UNESCO họp tại Brazil thông qua nghị quyết công nhận Hoàng thành Thăng Long là di sản văn hóa thế giới vào lúc 6g30 ngày 1-8-2010 giờ VN. Tham dự lễ bế mạc còn có sự hiện diện của các vị Đại sứ Hàn Quốc, Nga, New Zealand, Australia, Pháp, Philippines, Phó Đại sứ Thái Lan, và đại diện của GHPG Nhật Bản. Trong cùng thời gian, nhiều tỉnh thành cũng long trọng tổ chức Đại lễ Phật giáo chào mừng ngàn năm Thăng Long-Hà Nội như Lạng Sơn, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa, Quảng Nam, Quảng Trị, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh... (PV)

Thăng Long ngày mới

NGUYỄN NGỌC MINH

Nghìn năm Đất Tổ Thăng Long
Tháng Mười mở hội non sông. Thu về
Heo may thấp thoáng triền đê
Cổm vòng thơm thoảng ngõ thể cỏ may

Sâm cầm nú áo Hồ Tây
Lộc vừng đơm nụ chằng dây dưới trời
Cánh bướm rẽ sóng đua bơi
Trăng khuya lấp lánh sao rơi mặt hồ

Dòng người tấp nập Cửa Ô
Hân hoan thừa chiếu dời đô. Thánh hiền
Chào Thập Bút “Tả Thanh Thiên”
Hoàng Thành lồng lộng mặt tiền cổng cao

Cột cờ đỏ thắm vàng sao
Hương quen Quảng Bá cúc đào Nhật Tân
Tiếng chim kêu tiếng chuông ngân
Sông Hồng bãi nổi chen chân phố nhà

Từ trang thanh lịch hào hoa
Bạch Đằng Vạn Kiếp Đống Đa Ngọc Hồi
Một Điện Biên Phủ trên trời
Năm châu bốn biển tình người tôn vinh

Yên vui thành phố hòa bình
Mùa em góc phố đường Đinh Tiên Hoàng
Thơm miến hoa sữa mệnh mang
Thăng Long ngày mới nắng vàng Thủ Đô.

Một chút thu Hà Nội

NGUYỄN LOAN

Một thoáng Hồ Tây
ta gặp lại
Mùa thu Hà Nội - cốm làng Vòng
Ai đem
ủ gió vào hương nếp
Cho dạ người xa cứ nhớ mong?

Giờ ta gặp lại
nghìn năm trước
Vẫn nét thu xưa - cốm vẫn... lừng
Và mắt Hồ Tây
còn lưu được
Nụ cười Hà Nội thuở ngàn năm.

Nhớ Cha

THANH VÂN

Trà mạn sen Cha nhấp
Thưởng hương xuân đang về
Nụ cười lên ánh mắt
Ẩn sau làn kính che

Bên hàng hiên đón gió
Nhánh phong lan vờn khoe
Dáng Cha gầy trong nắng
Liêu xiêu bước qua hè

Ngâm bài thơ đã cũ
Giọng Cha ấm chiều về
Mùa xuân chùng qua ngõ
Dừng trên màu tóc Me

Trong khu vườn nho nhỏ
Cha vui cùng cỏ hoa
Tuổi già Cha biết đủ
Vui cửa với vui nhà

Cõi trần Cha nhẹ bước
Tâm từ Cha kết hoa
Ngày Cha về cõi Phật
Sen nở ngát quanh nhà.

Bão khuya

NGUYỄN TẤN ON

Có con chim nào ngủ muộn
Vỗ cánh buồn cuối một đêm sương
Có mặt trời nào thức dậy
Soi trần gian sau một cơn giông
... Và lòng ta từng cơn bão rớt
Bao nộ cuồng thách đố giữa trùng khơi
Xin lỗi, đôi vầng nhật nguyệt
Đôi hàng cây hò hẹn đợi trăng thề
Xin cảm ơn, sợi chỉ đường kim
Người về khâu vá
Hơn nửa đời người
Cơn bão xé về khuya
Cúi đầu tạ ơn
Núi Thái Sơn với vơi
Nước trong nguồn
Về biển cả xót xa
Để có mặt trời kia thức dậy
Soi trần gian sau một cơn giông.

Mẹ và con

GUY DE MAUPASSANT
TRẦN KHIẾT BACH dịch

Sau bữa tiệc tối, cánh đàn ông chúng tôi tụ tập với nhau tán gẫu trong căn phòng dành riêng cho người hút thuốc. Câu chuyện xoay quanh những khoản thừa kế không mong đợi và những di sản kỳ lạ. Thế rồi ông Brument, người khi thì được gọi là 'vị luật sư lỗi lạc', lúc lại được coi là 'vị thẩm phán nổi tiếng', bước đến nhập bọn, đứng quay lưng vào lò sưởi.

Ông nói, "Tôi vẫn đang phải tìm kiếm một người thừa kế mất tích theo một trong những trường hợp đau buồn hết sức kỳ lạ. Đó là một trong những bí kịch khủng khiếp và ngớ ngẩn của cuộc sống thường nhật, một điều có thể xảy ra hàng ngày, nhưng lại là một trong những điều đau lòng nhất mà tôi được biết".

"Cách đây khoảng sáu tháng, tôi được triệu tới trước giường của một người phụ nữ đang hấp hối. Bà ấy bảo tôi, 'Thưa ông, tôi muốn đặt niềm tin vào ông về một chuyện vô cùng tế nhị, một điều hết sức khó khăn và là một sứ mệnh phiền muộn nhất mà người ta có thể chấp nhận. Ông hãy vui lòng chú ý tới tờ di chúc của tôi được đặt trên mặt bàn đây. Một khoản tiền năm ngàn phật-lăng được dành cho ông như là chi phí trong trường hợp ông không hoàn tất công việc, và nếu ông thành công thì khoản tiền là một trăm ngàn phật-lăng. Tôi muốn ông tìm kiếm đứa con trai của tôi sau khi tôi qua đời'. Bà ấy yêu cầu tôi đỡ dậy ngồi hẳn trên giường để bà có thể nói một cách dễ nghe hơn, vì giọng nói của bà ta, ngắt quãng và hỗn hển, cứ như rít lên từ lồng ngực".

"Nơi đó là một cơ sở kinh doanh rất thịnh vượng. Căn phòng sang trọng, giản dị một cách thanh nhã, được phủ một lớp vải dày như những tấm vách mà trên bề mặt là những hoa văn mềm mại trông thật thích mắt".

"Người phụ nữ đang hấp hối nói tiếp, 'Ông là người đầu tiên được nghe kể về câu chuyện đau buồn khủng khiếp này của tôi. Tôi sẽ cố có đủ sức mạnh để kể hết cho ông nghe. Ông cần phải biết rõ mọi chuyện, để rồi, với tư cách một người mà tôi được biết là có trái tim nhân hậu, ông có thể thực lòng có ý muốn giúp tôi bằng tất cả năng lực của mình. Ông hãy nghe tôi nói đây'.

"Trước khi lập gia đình, tôi có yêu một người đàn ông. Lời cầu hôn của ông ấy đã bị gia đình tôi từ chối thẳng thừng chỉ vì so với gia đình tôi, gia đình ông ấy không môn đăng hộ đối. Chẳng bao lâu sau, tôi kết hôn với một người đàn ông khác rất giàu có. Tôi lấy ông này hoàn toàn không có một chút hiểu biết nào về ông ta, hoàn toàn vì vâng lời, hoàn toàn lãnh đạm, giống như mọi người con gái thời ấy lập gia đình. Chúng tôi có với nhau một đứa con trai. Nhưng rồi chỉ vài năm sau thì ông chồng tôi qua đời'.

"Người đàn ông mà tôi yêu trước kia cũng đã lập gia đình. Biết tôi trở thành góa phụ, anh ấy đã bị dẫn vật khủng khiếp khi tự hiểu rằng mình không còn tự do. Anh ấy đến thăm tôi và khóc như mưa như bắc; điều đó làm lòng tôi mềm đi. Ban đầu, anh ấy đã đến thăm tôi chỉ như một người bạn. Lẽ ra tôi đã không được phép tiếp anh ấy. Nhưng tôi còn có thể làm thế nào? Tôi chỉ có một mình, hết sức buồn khổ, cô đơn đến như thế, vô vọng đến như thế! Và tôi vẫn còn yêu anh ấy. Phụ nữ chúng tôi đôi khi phải chịu đựng những nỗi đau khổ đến như thế đấy!".

"Bố mẹ tôi cũng đã qua đời. Tôi chỉ còn có anh ấy trong cuộc đời. Anh ấy đã đến thăm tôi thường xuyên hơn; anh ấy ngồi với tôi suốt cả những buổi chiều. Lẽ ra tôi đã không nên để cho anh ấy đến với tôi thường xuyên như vậy, dù sao thì anh ấy cũng đang có gia đình. Nhưng quả thật tôi không có đủ nghị lực để ngăn cản anh ấy đến thăm tôi'.

"Làm thế nào tôi có thể nói được điều này nhỉ, việc anh ấy đã trở thành người tình của tôi? Chuyện ấy đã xảy ra như thế nào? Làm sao tôi có thể giải thích được? Có ai có thể giải thích được những sự việc như thế không? Ông có thể nghĩ rằng sự việc cần phải xảy ra theo một cách khác, khi hai con người bị hút vào nhau bởi sức mạnh không gì cản nổi của tình yêu đối với nhau như thế? Thưa ông, ông có luôn luôn tin vào sức mạnh của chúng ta, rằng sức mạnh ấy có thể cưỡng lại, rằng chúng ta có thể mãi mãi tranh đấu để không nhượng bộ những lời cầu nguyện, những sự nài nỉ,

những giọt nước mắt, và những lời lẽ bay bổng, những câu cầu khẩn thốt ra trên những đôi chân đang quỳ, cùng những cảm xúc của đam mê, mà người đàn ông được chúng tôi hâm mộ cứ theo đuổi, người mà chúng tôi muốn làm hài lòng ngay cả những ước muốn tầm thường nhất của ông ấy, người mà chúng tôi mong muốn dành cho tất cả mọi hạnh phúc có thể có được, người mà nếu như chúng tôi được hướng dẫn bởi sự khôn ngoan của danh dự thì chúng tôi phải làm cho họ thất vọng? Sức mạnh nào mà điều đó không cần đến? Sự từ bỏ hạnh phúc nào? Sự hy sinh nào? Và kể cả cái tiết hạnh ích kỷ nào? Nói tóm lại, thưa ông, tôi đã là tình nhân của anh ấy, và tôi hạnh phúc. Tôi đã trở nên – và đây mới chính là cái điều nhu nhược lớn lao nhất của tôi, sự hèn nhát lớn lao nhất của tôi – tôi đã trở thành bạn của vợ anh ấy.

‘Chúng tôi cùng nuôi dưỡng đứa con trai của tôi; chúng tôi đã tạo thành bé thành một người đàn ông, một người đàn ông đúng nghĩa, thông minh, mẫn cảm và quả quyết, theo một mẫu mực lý tưởng rộng rãi và hào phóng. Thành bé đã đến tuổi mười bảy.’

‘Thành bé, đứa con trai tôi, rất hâm mộ người... người tình của tôi, có thể nói nó cũng hâm mộ anh ấy chẳng kém gì tôi, vì cháu đã được yêu mến và săn sóc bởi cả hai chúng tôi. Cháu thường gọi anh ấy là ‘người bạn lớn’ và kính trọng anh ấy một cách gần như tuyệt đối, chẳng bao giờ nhận được từ anh ấy điều gì khác hơn những lời khuyên khôn ngoan và một mẫu mực của sự chính trực, danh dự và đáng tin cậy. Cháu vẫn thấy anh ấy là một người bạn cũ tận tâm và trung thành với mẹ cháu, một kiểu người cha tinh thần, người giám hộ, người bảo vệ – tôi phải diễn tả như thế nào nhỉ?’

‘Có lẽ lý do khiến cháu chẳng bao giờ đặt bất kỳ câu hỏi nào là vì cháu đã quá quen với việc nhìn thấy người đàn ông ấy ở trong nhà tôi ngay từ những ngày đầu đời của cháu, luôn luôn ở bên cạnh tôi, bên cạnh cháu, luôn luôn quan tâm đến cả hai mẹ con tôi.’

‘Một buổi tối, cả ba người chúng tôi sẽ cùng ăn tối với nhau – đó là niềm vui lớn nhất của tôi – và tôi đã chờ đợi cả hai người, tự hỏi xem ai sẽ về nhà trước. Cửa mở ra; người về trước chính là anh ấy, người tình của tôi. Tôi bước về phía anh ấy với đôi tay dang rộng; và anh ấy đặt lên đôi môi tôi một nụ hôn ngọt ngào.’

‘Thình lình, có một tiếng động nhỏ, một tiếng sột soạt thật nhẹ nhàng, mà linh cảm cho chúng tôi biết có sự hiện diện của một người khác nữa, khiến chúng tôi lập tức quay lại. Jean, con trai tôi, đang đứng đó, mặt tím lại, mắt nhìn chòng chọc vào chúng tôi.’

‘Đã có một khoảnh khắc của một sự hiểu lầm tai hại khủng khiếp. Tôi lùi lại, đưa tay về phía con trai mình như để cầu khẩn; nhưng tôi không thể thấy cháu nữa; cháu đã bỏ đi.’

‘Chúng tôi – tôi và người tình của mình – đứng lại đó nhìn vào mặt nhau, rù xuống, không ai thốt ra được lời

nào. Tôi buông mình xuống chiếc ghế dựa có tay vịn, cảm thấy một mong muốn, mơ hồ nhưng mãnh liệt, muốn thoát ra khỏi cuộc đời, muốn đi ngay trong đêm, biến mất mãi mãi. Thế rồi những tiếng nức nở co thắt trào ra khỏi cổ họng, và tôi khóc, rung lên với những cơn co giật, trái tim tôi tan nát, thần kinh của tôi nhào ra với cảm nhận tê tái về một sự bất hạnh không thể nào sửa chữa được, cùng với cảm giác xấu hổ đến chết người mà trong những khoảnh khắc như thế luôn luôn choán ngập trái tim của một người mẹ.

‘Anh ấy nhìn tôi với một thái độ hoảng hốt, không dám đến gần, để an ủi tôi, để xoa dịu tôi, vì sợ thành bé quay lại. Cuối cùng, anh ấy bảo, anh ấy sẽ đi tìm thành bé, để nói chuyện với nó, để giải thích mọi chuyện cho nó hiểu; chắc chắn là anh ấy phải gặp được thành bé để cho nó biết rõ rằng... Thế rồi anh ấy vội vàng bỏ đi.’

‘Tôi chờ đợi, chờ đợi trong một tâm trí rối bời, run rẩy trước bất kỳ một tiếng động nào dù nhỏ bé, giật mình vì sợ hãi và vì những cảm xúc không thể dung thứ và kỳ lạ đến nỗi không thể nói được ngay cả khi thoáng nghe những tiếng lách tách của ngọn lửa liếm vào tấm ghi lò sưởi.’

‘Tôi chờ một tiếng đồng hồ, rồi hai tiếng đồng hồ, cảm thấy trái tim của mình tan nát vì khiếp đảm, một sự khiếp đảm mà tôi chưa từng cảm nhận bao giờ, một sự đau đớn đến nỗi ngay cả với một kẻ tội phạm nguy hiểm nhất tôi cũng không muốn y phải chịu đựng sự bất hạnh đến thế trong khoảng mười phút. Con tôi bây giờ ở đâu? Nó đang làm gì vậy?’

‘Khoảng nửa đêm, một người đưa tin mang đến cho tôi một mẫu giấy từ người tình của tôi. Tôi còn nhớ rành rành những gì được viết trong tờ giấy ấy, “Con trai em có quay về chưa? Anh không tìm thấy nó. Anh đang ở dưới này, nhưng anh không muốn lên gặp em ngay bây giờ.”

‘Tôi viết trả lời bằng bút chì trên cùng mẫu giấy ấy, “Jean chưa về. Anh phải tìm nó bằng được.”

‘Suốt đêm, tôi ngồi chờ con trên chiếc ghế dựa có tay vịn ấy. Tôi có cảm tưởng tôi đang điên. Tôi chỉ muốn chạy cuống lên, lăn lộn trên mặt đất. Thế nhưng tôi vẫn không nhúc nhích mà cứ thế tiếp tục ngồi chờ hàng giờ. Điều gì đang xảy ra? Tôi cố hết sức để tưởng tượng, để đoán mò. Nhưng tôi không thể hình thành bất kỳ một ý niệm nào, mặc cho những cố gắng của mình, mặc cho sự đau đớn cùng cực của tâm hồn.’

‘Thế rồi tôi lại sợ rằng hai người ấy có thể đã gặp nhau. Trong trường hợp ấy, họ sẽ làm gì? Con trai tôi sẽ làm gì? Tâm hồn tôi quặn quại với những nỗi ngờ vực đáng sợ, với những giả thiết khủng khiếp.’

‘Thưa ông luật sư, ông có thể hiểu được những cảm xúc của tôi chứ, phải không ông? Người hầu phòng của tôi, không hề biết điều gì đã xảy ra, thình thoảng lại vào phòng, tin rằng – cũng tự nhiên thôi – tôi đã mất trí. Tôi bảo chị ta ra ngoài, khi thì thốt nên lời, lúc chỉ đưa tay ra hiệu. Chị ta vội đi tìm bác sĩ, ông này cho

rằng tôi bị đau thần kinh. Tôi bị đặt vào nằm trên giường. Tôi bị sốt não!

'Khi tỉnh lại sau một trận ốm kéo dài, tôi thấy ngồi bên cạnh giường tôi là người tình của tôi, một mình!'

'Tôi hỏi, "Con em? Con em đâu?"'

'Anh ấy không trả lời!'

'Tôi lắp bắp, "Chết, chết... Hay là nó đã tự tử rồi?"'

' "Không đâu, không đâu. Anh thế mà. Tuy nhiên, mặc cho tất cả những cố gắng của mình, bọn anh vẫn chưa tìm thấy thằng bé."

'Thế rồi, thỉnh thoảng vì đã điên lên và cả vì phần nộ nữa, vàng, phụ nữ luôn luôn là nạn nhân của sự bộc phát những cơn giận vô lý và không thể giải thích được như vậy, tôi nói, "Tôi cảm anh lại gần tôi hoặc đến thăm tôi lần nữa trừ khi anh tìm được thằng bé. Anh đi đi!"'

'Anh ấy đi luôn!'

'Kể từ đó, tôi chưa bao giờ thấy lại ai trong số hai người ấy, và cứ thế, tôi đã sống suốt hai mươi năm còn lại của đời tôi!'

'Ông có thể tưởng tượng được tất cả những chuyện ấy có ý nghĩa thế nào với tôi không? Ông có thể hiểu được sự trừng phạt ghê gớm ấy, sự dày vò mãi mãi và chậm chạp lên trái tim một người mẹ, sự chờ đợi vô tận khủng khiếp ấy? Vô tận, có phải tôi nói thế không nào? Không, chuyện ấy đang kết thúc, vì tôi đang chết. Tôi đang chết mà chẳng bao giờ thấy lại được một người nào trong số hai người ấy, cả đứa con lẫn người tình!'

'Anh ấy, người tôi đã từng yêu, vẫn viết thư cho tôi hàng ngày trong suốt hai mươi năm qua; nhưng tôi, tôi không bao giờ chấp nhận gặp lại anh ấy, dù chỉ một giây đồng hồ, vì tôi có một cảm giác hết sức lạ lùng, rằng nếu anh ấy đến gặp tôi ở đây, con trai tôi cũng sẽ có mặt ngay trong thời điểm ấy. Ôi trời! Con trai tôi! Con trai tôi! Phải chăng nó đã chết? Hay là nó vẫn còn sống? Thế thì nó trốn ở đâu? Có lẽ ở đâu đó bên kia đại dương chẳng, ở một xứ sở xa lạ nào mà ngay cả cái tên của đất nước ấy tôi cũng không hề biết tới? Nó có nghĩ gì đến tôi không? Chao ôi! Nếu như nó biết được! Đứa con nào mà tàn nhẫn đến thế! Nó có hiểu rằng vào lúc tôi còn đang trong độ tuổi thanh xuân nó đã ném tôi vào nỗi đau khổ cùng cực đến thế nào, vào sự tuyệt vọng sâu sắc tới mức nào, vào sự dày vò tàn nhẫn đến độ nào, và nó để mặc cho tôi chịu đựng khổ sở đến tận ngày nay, đến tận lúc tôi đang chết, tôi, mẹ của nó, người mẹ vẫn thương yêu nó với tất cả tình thương yêu của một người mẹ? Ôi, có phải như thế là tàn bạo không?'

'Ông luật sư, ông sẽ nói với con tôi tất cả những điều đó chứ, được không thưa ông? Ông sẽ lặp lại cho nó lời nói cuối cùng của tôi, "Con yêu, con yêu của mẹ, con



hãy bớt khát khe với những người phụ nữ đáng thương! Cuộc đời đã đủ dã man và tàn bạo trong việc đối xử với họ. Con yêu của mẹ, hãy nghĩ đến sự tồn tại của người mẹ đáng thương của con ra sao kể từ ngày con bỏ bà ấy mà đi. Con yêu của mẹ, hãy tha thứ cho bà mẹ ấy, và hãy tội nghiệp cho bà mẹ ấy, vào lúc này, khi bà ấy đã chết, vì bà ấy đã phải chịu đựng sự ăn năn khủng khiếp nhất mà một người phụ nữ từng phải chịu đựng."

"Bà ấy thờ hồn hèn, run lên như thể bà đang nói những lời trần trối cuối cùng với con trai mình và như thể đang đứng trước giường bà ấy chính là đứa con trai. Chỉ một lát sau, bà nói thêm, "Ông cũng sẽ nói với nó rằng tôi chưa bao giờ gặp lại người đàn ông kia."

"Một lần nữa, bà ấy ngừng nói, cuối cùng, bằng một giọng đứt quãng, bà bảo, "Hãy bỏ mặc tôi, tôi van ông. Tôi muốn chết một mình, vì họ không có ở đây với tôi!"

Ông Brument kết thúc câu chuyện, "Tôi rời khỏi ngôi nhà ấy, thực sự cảm thấy xót xa và khóc như một thằng điên, đến nỗi người đánh xe phải quay đầu lại ngạc nhiên nhìn tôi trừng trừng. Và cứ nghĩ xem, những thảm kịch như thế vẫn diễn ra hàng ngày quanh cuộc sống của chúng ta. Tôi không tìm ra người con trai ấy, vàng, bình phẩm anh ta như thế nào thì tùy ý thích của quý vị, nhưng đối với tôi thì đó là một thằng con trời đánh". ■



Thiên thần vẽ ước mơ

LAM KHÊ

Bé Na ngồi học bài bên hiên chùa khi trời mới bắt đầu đổ mưa. Nó nhìn không chán mắt những giọt mưa chảy dài xuyên qua kẽ lá. Những chiếc lá xanh lấp lánh sắc màu pha lê mà cô Diệu thường bảo đó là những giọt ma-ni thấm nhuần cây cỏ.

- À! Bé Na vẽ gì mà ngoằn ngoèo vậy ta.

Cô Diệu đứng sau lưng bé từ lúc nào.

Na quay lại cười, lấp bắp nói: "Dạ... con đang vẽ... Con vẽ cảnh trời mưa...".

"Vẽ trời mưa?". Cô bật cười và nhớ là Na thường mơ ước trở thành họa sĩ. Con bé luôn có những ý tưởng ngộ nghĩnh. Nó nhìn mưa để tập vẽ.

Na ngọng nghịu giải thích:

"Con vẽ bằng ý tưởng và mắt nhìn thôi. Vẽ mưa khó quá, thưa cô... Con chỉ mới học vẽ thôi mà...".

Cô Diệu ngồi xuống bên cạnh: "Ừ! Vẽ mưa... thì không dễ chút nào. Con vẽ được qua ý tưởng là hay lắm rồi. Học vẽ là học mơ ước đấy, cô họa sĩ tí hon à".

Na ngược đôi mắt trong veo nhìn cô. Ngoài đôi mắt ra, cả thân hình và gương mặt con bé nếu không bị tật nguyên dị dạng thì có lẽ cũng cao ráo xinh xắn như mẹ nó. Na chỉ mới hơn mười tuổi. Lứa tuổi thơ ngây đã chớm có những ưu tư nghĩ ngợi.

"Vẽ ước mơ là sao hả cô?".

"À!.. Vẽ ước mơ là vẽ ra những điều tốt đẹp mà mình mong muốn. Ước mơ cũng giống như bức tranh đẹp chưa thành hình vậy".

"Như vậy thì con có nhiều ước mơ đẹp chưa thành hình lắm. Chúng nào học vẽ khá hơn... con sẽ vẽ ra hết những ước mơ của mình...".

Cô Diệu cười gật đầu: "Mà Na ước mơ điều gì?".

Con bé chớp mắt nhìn xa xăm. Nó đang thả hồn theo những mộng tưởng: "Con mơ ước... làm sao cho bé Ni biết đi biết nói... để ba mẹ đỡ vất vả... để chị em con cùng nhau vui chơi... đi học. Con cũng ước mơ sau này ba làm nhà ở gần chùa... để con được nghe tiếng quý cô tụng kinh...".

Ngừng một chút, con bé lại trầm giọng: "Mỗi đêm con qua chùa tụng kinh lạy Phật, con cầu Phật... cầu Bồ-tát gia hộ cho em Ni... cho ba mẹ. Con ước mơ sao mình có thể đánh đổi cả tay chân và giọng nói này... để em Ni cùng được đến trường...".

Con bé luôn có những ý tưởng lớn lao hơn cả phận đời bé nhỏ của nó:

"Nếu như cô có được chút thần thông, cô sẽ biến những ước mơ của Na thành hiện thực. Nhưng cô biết Phật và Bồ-tát đã chứng giám cho lòng thành của Na rồi. Nếu kiếp này...".

Bé Na đã chạy về bên nhà. Tiếng mẹ gọi làm con bé phải bỏ dở những ước mơ mới vừa phác họa. Cô Diệu dõi mắt nhìn ra đài Quan Âm phía trước. Ước mơ đẹp luôn nằm đâu đó trong một chữ "nếu" chẳng bao giờ thành câu thành chữ.

... Gia đình Na dọn về ở nơi căn nhà trống sát bên đất chùa. Nhìn cặp vợ chồng trẻ cùng hai đứa con tật nguyên, mọi người đều ái ngại thương cảm. Nhưng vợ chồng nhà ấy lại không tỏ ra mặc cảm để đón nhận sự thương hại ấy. Tính cách con người của họ vốn rất vui vẻ dễ chịu, nụ cười luôn nở trên môi. Cô Diệu chưa từng nghe họ nói lời buồn phiền hay oán trách số phận. Người mẹ có gương mặt thật đáng yêu. Bé Na giống mẹ cả tính cách lẫn nụ cười.

"Sanh đứa con đầu lòng bị dị tật, đứa thứ hai ngỡ sẽ lành lặn. Ai ngờ... Nếu không đi chùa, không nghe quý thầy quý sư giảng kinh thuyết pháp, chắc vợ chồng con không bình tĩnh chấp nhận nghiệp báo của mình để vui sống đến ngày hôm nay đâu, cô ạ".

Bé Na sanh ra đã không được như những đứa trẻ bình thường, có điều con bé lại rất thông minh. Cơ thể dị dạng, giọng nói ngọng nghịu, ba mẹ tưởng con không thể đi học. Nhưng khi thấy bạn bè đồng lứa đến trường, Na cũng nằng nặc đòi đến lớp. Nó đang học lớp bốn. Học khá giỏi môn Văn và có năng khiếu mỹ thuật, thích vẽ vờ lung tung. Bé Ni thì bị liệt bẩm sinh, không đi cũng không nói được. Nó đã sáu tuổi, chỉ nằm một chỗ. Ấy vậy nhưng con bé cũng hay đòi mẹ bế sang bên chùa nghe kinh. Người mẹ đặt Ni ngồi yên trong lòng, chấp tay khấn Phật, miệng lầm râm khấn nguyện. Không nói được, con bé chỉ biết bày tỏ cảm xúc qua ánh mắt nhìn và đôi tay động đậy.

"Người ta bảo đo đi truyền, đo nhiễm chất phóng xạ,

nhưng hai vợ chồng con đã đi xét nghiệm các nơi mà đâu có phát hiện gì đâu. Đây là nghiệp lực mà chúng con đã tạo ra nhiều đời nay phải gánh chịu lấy hậu quả. Chỉ tội cho hai đứa nhỏ... Chúng quá bé bỏng thơ ngây... chưa từng hưởng được chút hạnh phúc trọn vẹn một con người".

... Xóm làng miền quê phát triển thành thị trấn, nhà cửa đất đai của anh chị cũng nằm trong khu quy hoạch giải tỏa. Thời gian này, chị thường đưa hai con lên chùa lễ Phật. Ni sư trụ trì đem trái cây ra cho hai bé và ngồi lại chuyện trò thăm hỏi. Biết chị đang hỏi thuê nhà trong thời gian chờ đợi cấp đất trong khu định cư mới, sư nói: "Sát bên chùa có ngôi nhà tình nghĩa của người chủ chùa đã mất, hiện bỏ trống. Gia đình con dọn đến đó ở tạm... khỏi phải thuê nhà. Ở gần chùa nghe kinh cho tâm nhẹ nhàng an ổn. Hai đứa bé cũng có duyên lạy Phật cầu Phật gia hộ...".

Anh chị bỗng bế con cái về ở trên đất chùa. Cuộc sống của gia đình có thêm niềm vui và những bận rộn mới. Sáng ngày chồng đi làm, chị ở nhà lo cơm nước, rảnh rỗi thì bế bé Ni qua chùa nghe Ni sư nói chuyện, thuyết pháp hoặc phụ với quý cô lau chùa quét dọn. Tối đến, vợ chồng con cái lại kéo qua chùa tụng kinh lễ Phật. Cuối tuần, chồng chị sang chùa chè cùi, tưới cây trồng kiểng... phụ quý cô các công việc nặng nhọc. Còn Bé Na, đi học về là có mặt ở chùa. Ngay việc học bài làm bài, nó cũng cầm một chỗ phía trước hiên. Na thích nghe quý cô tụng kinh, thích nghe kể chuyện Phật. Thỉnh thoảng con bé cũng huyên thuyên đủ thứ chuyện mà nó lượm lặt đâu trong lớp học. Giọng nói ngọng nghịu lại biết pha trò của Na đôi lúc cũng khiến quý cô phải ôm bụng cười ngặt.

Một buổi sáng con bé chạy sang chùa thông báo một chuyện hệ trọng:

"Thưa Sư phụ!". Nó gọi Ni sư trụ trì là sư phụ như ba mẹ. "Lúc nãy con ngồi đọc truyện Phật của cô Diệu đưa cho. Mỗi lần con ngưng đọc là Bé Ni... nó lại la ừ ừ. Con đọc thì bé im lặng chăm chú nghe... Sư phụ! Ni còn nghe được cả tiếng chuông bên chùa nữa đấy".

Ni sư xoa đầu Na rồi gật gù nói: "Ở gần chùa được nghe kinh cũng giúp bé Ni phát triển đôi chút khả năng hiểu biết. Dù bệnh tật không nói được nhưng tính nghe của nó vẫn không mất. Lúc nào con bận không đọc được thì bảo mẹ mở băng thuyết pháp niệm Phật cho em nghe...".

Bé Na nhanh nhẩu: "Dạ... Ni cũng thích nghe niệm Phật lắm ạ".

Ba mẹ bé Na có lẽ là người vui hơn cả. Niềm vui khi thấy đứa con gái nhỏ tật nguyên có chút biểu hiện về niềm tin Phật pháp. Chỉ bấy nhiêu đó thôi cũng khiến bậc làm cha làm mẹ cảm thấy hạnh phúc lắm rồi.

"Cứ tối tối nghe tiếng chuông là con bé đòi mẹ bế qua chùa. Mỗi lần mẹ nó bận công việc chưa kịp tắm rửa thay đồ... vừa nghe tiếng đại hồng chung là con bé ừ ừ khóc



thét lên. Cảm niệm hồng ân chư Phật, chư Bồ-tát gia hộ cho con bé... Chúng con thật không biết nói gì hơn".

Na thích theo cô Diệu. Cô còn trẻ nên con bé thấy dễ gần gũi nói chuyện. Ngồi với cô là nó mặc sức lúi lo: "Con nghe sư phụ nói, một người đi tu thì cả nhà cùng có phước. Mai một lớn lên con cũng sẽ đi tu cạo đầu mặc áo như cô Diệu vậy đó".

Không muốn làm tổn thương ước mơ thánh thiện của nó, cô Diệu nhẹ nhàng nói: "Bé Na ở gần chùa, được nghe pháp, sớm chiều nghe tiếng kinh tiếng mõ, biết niệm Phật tụng kinh và ưa thích điều lành việc tốt. Như vậy cũng là gieo nhân tu phước rồi... đâu cần phải cạo tóc ở chùa. Na chỉ cần cố gắng học giỏi... À! Cô nghe Na từng mơ ước làm bác sĩ để chữa bệnh cho em Ni mà, phải không?".

"Là con chỉ mơ ước thôi. Con ước mơ nhiều thứ lắm. Ước mơ đi tu. Ước mơ học giỏi làm bác sĩ. Ước mơ làm họa sĩ vẽ tranh. Mà cô ơi! Con nghe ba mẹ nói chuyện. Người ta sẽ cấp đất bồi thường tiền để làm nhà. Vậy là mai một con không còn được ở gần chùa để nghe quý cô tụng kinh nữa. Em Ni không còn nghe tiếng chuông đòi qua chùa lấy Phật. Bây giờ thì con chỉ ước mơ được ở gần chùa, gần sư phụ và gần cô Diệu mãi mãi..."

Cô Diệu phì cười: "Ước mơ nhiều nhưng đạt được cũng chỉ giới hạn thôi, cô bé à. Nếu con có tâm đạo, biết hướng thiện thì ở đâu cũng thành người tốt cả. Nơi mà ba mẹ con sắp cất nhà cũng không xa chùa lắm. Na ráng học cho giỏi, cho ngoan... Lâu lâu theo ba mẹ tới chùa thăm sư phụ thăm quý cô là tốt rồi".

... Mưa tạnh. Cô Diệu ra vườn hái rau. Ngang qua nhà bé Na, cô dừng lại. Con bé ngồi bên giường đọc

truyện Phật cho em nghe. Bé Ni nằm, đôi mắt thêm thiếp nhưng môi nó cứ mấp máy như ý nói mình đang lắng nghe. Con bé mấy hôm nay bị bệnh. Căn bệnh lý kéo dài làm nó suy kiệt nhanh chóng. Anh chị vừa đưa con từ bệnh viện về. Hôm con bé đổ bệnh đã có tiếng xầm xì: "Những đứa bé như nó thường không sống lâu. Đi sớm cũng là nhẹ nghiệp cho nó và cả bố mẹ".

Anh nghe nói thì tò ý không vui: "Còn chạy lo thuốc thang được lúc nào thì con ráng lo cho nó. Nhìn con đau đớn cha mẹ nào chẳng xót xa.. chỉ mong cho nó chóng khỏi lành bệnh".

"Cô Diệu ơi!".

Bé Na kêu lên khi nhìn thấy cô.

"Gi thế, bé Na?".

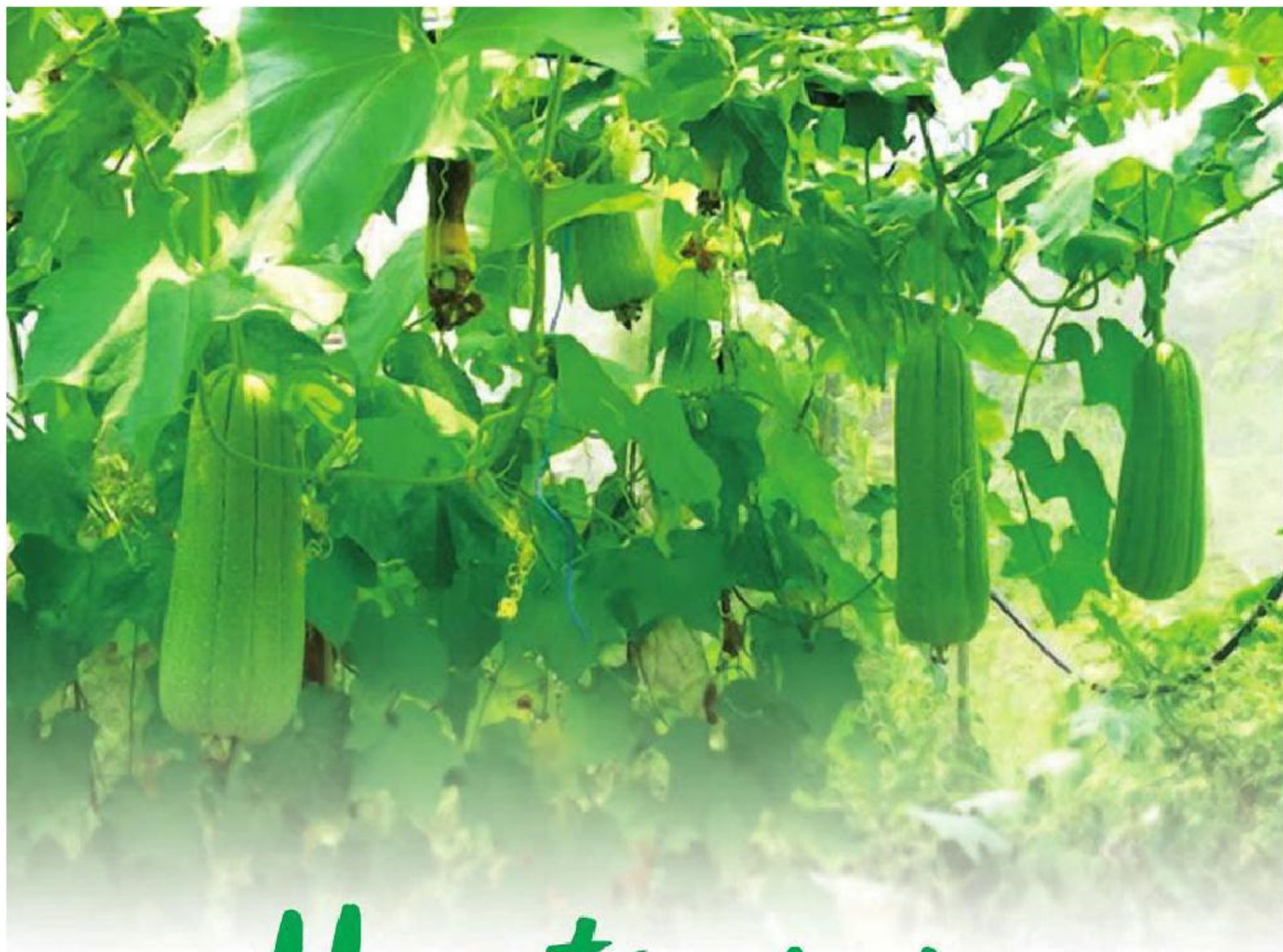
Bé Na cầm vội tờ giấy chạy đến đưa cho cô: "Con đã vẽ được ước mơ của mình rồi nè..."

"À!" Cô Diệu nhìn vào tờ giấy. Na vẽ hai đứa bé dắt tay nhau đi học. Phía trên là ông mặt trời đỏ rực. Đường đến trường có nhiều hoa và cỏ dại. Khung cảnh ban mai tràn đầy sức sống trong tiếng hát vui đùa của trẻ thơ.

Na ngập ngừng... ấp úng:

"Là... con vẽ đó. Hai chị em Na và Ni cùng dắt tay nhau đi học. Con dẫn em đến trường. Rồi con sẽ vẽ chùa... vẽ Sư phụ và cả cô Diệu nữa chứ... Chiều chiều hai chị em lại cùng ba mẹ đi chùa..."

Ồi! Ước mơ của thiên thần bé nhỏ. Nét vẽ đơn sơ, mơ ước bình dị nhưng chứa đựng cả ngàn lời yêu thương dành trọn cho đứa em gái bé bỏng thân yêu của mình. ■



Hai đứa trẻ

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

Khi anh lái xe ra khỏi thành phố thì trời sắp tối. Không quen đường, anh loay quanh lạc mất nhiều vòng, dừng lại trước một ngã tư không biết chạy hướng nào. Nhắc thấy bên kia đường, cuối bãi đậu xe trước khu shopping mall đã đóng cửa, hai đứa bé trai ngồi trên cỏ gần vệ đường. Một đứa bốn, năm tuổi và đứa kia bảy, tám tuổi, chắc là anh em. Khu vực này không hoàn toàn vắng, nhưng quanh chúng vào lúc đó không có ai cả, trời lại sắp tối. Anh ngạc nhiên, muốn quay xe lại nhưng vì lạc đường hoặc vì thói quen lười biếng, anh phóng hăn vào xa lộ, không quay lại được nữa. Trắng lên sáng bạc ở chân trời, anh mãi ngẩn, quên hẳn mọi thứ.

Sáng hôm sau, thức dậy ở nhà, anh nhớ lại, băn khoăn. Cha mẹ hai đứa trẻ là ai, ở đâu. Một người mẹ lơ dềnh bạn đi mua sắm? Một người cha ghé trạm đổ xăng, không để ý ở băng sau hai chú bé chui tọt ra ngoài. Hay một tai nạn bất ngờ? Nghĩ, lan man đủ chuyện.

Anh nhớ một buổi trưa chủ nhật, nằm đọc sách lơ mơ trên giường, gần cửa sổ. Mưa rơi lác đác trên mái nhà lúc anh bắt đầu ngủ thiếp. Mùi hương thoang thoảng làm anh tỉnh dậy. Không phải mùi hoa hồng, mặc dù lúc đó là đầu mùa xuân. Mùi lạ bay trong gió, có lúc nhẹ, có lúc đậm đà, biến mất rồi quay lại. Nằm mông lung nghĩ ngợi.



Hai chuyện có vẻ chẳng liên quan gì đến nhau. Anh tự an ủi: trong đời biết bao chuyện như thế, tưởng chúng có liên hệ nhân quả này nọ nhưng về sau chỉ là tình cờ.

Mùa hè năm nay anh về quê, sau chín, mười năm góc biển chân trời, lại tìm ra được nó. Một buổi chiều đi dạo với người bạn gái cũ trên con phố dọc bờ sông. Cô bạn bỗng nhiên chậm bước, ngẫm nghĩ, rồi đi tiếp. Anh nhìn cô tò mò. Cô trả lời: nhà này nấu canh mướp ngọt mà không bỏ ruốc. Anh ngạc nhiên, nhìn cô ngờ vực, cô vẫn như ngày nào. Cô giải thích: biết chứ anh.

Ruốc. Trời ơi, đó là thứ thức ăn gì mà khiến cô bạn của anh, một người thời trẻ anh đã từng đem lòng yêu say mê, lấy làm quan tâm hơn cả mọi chuyện, ví dụ như là chuyện sức khỏe của anh gần đây không được tốt lắm?

Anh nhớ mẹ anh khi mới vào Nam lần đầu thăm con, bảo: người Sài Gòn không biết nấu ăn. Bà than phiền: họ nấu ăn mà không có ruốc. Tanh chết được. Anh nhớ những ngày mưa lụt tháng Mười, nghỉ học, cùng các anh chị mang vớt ra sông, vớt những con tép nhỏ. Đó có phải là thứ tép di cư từ biển lên, người ta thường bắt để làm ruốc không? Anh không chắc, một mình ở chốn tha hương, bạn bè không phải người cùng quê, anh chẳng có ai để hỏi, bây giờ người ta gọi là tham khảo ý kiến. Chị Tư, một người đàn bà khoảng bốn mươi tuổi, mỗi năm thường gánh ruốc từ biển lên bán rong trong làng, có thể trả lời câu hỏi ấy của anh, nhưng biết tìm chị ở đâu. Chị đi từ sáng sớm, mặc chiếc áo dài màu đậu đỏ, gánh một gánh kiu kịt, trời mưa lâm thâm hay trời nắng như đổ lửa, chị vẫn mặc chiếc áo dài. Chị bán khắp làng, nhưng dành thứ ruốc ngon nhất dưới đáy thúng cho mẹ anh, người khách cuối cùng trong ngày. Đường xa, mẹ thường giữ chị ở lại qua đêm, mời chị ăn cơm tối. Đêm, chị ngủ trên chiếc chõng tre đặt gần cửa sổ ngoài hiên, mặc dù trong nhà, có chỗ nằm dành cho chị, nhưng chị ngại, khẳng khái không chịu vào nhà. Thế là mẹ anh cũng mang gối ra nằm ngủ ngoài hiên, tỉ tê trò chuyện. Ở đó, những đêm trăng sáng, dưới giàn hoa thiên lý xanh thơm man mác, bọn trẻ được chị kể cho nghe những chuyện cổ tích đầu tiên trong đời.

Như thế ruốc thì hẳn nhiên là có liên hệ với anh rồi, cô bạn nhắc đến là phải, nhưng canh mướp thì liên hệ gì? Anh không nhớ được.

Rồi anh về nhà ở Canada, rồi một hôm lái xe qua Mỹ và đi lạc đường. Hai đứa trẻ. Anh nhớ ra rồi. Đó là một buổi sáng tinh mơ đầu đời. Hôm ấy anh lên

bốn hay năm tuổi. Người ta có thể lưu giữ ký ức vào lúc mấy tuổi? Chú bé và người anh trai, lớn hơn hai tuổi, dẫn nhau qua đò ngang, lên tỉnh xem lễ Phật đản. Hồi ấy chưa có cây cầu tre tay vịn do Gia đình Phật tử bắc tạm qua sông để bà con từ vùng quê đến xem chương trình văn nghệ trên bãi đất trống trước mặt chùa Tỉnh Hội phủ bóng phượng vĩ trở bông đỏ thắm. Hai đứa trẻ lang thang giữa đám đông, tranh với những đứa khác nhặt những cái nắp có nút điện điển của chai bia Con Cọp nhét đầy túi. Chơi mãi quên cả tối. Bên kia sông, phía nhà của chú, nắng chiều vừa tắt, chuyến đò ngang cuối cùng ngừng đưa khách, người lái đò đã gác mái chèo lên mạn thuyền ỉ ọp sóng, kéo dây buộc vào bãi cát trắng, lưng thưng đi lên quán rượu khuất sau bụi tre cuối bến, gần làng Xuân An, trước mặt chùa Sư Nữ.

Khi chúng nhận ra mình là những kẻ sau cùng trên bãi cỏ thì đã quá muộn.

Hai đứa trẻ sợ hãi ngơ ngác trên đường, chạy từ góc phố này qua góc phố khác, tìm đường về nhà, không dám hỏi đường, trong một thành phố đã đến giờ lên đèn, xa lạ. Bên hàng rào kẽm gai gần một trại lính, một người lính mặc quân phục màu xanh bóng súng đứng gác trong im lặng. Dưới ngọn đèn đường vàng vọt, cao vút, tiếng ve bắt đầu hót, nghe khi như từ bên phải, khi như từ bên trái, chộn rộn vang rền. Một cặp tình nhân đi đi lại lại. Người thanh niên cao lớn tóc chải đầu bóng loáng, người thiếu nữ nhỏ nhắn để tóc dài đen mượt xuống khỏi thắt lưng. Chị đi guốc cao gót, nên trông có vẻ nhún nhảy. Họ đi hết một đoạn đường, rồi quay ngược lại, và đi như thế đều đặn nhiều lần, nhẹ nhàng nhưng nghiêm nghị, không nói năng gì. Tiếng guốc gõ nhịp đều đều. Khung cảnh kỳ lạ làm hai đứa trẻ ngẩn người: một thế giới xa lạ. Đi bộ đau ở bắp chân, chúng kéo nhau vào cổng tam quan trước chùa. Đêm vào khuya, sân chùa vắng lặng không bóng người, trên ngọn ngò đồng cao vút một con chim đi ăn đêm về muộn kêu mấy tiếng rồi im bật. Chúng chui vào một góc tối trước cổng chùa nằm ngủ. Chú bé mệt quá thiếp đi một lúc nhưng lát sau tỉnh lại vì đói bụng. Anh của chú bảo chú cầu nguyện. Chú làm theo, rồi ngủ thiếp lần nữa. Lại thức dậy vì đói. Gió lạnh từ ngoài sông thổi vào. Một vật gì lạnh lạnh hơn chạm vào chân. Chú ngồi lên: hai đồng tiền của ai để rơi lấp lánh dưới ánh trăng. Đồng tiền kẽm có in hình cây trúc. Hai đứa trẻ cầm mấy đồng tiền chạy qua quán tạp hóa bên góc chùa. Người chủ quán cầu nhàu vì mất ngủ, hé liếp cửa lấy tiền rồi bỏ vào tay chúng những viên kẹo bi tròn nhẵn đủ màu xanh đỏ. Chú ngồi ăn kẹo, nhìn qua bên kia sông, trăng đã treo một lưới liềm sáng bạc trên rừng dương liễu đầu làng. Lần đầu tiên chú biết cảm giác nhớ nhà, xao xuyến, đau thắt cả ruột. Căn nhà của chú nằm ngay dưới vầng trăng ấy, tưởng

chạm tay vào là được mà xa xôi quá. Từ đó về sau, khi đã lớn, cảm giác bồn chồn không yên ấy thỉnh thoảng lại trở về. Tâm trạng tha hương.

Chờ đến sáng tinh mơ hai đứa trẻ đi xuống bờ sông, lúc ấy còn sớm, chuyển đồ ngang sớm nhất cũng bắt đầu trễ hơn. Dưới bến một con thuyền có mũi của dân chài lưới đi đánh cá đêm cắm sào trong sương mù buổi sáng từng lớp từng lớp trôi đi. Chúng kéo tay nhau xắn quần đùi lội ra. Mùi thơm ngào ngạt xông lên từ mũi thuyền. Mùi canh mướp mà mẹ chú thường nấu những ngày nóng nực. Mùi mướp ngọt, mùi ruốc, bay xa trong gió, khắp xóm đều nghe. Một người đàn ông chắc là chủ thuyền đang ngồi vá lưới ngẩng đầu lên hỏi một câu gì đó rồi khoát tay ra hiệu cho hai đứa trèo lên. Ông ta chỉ tay vào cuối thuyền, một đứa bé gái trạc bằng tuổi chú hoặc lớn hơn chút đỉnh thắt hai cái bím bằng dây cao su xanh đỏ đang ngồi bên một nồi canh mướp bốc khói nghi ngút. Cô bé có vẻ lanh lợi, nhường chỗ cho chúng, bưng cho mỗi đứa một tô canh mướp nóng. Sau này chú không có dịp nào để quay lại cảm ơn người chủ thuyền và cô con gái. Nhiều năm trôi qua, mỗi khi nhớ lại mùi canh mướp ngọt, mùi ruốc thơm trong gió, anh lại nhớ đến cô bé, giờ này chắc đã có con, có cháu. Và nhớ người anh

trai lớn hơn hai tuổi. Một người ngã xuống trên chiến trường, dòng máu trên ngực đã khô từ lâu. Một người nay có lẽ trở thành một người lái đò, hay một bà chủ tiệm, hay đã chết trong chiến tranh, hay là một góa phụ lặn lội giang hồ thân gái dặm trường?

Anh nhớ vành trăng lưỡi liềm sáng bạc bên kia sông, nhớ chùa Tĩnh Hội, nhớ mùa Phật đản, nhớ cặp tình nhân đi đi lại lại bên hàng rào thép gai trại lính dưới ánh đèn vàng vọt, nhớ hai đứa trẻ lạc đường xa nhà đói bụng ngồi trên bậc tam cấp trước cổng chùa. Anh nhớ hai đứa trẻ khác ngồi trên bãi cỏ vệ đường khi trời sắp tối bên kia bãi đậu xe sau một khu shopping mall phồn hoa đô hội ở Mỹ. Hai đứa trẻ và một người đàn ông lái xe cùng lạc đường, không bao giờ có dịp gặp lại nhau. ■



Cơm cháy - rau củ xào

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Cơm cháy khô khi chiên lên giòn rụm, dùng chung với các loại rau củ xào sệt là món ăn rất hấp dẫn: nóng sốt, nhưng lại giòn tan! Món này có thể áp dụng trong thực đơn cho các buổi tiệc chay.

Nguyên liệu:

Cơm cháy khô: 100gr
Đậu hũ: 1 bìa
Nấm mèo: 3 tai
Nấm rơm tươi: 100gr
Nấm đông cô khô: 3 tai
Hạt điều: 50gr
Su bông xanh: 100gr
Su bông trắng: 100gr
Cà rốt: 1 củ
Cần tây: 100gr
Đậu Hà Lan: 30gr
Bắp non: 30gr
Boa-rô: 1 cây
Bột bắp: 1 muỗng súp
Gia vị: Muối, tiêu, đường, nước tương, dầu mè, dầu ăn.

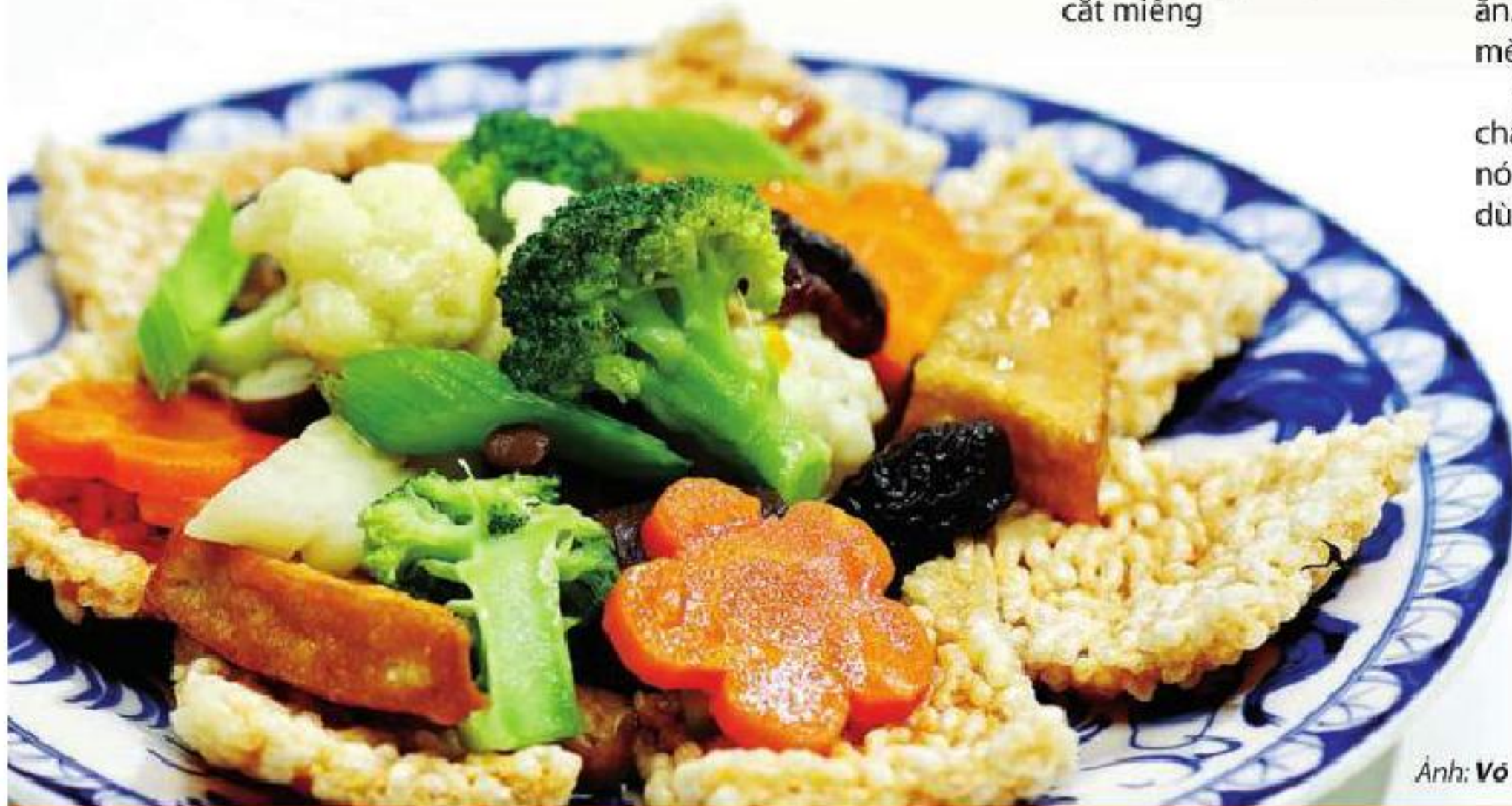
Cách làm:

- Cơm cháy: chiên giòn, để ráo dầu
- Đậu hũ: cắt lát, chiên vàng
- Nấm mèo: ngâm nước cho nở, rửa sạch cắt miếng
- Nấm rơm tươi: ngâm nước muối một lúc, gọt chân rửa sạch
- Nấm đông cô: luộc mềm, xắt lát
Ướp các loại nấm và đậu hũ với gia vị và boa-rô cắt nhỏ để một lúc cho thấm
- Su bông xanh, trắng: cắt miếng

- Cần tây: cắt khúc
- Cà rốt: tĩa hoa, cắt lát
- Đậu Hà Lan: tước chỉ hai bên
- Bắp non: chẻ đôi
- Trụng sơ các loại su bông, cần tây, cà rốt, đậu Hà Lan, bắp non. Kế, thả vào nước đá lạnh một lúc, vớt ra để ráo.

Bắc chảo nóng cho vào 1 muỗng súp dầu ăn, bỏ đậu hũ và nấm đã ướp vào xào cho thơm. Đổ nước hòa với 1 muỗng súp bột bắp vào nấu cho sệt. Rối cho các loại rau củ vào trộn đều, nêm nếm lại vừa ăn. Nhắc xuống, rắc dầu mè và bỏ hạt điều lên mặt.

Khi dọn thì xếp cơm cháy ra đĩa, rưới đồ xào nóng lên mặt. Món này dùng nóng.



Ảnh: Võ Lộc



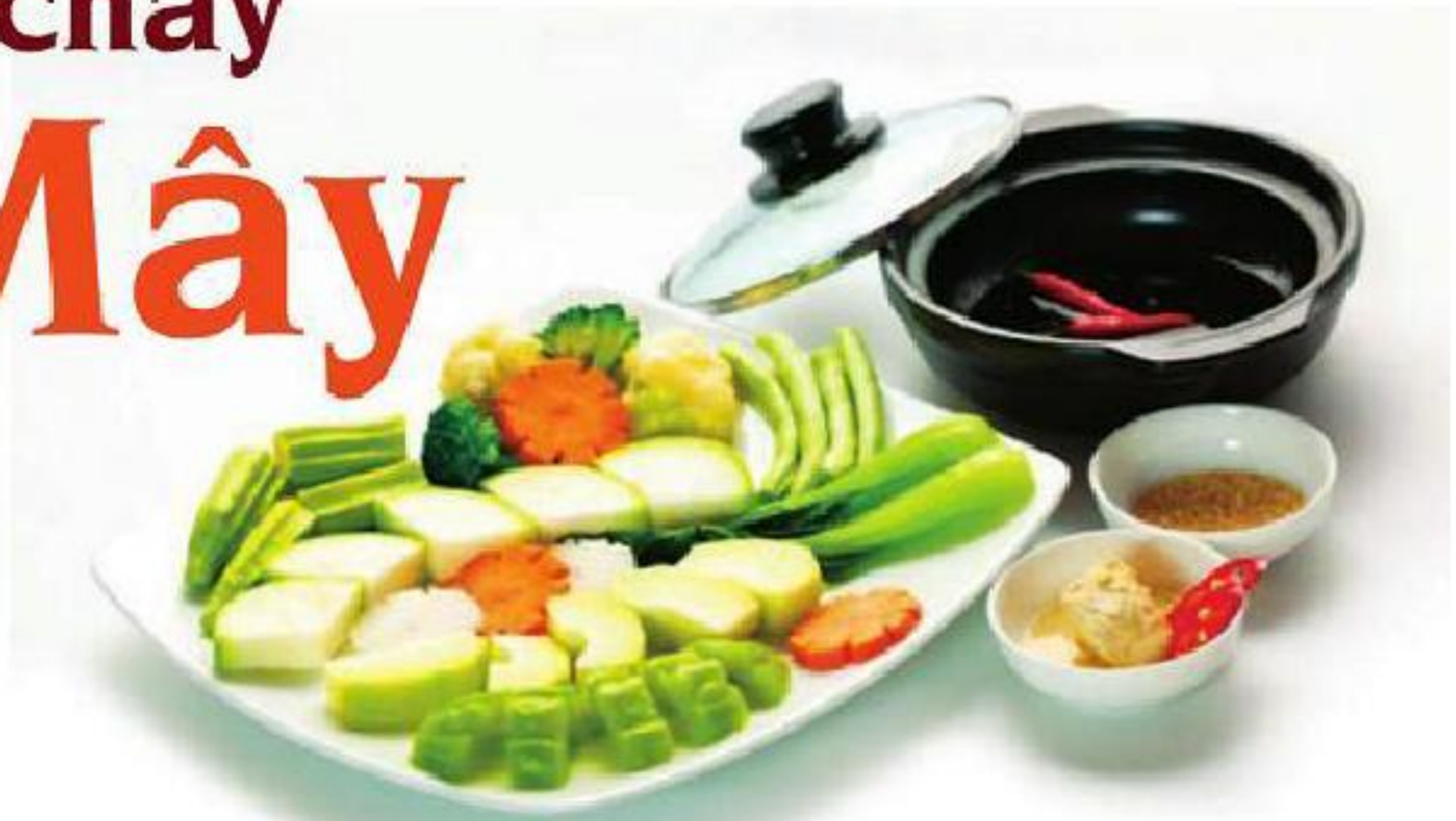
CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®
Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372
92/31 Trần Mai Ninh - P.12 - Q. Tân Bình ĐT: 6270 0618 (chị Huyền)



Nhà hàng chay Sân Mây



Đến với nhà hàng chay Sân Mây lần đầu tiên, chúng tôi thật sự đã gặp chút ít khó khăn. Do được hướng dẫn trước, nên chúng tôi biết rằng nhà hàng là lán giếng của Chùa Từ Ân và trường ĐH Gia Định, cùng tọa lạc trên một con hẻm khá rộng nối giữa đường Cao Thắng nổi dài (khu chợ đêm Hồ Kỳ Hòa) với đường Cách Mạng Tháng Tám.

Đặt chân vào nhà hàng, chúng tôi được tiếp đón bởi hai hàng trúc xanh ngời tươi mát, cây ngọc lan tỏa hương nhẹ nhẹ. Còn ánh nắng giữa trưa gay gắt được làm dịu đi bởi một mảng lưới xanh và những bông hoa tí ti rủ xuống từ những chậu cây treo lung lẳng. Một mảnh sân nhỏ nhưng chứa cả một không gian yên bình làm bao nhiêu muộn phiền dường như được rũ sạch.

Bước vào trong, chúng tôi không khỏi mỉm cười khi thấy bức thư pháp: Hạnh Phúc đây rồi, đừng tìm kiếm nữa. Tìm kiếm làm chi,

khi mà chào đón chúng tôi là các em phục vụ rất hiền lành và niềm nở. Menu mang ra, hơn 50 món ăn thuần Việt, bồi dưỡng cho cả tâm và thân. Tên món ăn rất đơn giản: gỏi cuốn, rau luộc chấm ba vị, canh chua, nấm kho tiêu nhưng món nào cũng ngon, cũng thi vị.

Anh Giang, quản lý nhà hàng chia sẻ: - Nhà hàng không sử dụng bột ngọt và thực phẩm chế biến; chỉ dùng rau, củ, quả mà thôi. Nhà hàng còn phục vụ giao cơm văn phòng tận nơi, 25.000đ/hộp, để phù hợp với túi tiền của mọi người. Tuy là cơm văn phòng nhưng buổi tối cũng sẵn sàng bán và giao

thật xa, cốt yếu là để tri ân khách hàng đã có lòng ăn chay.

Ăn xong món chính, chúng tôi lại có cơ hội nhâm nhi chè từ quấy buffet chè. Cũng như món chính, chè ở đây rất Việt: chè khoai tía, đậu xanh, bà ba, chè chuối chung, sương sáo hạt lựu, v.v.. trên dưới 10 món. Thì ra là mình cũng có duyên vì Sân Mây chỉ phục vụ chè vào ngày 30, 1, 14 và



15 Âm của tháng, mà mình đi lần đầu đã gặp hên rồi!

Thật thành thơi, chúng tôi bất chợt nhận ra: Nguyên vật liệu của Sân Mây có thể chỉ là quả cà chua, trái chuối, củ su hào, nhưng bí quyết của Sân Mây còn đơn giản hơn nữa mà thật vô giá: đó chính là cái Tâm. Tâm mong ước mọi người ăn chay nhiều hơn để góp phần làm "xanh" thêm môi trường sống của chúng ta.

Tạm biệt nhà hàng chay Sân Mây, chúng tôi vô cùng hoan hỷ, tuy vẫn còn vấn vương lắm khung cảnh và con người ở đây. Cảm ơn Sân Mây đã cho chúng tôi một buổi trưa thật thông thả, bình an và đã nhắc chúng tôi dừng lại để hạnh phúc. ■



*Hạnh phúc đây rồi
Đừng tìm kiếm nữa*



Kính mừng Đại lễ Vu lan

- ✿ Nhà hàng *Sân mây* chuyên phục vụ các món chay
- ✿ Giao cơm chay văn phòng tận nơi (25.000đ/phần)
- ✿ Phục vụ Tiệc chay theo yêu cầu

- ✿ Vào các ngày 30, 1, 14, 15 âm lịch hằng tháng, nhà hàng phục vụ Buffet Chè - 20.000đ/người



Sân mây
NHÀ HÀNG CHAY

252/43 Cao Thắng (nd), p.12, q.10
08 3 507 1628 | 01273 99 11 38
www.sanmayrestaurant.com

viet-art

HOA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.BT, TP.HCM

ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212

Email: vietartsupply@gmail.com

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi trân trọng thông báo, thân mẫu của chúng tôi là

CÔNG TÀNG TÔN NỮ KHÁNH TRỢ

Quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới, pháp danh: **Tâm Nhơn**

Sinh ngày **06-04-1920 (Canh Thân)**

Lâm chung ngày **28-07-2010 (Canh Dần)**

Hưởng thọ **91 tuổi**

Cùng trong ngày, tang lễ đã cử hành tại chùa **Thiền Quang** do Ni sư **Thích Nữ Chân Đạo** trụ trì, tọa lạc tại địa chỉ **8042 Hazard Avenue, Midway City, CA 92 655 USA**, Điện thoại: **(714) 899 – 6093**

Trong đại sự sanh tử này, thành kính yêu cầu thân bằng quyến thuộc và Phật tử, pháp hữu quen biết, phát bồ đề tâm và liễu ngộ Phật pháp:

*Phát bồ-đề thời thử tâm vô quái ngại
Sinh cực lạc quốc tùy địa đắc viên thông*

Nam-mô Tiếp dẫn Đạo sư A-di-đà Phật

TM. Gia đình và thân bằng quyến thuộc
Trân trọng thông báo

Thích Tâm Ngoạn, Phạm Đăng Cẩm

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NI VIỆN VẠN HẠNH

Vu lan mùa hiếu hạnh

Kính nguyện chư tôn thiện đức

Pháp thể khinh an

Hóa duyên vô ngại

Phật sự viên thành

Thân chúc Phật tử gần xa

Nhuần chiêm chánh pháp

Vạn duyên sung mãn

Hiếu hạnh vương tròn

Nam-mô Đại hiếu Mục Kiền Liên Bồ-tát

Tỳ kheo NI THÍCH NỮ GIÁC TRUNG

508 Tỉnh lộ 43 - KP.5, P. Tam Phú, Q. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 08. 38961857



**QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐỒ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG**

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM

ĐT: 38.355.590 - DD: 0983 675 570

Nhà May

VẠN HẠNH

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TU SĨ:

Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHỰT BÌNH V.V.

QUỐC PHỤC - MÃO

603 ĐIỆN BIÊN PHỦ - P.1 - Q.3 - TP.HCM

ĐT: 35040672 - 38301956 - 0903 343 183

(đầu Ngà bảy - lên lầu 1 gặp Cô Tịnh)

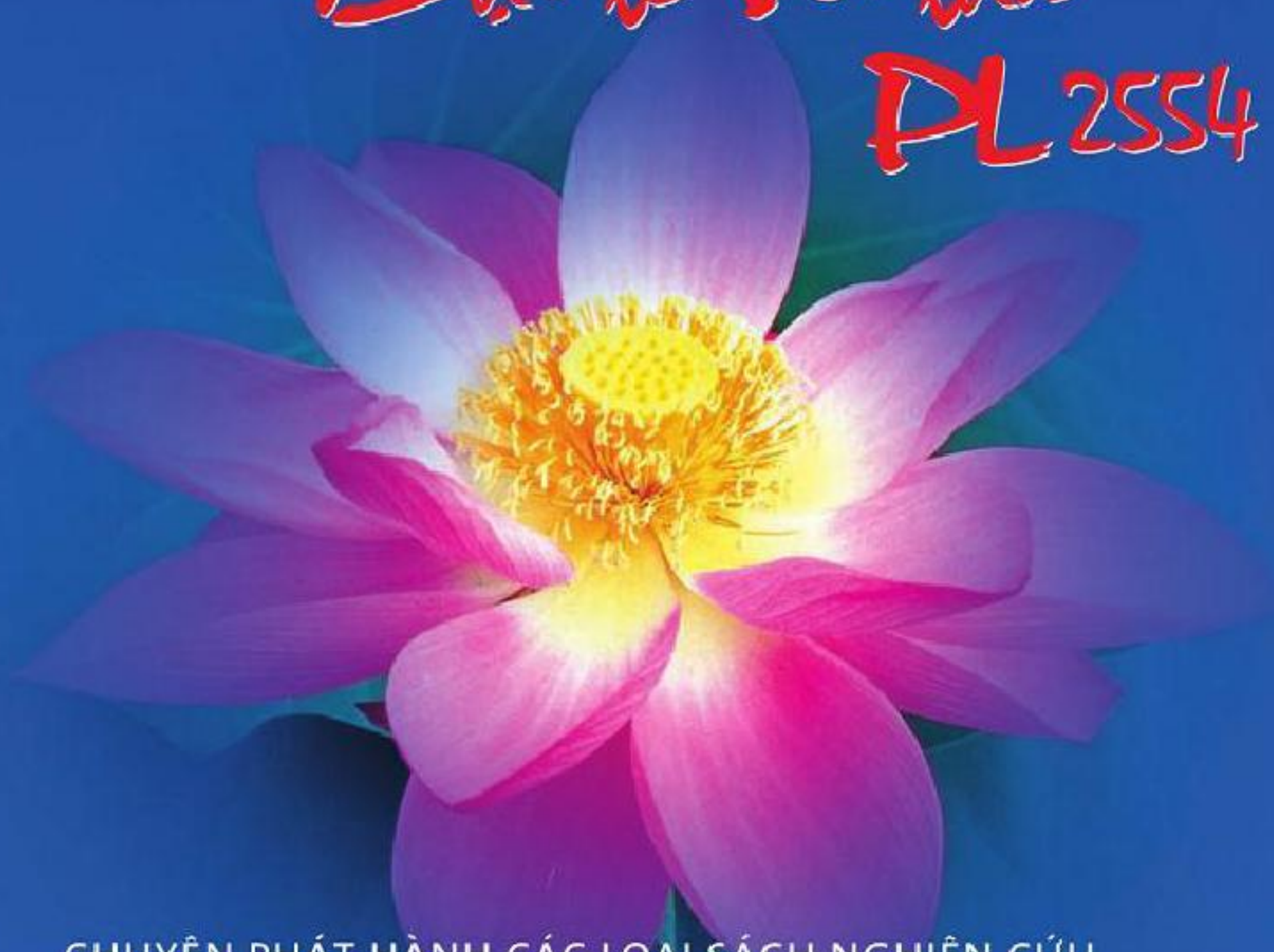
Nhà sách

TRÍ TUỆ

Kính mừng

Đại lễ Vu lan

DL 2554



CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC
VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

203 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.522, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthinh@gmail.com

KHÔNG GIAN VIỆT CHAY...



Không gian phòng VIP...



Đám cưới tiệc chay...



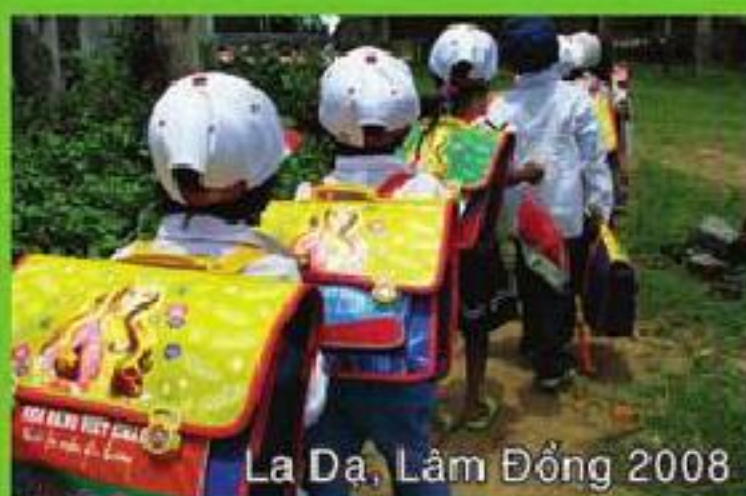
Hành thiền trước khi làm việc...



Giúp trẻ em khuyết tật tại Bảo Lộc 2007



Bến Tre 2009



La Da, Lâm Đồng 2008



Khám bệnh phát thuốc tại Bến Tre 2009



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion
www.vietchay.vn



Trăm năm trước thì ta chưa gặp
Trăm năm sau biết gặp lại không
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau



Phát quà học sinh nghèo tại Khánh Hòa 2007

PHẬT SỰ, TỪ THIỆN...



Hội trại hè 2008



Hội trại hè 2009



Hội trại hè 2010



Giúp trẻ em mồ côi tại Bình Thuận 2008



2008



Giúp Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Cửu Chi

Tel: 38 48 33 99

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM

Email: nhahangvietchay@yahoo.com

14 & 15/8/2010, Việt Chay tiếp tục cùng với Hội SÔNG YÊU THƯƠNG và các mạnh thường quân phát quà cho 1.650 học sinh nghèo vào năm học mới, 111 trẻ em mồ côi khuyết tật và 2.320 hộ nghèo tại 2 huyện Đầm Dơi và U Minh tỉnh Cà Mau

Công Ty Cổ Phần Giày Việt

Trụ Sở: 180 - 182 Lý Chính Thắng, Q. 3, Tp. HCM - ĐT: (08) 9319787

Hơn 60 Năm Nghề Nhân Chuyên Nghiệp - Nổi Kết Công Nghệ Đóng Giày Tiên Tiến Hiện Đại

Sản Phẩm Được Chứng Nhận **Top Ten Hàng Đầu Ngành Giày Da Việt Nam**



Do Người Tiêu Dùng
Bình Chọn

Sở Hữu - 3 Thương Hiệu



Thương Hiệu Việt

- 1. Vina-Giày.** . Da Thuộc - Công Nghệ Cao (Nhiều Huy Chương Vàng)
- 2. Giày Việt.** . Thời Trang - Sắc Màu - Hiện Đại.
- 3. Vũ Châm.** . Giày Nghề Nhân - Da Trăn, Cá Sấu

Liên Tiếp 14 Năm (1997 - 2010) Đạt Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao

Người Việt Nam Dùng Hàng Việt

Sản Phẩm Ngang Tầm Hàng Ngoại - Giá Thấp Hơn Nhiều



Sơn Hà Vạn Dặm Nhẹ Đôi Chân

Luôn Đi Cùng Thành Công Và May Mắn Của Quý Khách

Trên 40 cửa hàng - đại lý bán lẻ sản phẩm các tỉnh thành cả nước:

KỆ ĐỌC KINH XẾP **THUẬN AN** CUNG KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN PL:2554

DƯỠNG NUÔI NIỀM TRÍ TUỆ

ƯU ĐIỂM : ĐIỀU CHỈNH ĐỘ NGÃ , ĐỘ DỐC THEO Ý MUỐN

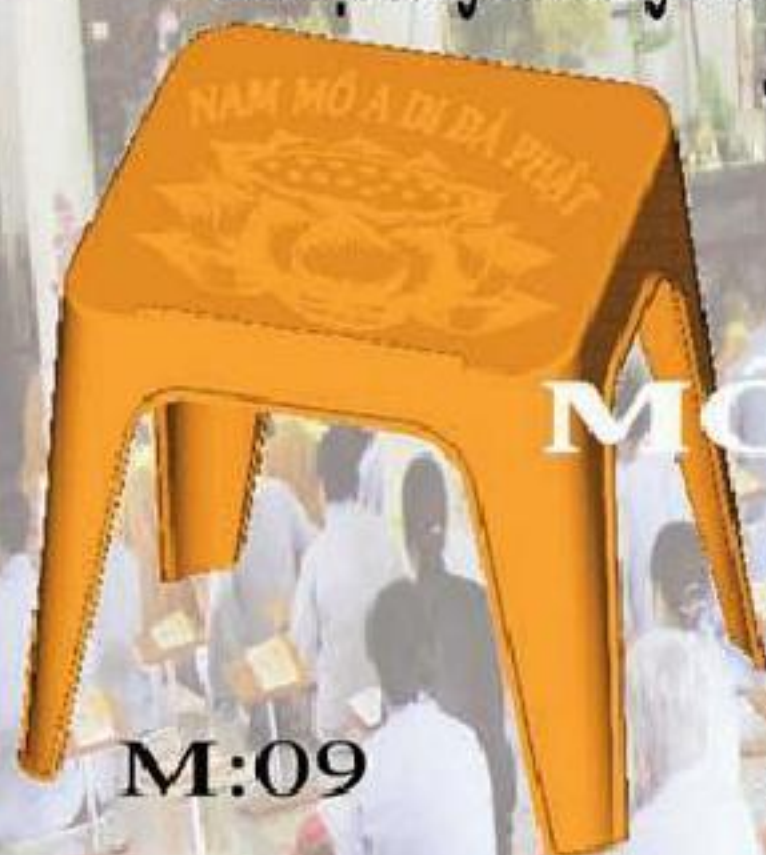
Chất liệu sáng bền vững chắc theo thời gian nhất định , inox 304 không rỉ sét , thích hợp với các vùng miền

THỜI GIAN BẢO HÀNH 2 NĂM , THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

NGUYỄN TOÀN TÂM , TẬN LỰC PHỤC VỤ PHẬT PHÁP
CÓ BÁN TẠI CÁC PPH KINH SÁCH TP HCM VÀ CÁC NƠI

105M/27 HỒ THỊ KỶ , P.1, Q. 10, TP.HCM
(08).38.351.185 - 0903.955.150

TRẦN NGỌC TÔI
PD: TUỆ HIẾU



M:09



M:01



SẮT 2 MẶT

M:03



GỖ 2 MẶT

M:04 M:05



M:02

GỖ 1 MẶT



M:06

NHỰA 1 MẶT



M:06

NHỰA 1 MẶT



NHỰA 2 MẶT

M:07

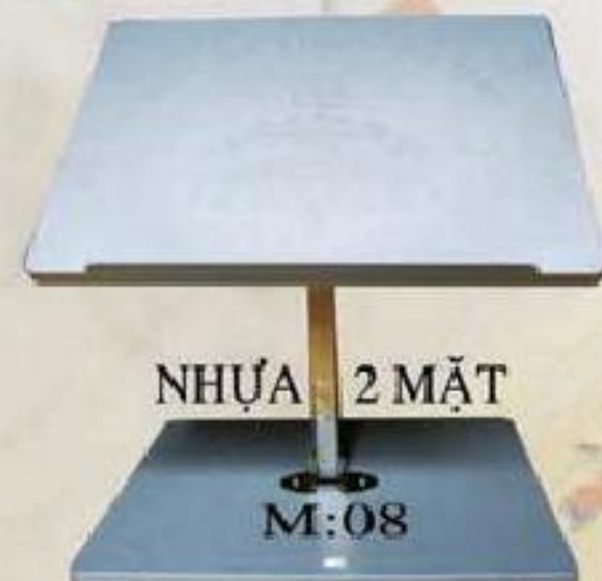


NHỰA 2 MẶT

M:07



XE ĐỂ KỆ 2 MẶT 80 ĐẾN 160 CÁI



NHỰA 2 MẶT

M:08



NHỰA 2 MẶT

M:08



XE ĐỂ KỆ 1 MẶT 50 ĐẾN 100 CÁI

ẢNH NỀN CHÁNH ĐIỆN CHÙA HOÀNG PHÁP (HM)

Ấm Tử Sa *Phụ Quý Thố*



Mua bán đẹp ưng như cầu thương ngoại!

Phòng trưng bày: 491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DĐ: 0903.848.147

QUÁN CHAY

pháp uyển

ẨM THỰC - HỘI HOA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579



Mới

Chỉ có tại
HẠT GẠO VÀNG

BÁNH CUỐN CHAY & BÁNH ƯỚT CHAY



TỰ CHỌN BỘT:

- * **TRUYỀN THỐNG**
- * **LÁ DỨA**
- * **KHOAI MÔN**
- * **NƯỚC CỐT DỪA**

Vào ngày mùng 1 & 15 hàng tháng;
Suốt tháng 7 âm lịch.

Nhân miễn tự chọn:
tôm thịt, gà nấm, hải sản,
thịt nướng, tôm chấy...

"Quán Xanh - Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm"

101 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q. 1
ĐT: 667 39 117 - Website: hatgaovang.com



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các
loại một hồng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

Cơ sở 1: Shop 41B tầng trệt (first floor)
77-89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa street, district 1

Cơ sở 2: Shop 27 A và 28 A tầng trệt (first floor)
7-9 Tôn Đức Thắng street, district 1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
Email: hongthao268@yahoo.com.vn

Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009

(từ số 84 đến 95)



Đang phát hành

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
Thủ Công Mỹ Nghệ Cao Cấp

Hoàng Nghiêm

○ **Đặc biệt:**

■ **Tượng Phật giảm giá 10%**

■ **Chuyên hồ phách từ Âu châu**

82/112 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
(cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đối diện chùa Vĩnh Nghiêm)
ĐT: (84.8) 22.128.757
E-mail: hoanghiem09@yahoo.com.vn



Chuyên cung cấp các sản phẩm nghệ thuật văn hóa Phật giáo sỉ & lẻ:

- Tượng Phật điêu khắc nghệ thuật cao cấp bằng gỗ, đá, đồng theo các truyền thống Phật giáo.
- Chuyên chế tạo tượng Phật nhựa hợp chất mạ vàng.
- Tranh vẽ theo truyền thống Tây Tạng (Thangka), Nhật, Trung Quốc và Việt Nam.
- Nhận làm các công trình chùa viện bằng đá granite.
- Chuông mõ, tháp xá lợi, lư hương, nhang trầm, đèn hoa sen, pháp phục tu sĩ & cư sĩ, hàng lưu niệm, chuỗi hạt v.v...
- Các loại trà & trà cụ.
- Kinh sách Phật học nghiên cứu.

□ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**
○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương** ○ **Mobile: 0918 032 040**
✉ Email: vietartsupply@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo,
quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa
và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

HÃY ĂN CHAY, SỐNG XANH ĐỂ CỨU ĐỊA CẦU

Cải thiện Đời Sống ♥ Biến đổi Tâm Hồn ♥ Thay cách Dinh Dưỡng ♥ Không còn sát sinh ♥ Sống lành mạnh, sống từ bi

LỐI SỐNG MỚI

Một vài thực phẩm chay tiêu biểu, bổ dưỡng, cứu sinh mạng:

Thực phẩm	Tỷ lệ chất đạm (theo trọng lượng)
Đậu hũ (từ đậu nành)	16 %
Mì căn (từ bột)	70 %
Bắp (ngô)	13 %
Gạo	8.6 %
Các loại đậu: Đậu nành, đậu tằm, đậu garbanzo, đậu lăng, v.v....	10 - 35 %
Các loại hạt: Hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông, v.v....	14 - 30 %
Hạt bí đỏ, hạt mè, hạt hướng dương, v.v....	18 - 24 %

- Thuốc bổ đa sinh tố (loại có đặc) cũng là một nguồn vitamin, chất khoáng và chống oxy hóa rất tốt.
- Rau cải, trái cây có rất nhiều chất dinh dưỡng như sinh tố, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất sợi có chất lượng cao, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.
- Số lượng chất đạm nên có mỗi ngày: 50 gram (trung bình cho người lớn).
- Chất vôi từ rau cải hấp thụ hơn chất vôi từ sữa bò.

- Để giảm thiểu nguy cơ của dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
- Tránh hiểm họa của bệnh bò điên và dịch lợn, v.v...
- Để chấm dứt sự sát hại tàn khốc đang liên tục diễn ra hàng ngày cho hàng tỷ bạn gia súc hiền lành, những loài sinh vật dưới đại dương và gia cầm, chim muông

Chuyến sang ăn chay trường là điều sáng suốt.

Ăn chay vì sức khỏe

Ăn chay vì kinh tế

Ăn chay vì môi sinh

Ăn chay cao thượng

Cám ơn
lòng từ bi của bạn

Xin
cầu nguyện
cho bạn

Cứu mạng
chúng em!
Chúng em
thương bạn!

Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng
viếng các trang mạng:

<http://AL.GodsDirectContact.org.tw>

<http://www.vrg.org>

<http://www.vegsource.com>

<http://www.vg.org>

Hoặc biên thư về địa chỉ: AL@GodsDirectContact.org

Supreme Master Television

Truyền hình không định cho một thế giới hòa bình

Trình chiếu khắp nơi trên thế giới 24/24 qua 14 vệ tinh
và trực tuyến truyền hình: www.SupremeMasterTV.com

Galaxy 25, Hispasat, Intelsat 907, ABS, Astra 1, AsiaSat 2, AsiaSat 35, B Sky B
Intelsat 10 C-Band, Intelsat 10 KU-Band, Optus D2, Eurobird 2, Hotbird

Danh Nhân Trường Chay Trên Thế Giới

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần Paramahansa Yogananda (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử, Phật Thích Ca, Lão Tử, Thánh Francis Assisi, Thiền Sư Nhất Hạnh, Yogi Maharishi Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Pythagoras (nhà toán học & triết gia Hy Lạp), Tiên Tri Zoroaster (sáng lập Hỏa giáo Ba Tư), Muhammad Rahlm Bawa Muhaiyadeen (Thánh nhân Hồi giáo Sufi), v.v. ...

Văn Nghệ Sĩ Leonardo Da Vinci (họa sĩ Ý), Leo Tolstoy (văn hào Nga), Ralph Waldo Emerson (thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ái Nhĩ Lan), John Robbins (tác giả Hoa Kỳ), Mark Twain (văn sĩ Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (bác sĩ & nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadegh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v. ...

Khóa Học Gia & Nhà Phát Minh Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Albert Einstein (nhà vật lý học Đức), Thomas Edison (nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (nhà vật lý Anh), Nikola Tesla (nhà phát minh Serbia & Hoa Kỳ), Henry Ford (nhà sáng lập công ty Ford Motors, Hoa Kỳ), v.v. ...

Chính Trị Gia & Nhà Tranh Đấu Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ quyền bầu cử của nữ giới), Mahatma Gandhi (nhà tranh đấu dân quyền Ấn), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền Hoa Kỳ & phu nhân Tiến sĩ Martin Luther King, Jr.), Tiến sĩ Janez Drnovsek (Tổng thống Slovenia), Tiến sĩ Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v. ...

Diễn Viên & Người Mẫu Tài tử Pháp Brigitte Bardot | **Tài tử Anh**: John Cleese, Ian McKellen, Kate Winslet | **Tài tử & diễn viên Hoa Kỳ**: Pamela Anderson, Danny Devito, David Duchovny, Richard Gere, Daryl Hannah, Dustin Hoffman, Ashley Judd, Steve Martin, Tobey Maguire, Paul Newman, Joaquin Phoenix, Steven Seagal, Jerry Seinfeld | **Siêu người mẫu Hoa Kỳ**: Christie Brinkley, Christy Turlington, v.v. ...

Ca Nhạc Sĩ George Harrison - Paul McCartney - Ringo Starr (ban nhạc Beatles), Bob Dylan (ban nhạc Beatles), Shania Twain (Già Nữ Đợi), Vanessa Williams (Hoa Kỳ), v.v. ...
Pink (Hoa Kỳ), Prince (Hoa Kỳ), Tina Turner (Hoa Kỳ), Bill Walton (ngôi sao bóng rổ Hoa Kỳ), Carl Lewis (lực sĩ Hoa Kỳ), Edwin C. Moses (lực sĩ Hoa Kỳ), 2 lần thắng

Lực Sĩ Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v. ...
huy chương vàng điền kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v. ...

Và còn nhiều vị nữa... Xin viếng: <http://AL.GodsDirectContact.org.tw/vg-vip> **CÁCH NHANH NHẤT ĐỂ GIẢM 80% HÀM NÓNG TOÀN CẦU LÀ DỪNG SẢN PHẨM KHÔNG ĐỘNG VẬT**



Để biết thêm thông tin chi tiết xin viếng: www.SupremeMasterTV.com

Đón đọc

VĂN HÓA P HẬT G I Á O

Số 112

Phát hành ngày 1 - 9 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CÁN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
138B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú TỰ NỞ)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG